

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ TƯ PHÁP

SỔ TAY
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

NĂM 2023

LỜI NÓI ĐẦU



Hoà giải ở cơ sở là một phương thức giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư. Thực tiễn cho thấy những năm qua, hoạt động hòa giải ở cơ sở đã khẳng định vai trò to lớn, ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội; góp phần tăng cường tình đoàn kết trong cộng đồng dân cư, kịp thời ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm ổn định, trật tự, an toàn xã hội, giảm bớt các vụ việc phải chuyển đến Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết; tiết kiệm thời gian, kinh phí cho Nhà nước và Nhân dân.

Để góp phần nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở và đội ngũ hoà giải viên trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, chúng tôi biên tập lại thành cuốn “Sổ tay bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở” cho phù hợp với thực tiễn của địa phương để làm tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về công tác hoà giải ở cơ sở.

Cuốn sổ tay gồm có 02 phần: Phần lý thuyết và Phần tình huống pháp luật. Phần lớn nội dung tài liệu là những tình huống giả định đúc kết từ quan hệ thực tiễn sẽ góp phần làm tài liệu tham khảo cách thức giải quyết vụ việc cho hòa giải viên ở cơ sở.

Chúng tôi hy vọng rằng, cuốn sổ tay sẽ là tài liệu nghiệp vụ cần thiết để Hoà giải viên ở cơ sở tham khảo và áp dụng thực hiện công tác hòa giải ở địa phương mình. Trong quá trình biên soạn chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn./.

SỞ TƯ PHÁP TỈNH AN GIANG

PHẦN LÝ THUYẾT: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

I. MỘT SỐ KIẾN THỨC CHUNG VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hòa giải ở cơ sở

1.1. Khái niệm hòa giải ở cơ sở

Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở¹.

1.2. Đặc điểm của hòa giải ở cơ sở

Hòa giải ở cơ sở có những đặc điểm chung của công tác hòa giải gồm:

- Là một phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên theo quy định của pháp luật về hòa giải.

- Thể hiện sự thỏa thuận ý chí, quyền tự định đoạt của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Nói cách khác, chủ thể trong quan hệ hòa giải phải chính là các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Kết quả hòa giải thành hay không thành hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các bên tranh chấp có tìm ra được giải pháp giải quyết tranh chấp không.

- Các bên tranh chấp cần đến một bên thứ ba làm trung gian hòa giải, giúp họ đạt được thỏa thuận, tìm ra được hướng giải quyết tranh chấp, chấm dứt bất đồng, xung đột. Bên thứ ba chính là hòa giải viên, có vai trò trung lập và độc lập với các bên tranh chấp.

- Nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên tranh chấp không được trái với quy định của pháp luật, phải phù hợp đạo đức xã hội, không xâm phạm lợi ích hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba. Dù thỏa thuận hòa giải thể hiện ý chí tự nguyện của các bên tranh chấp, nhưng nếu thỏa thuận đó vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì không được công nhận.

Ngoài những đặc điểm chung của công tác hòa giải nêu trên, hòa giải ở cơ sở còn có những đặc điểm riêng như sau:

¹ Khoản 1 Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

- Hòa giải ở cơ sở được điều chỉnh bởi Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, nhằm giải quyết các mâu thuẫn, xung đột, tranh chấp (như mâu thuẫn trong gia đình, dòng họ, tranh chấp giữa hàng xóm láng giềng...) và vi phạm pháp luật trong trường hợp không bị xử lý vi phạm hành chính, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự xảy ra trên địa bàn.

- Tổ hòa giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân, hoạt động trên cơ sở tự nguyện vì mục đích xã hội, vì cộng đồng và phi lợi nhuận; việc hòa giải không thu phí.

- Hòa giải viên ở cơ sở là người thường trú tại cơ sở, khi hòa giải, hòa giải viên không chỉ dựa trên các quy định của pháp luật (giải thích, hướng dẫn các bên vận dụng pháp luật) mà còn dựa vào chuẩn mực đạo đức, văn hóa ứng xử, phong tục, tập quán tốt đẹp để giúp đỡ, thuyết phục các bên tự thương lượng, thỏa thuận chấm dứt mâu thuẫn, xung đột. Hòa giải viên ở cơ sở không có quyền xét xử như thẩm phán và không được ra phán quyết như trọng tài viên.

- Cách thức hòa giải ở cơ sở không phải tuân theo trình tự, thủ tục bắt buộc mà tùy thuộc từng vụ việc cụ thể, hòa giải viên linh hoạt hòa giải sao cho phù hợp với đối tượng, tính chất, hoàn cảnh.

1.3. Vai trò của hòa giải ở cơ sở

Hòa giải ở cơ sở có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, có thể nói đây là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, thể hiện trên những mặt sau:

- Là một phương thức giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật.

- Góp phần giữ gìn, duy trì đoàn kết trong nội bộ nhân dân; củng cố, phát huy tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình, cộng đồng; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý xã hội. Công tác hòa giải ở cơ sở thể hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thông qua đó nhân dân, xã hội trực tiếp tham gia quản lý mọi mặt đời sống xã hội.

Bằng hoạt động hòa giải ở cơ sở, các bên tranh chấp đã tự mình giải quyết tranh chấp, xung đột trên cơ sở mong muốn, hài hòa lợi ích của các bên. Hòa giải viên là người hoạt động vì lợi ích cộng đồng, họ không hướng tới mục tiêu lợi nhuận; công việc của hòa giải viên là hàn gắn những mâu thuẫn nảy sinh trong gia đình, dòng họ, tranh chấp giữa hàng xóm láng giềng với nhau; để từ đó không cần đến sự can thiệp của Nhà nước đối với những công việc mà xã hội có thể tự

làm được. Điều này thể hiện cao quyền làm chủ của nhân dân, góp phần thực hiện có hiệu quả Hiến pháp năm 2013.

- Hoạt động hòa giải ở cơ sở góp phần tích cực trong việc giảm áp lực cho các cơ quan Nhà nước, cơ quan tư pháp; hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo, nhất là khiếu nại vượt cấp, kéo dài.

Kết quả hòa giải thành ở cơ sở phần lớn được các bên tự nguyện thi hành, bởi nội dung thỏa thuận khi hòa giải thành là ý chí của các bên tranh chấp, các bên hài lòng với giải pháp đã thống nhất nên thường tự giác thi hành một cách nhanh chóng (đa số các trường hợp không cần tòa án công nhận). Vì thế, các mâu thuẫn được triệt tiêu hoàn toàn nên không có khiếu kiện (bao gồm cả khiếu kiện vượt cấp, khiếu kiện kéo dài). Thực tế cho thấy, mọi vấn đề đều nảy sinh từ cơ sở và ở đâu làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở thì ở đó an toàn chính trị, an ninh, trật tự xã hội được giữ vững².

- Hoạt động hòa giải ở cơ sở có ý nghĩa quan trọng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần trực tiếp tác động đến việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

Bằng việc vận dụng những quy định pháp luật để giải thích, phân tích, hướng dẫn các bên giải quyết tranh chấp, hòa giải viên đã giúp họ hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình để từ đó xử sự phù hợp với quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội.

- Công tác hòa giải ở cơ sở giúp giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, kịp thời và triệt để; ít tốn kém về thời gian, nhân lực.

Hòa giải viên ở cơ sở là người sinh sống tại địa bàn dân cư nên họ có điều kiện phát hiện sớm và nắm bắt được nội dung vụ việc, tranh chấp. Ngay khi vụ việc vừa phát sinh, hòa giải viên ở cơ sở biết được sự việc, có mặt kịp thời để can ngăn sự việc tiến triển theo chiều hướng xấu³, dàn xếp ngay, làm cho sự việc lắng xuống, các bên bình tĩnh lại và từ đó hướng dẫn, giúp đỡ các bên hóa giải mâu thuẫn một cách ổn thỏa. Thực tiễn hoạt động hòa giải ở cơ sở cho thấy, có những vụ việc nếu không được hòa giải kịp thời thì sự việc bị dồn nén lâu ngày,

² Đối với bản án, quyết định của Tòa án, khi thi hành thường gặp nhiều trở ngại khó khăn vì nhiều đương sự không hài lòng với quyết định của bản án; việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định của bản án mang tính bắt buộc nên đương sự có nghĩa vụ thường không tự nguyện thi hành, từ đó cản đến việc giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự. Điều này tạo áp lực cho cả đương sự và cơ quan thi hành án, một số trường hợp đương sự không đồng ý với việc thi hành án đã khiếu nại, khiếu kiện, dẫn đến tình trạng vụ việc bị kéo dài nhiều năm.

³ Khi biết sự việc thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở thì không cần đơn yêu cầu hay giấy đề nghị của các bên, hòa giải viên có mặt ngay để hòa giải.

âm i trong mỗi bên, đến khi bùng phát trở nên nghiêm trọng, thậm chí thành hành vi vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của các bên. Hòa giải ở cơ sở sẽ kịp thời dập tắt xung đột, không để mâu thuẫn trở nên gay gắt, không vượt qua giới hạn, giúp cho các bên tránh được việc giải quyết xung đột bằng bạo lực.

Khi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải ở cơ sở, các bên không phải trả lệ phí, không mất nhiều thời gian tham gia vụ kiện, công việc không bị ảnh hưởng.

- Kết quả hòa giải thành ở cơ sở phần lớn được các bên tự nguyện thi hành, góp phần giảm khiếu kiện của nhân dân.

Khi hòa giải thành, nội dung thỏa thuận là ý chí của các bên tranh chấp, các bên hài lòng với giải pháp giải quyết do chính họ đưa ra nên thường là tự giác thi hành một cách nhanh chóng (đa số các trường hợp không cần tòa án công nhận, họ tự nguyện thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận).

- Tiết kiệm chi phí

Khi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải ở cơ sở, các bên tiết kiệm và giảm thiểu rất nhiều chi phí. Hiện nay, vụ việc hòa giải ở cơ sở không tính phí, hòa giải viên làm việc trên cơ sở tự nguyện, vì lợi ích xã hội, lợi ích cộng đồng. Trong tố tụng dân sự nếu vụ việc được hòa giải thành do Thẩm phán tiến hành trước khi mở phiên tòa thì các đương sự phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm. Đối với trường hợp vụ án dân sự đưa ra xét xử thì các đương sự phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình không có giá ngạch thì mức án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch thì mức án phí căn cứ vào giá trị tài sản có tranh chấp⁴. Thực tế có không ít vụ án dân sự phải qua nhiều vòng tố tụng (sơ thẩm, phúc thẩm; giám đốc thẩm lại trở về sơ, phúc thẩm...), bên thắng kiện đôi khi không đủ bù đắp chi phí tố tụng; ngoài ra công việc của các bên đương sự bị ảnh hưởng do phải có mặt theo giấy triệu tập

⁴ Giá trị tranh chấp từ trên 60 triệu đồng đến 400 triệu đồng thì nộp 5% của giá trị tranh chấp; từ trên 400 triệu đồng đến 800 triệu đồng thì nộp 20 triệu đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400 triệu đồng; từ trên 800 triệu đồng đến 2 tỷ đồng thì nộp 36 triệu đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800 triệu đồng; từ trên 2 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng thì nộp 72 triệu đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2 tỷ đồng; từ trên 4 tỷ đồng thì nộp 112 triệu đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4 tỷ đồng.

của Tòa án, điều này ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các bên, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thu nhập bị giảm sút.

2. Phạm vi hòa giải ở cơ sở

Theo Điều 3 Luật Hòa giải ở cơ sở, Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, *phạm vi hòa giải ở cơ sở được quy định như sau:*

2.1. Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật được tiến hành hòa giải, gồm:

a) Mâu thuẫn giữa các bên (do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác).

Ví dụ: Nhà ông A và nhà bà B ở cùng khu tập thể. Nhà ông A ở tầng 1, bà B ở tầng 5. Bà B có trồng mấy chậu hoa ở ban công. Mỗi khi bà tưới hoa, nước lại chảy từ các chậu cây xuống nhà ông A. Mặc dù ông A đã nhắc nhở nhiều lần, nhưng bà B không tiếp thu, vẫn để nước chảy xuống nhà ông A. Giữa hai bên thường xuyên to tiếng, cãi vã nhau vì chuyện này, gây mất trật tự trong khu tập thể.

b) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất.

Ví dụ: Ông C có 5 người con, 2 trai và 3 gái. Ông C mất đột ngột không kịp để lại di chúc chia tài sản cho các con. Sau khi lo hậu sự cho bố xong, 5 người con của ông C không thống nhất được việc chia tài sản thừa kế của C nên nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp.

c) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha, mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn.

Ví dụ: Bà H đã ngoài 70 tuổi, sống với vợ chồng anh P (là con trai cả). Tuy nhiên, do vợ anh P thường nói hỡn và đối xử không tốt với bà H nên cô L, con gái bà H muốn đón bà về ở với vợ chồng cô. Khi cô L tới nói chuyện thì vợ chồng anh P đã phản đối rất gay gắt, họ cho rằng cô L đón bà về nuôi là mong

sau này bà để lại thừa kế ngôi nhà mà vợ chồng anh đang ở. Vợ anh P còn khoá trái cửa buồng bà H lại, không cho bà ra ngoài gặp con gái. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh P và cô L ngày càng gay gắt.

Đối với việc ly hôn, hoà giải viên thực hiện việc hoà giải, giúp đôi vợ, chồng tự hàn gắn tình cảm, giữ gìn hạnh phúc gia đình, mà không được phép giải quyết, phân xử việc ly hôn: cho vợ, chồng ly hôn hay ép buộc họ không được ly hôn.

d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính.

Ví dụ: Anh P và anh N đang vui vẻ trò chuyện, uống rượu. Do ngà ngà say N khen vợ P xinh, P cho rằng N có tình ý gì với vợ mình nên 2 bên lời qua tiếng lại và xô xát nhau. Vợ anh P vào can thì bị anh N đẩy ra, ngã xây xước tay chân.

Hoà giải viên thực hiện hoà giải những việc như trộm cắp vặt (rau, quả trong vườn, một số đồ dùng sinh hoạt có giá trị không lớn), đánh, chửi nhau gây mất trật tự công cộng, đánh nhau gây thương tích nhẹ, va quệt xe cộ gây thương tích nhẹ, lừa đảo, đánh bạc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính.

đ) Vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp sau đây:

- Không bị khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021) và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Pháp luật quy định chỉ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không yêu cầu khởi tố theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021) và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 230 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021) và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Ví dụ 1: A bị bệnh tâm thần và đã có kết luận giám định tâm thần tư pháp. Trong một lần, A đánh B bị chấn thương sọ não, nguy hiểm đến tính mạng. Do A là người không có năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi đánh người của A không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, khi có mâu thuẫn, tranh chấp giữa 2 bên gia đình A và B thì hòa giải viên ở cơ sở có thể tiến hành hòa giải.

Ví dụ 2: Để có tiền chơi game, Minh H - 13 tuổi đã lấy trộm điện thoại di động của ông B bán được 3,5 triệu đồng, trong khi ông B mới mua được hơn 1 tháng với giá 8 triệu đồng. Do H 13 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này. Đồng thời theo Điều 90, 92, 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì H không thuộc trường hợp áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Do đó, nếu bố mẹ H (người đại diện theo pháp luật của H) và ông B không thương lượng được về mức đền bù tiền chiếc điện thoại và một/hai bên có yêu cầu hòa giải ở cơ sở thì hòa giải viên có thể tiến hành hòa giải vụ, việc này.

Lưu ý: Trường hợp vụ, việc có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa đủ căn cứ xác định hành vi có cấu thành tội phạm hay không thì hòa giải viên không được tiếp nhận để hòa giải. Việc hòa giải chỉ tiến hành sau khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định trường hợp đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

e) Vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 120/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/12/2021 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương II Phần thứ năm của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

g) Những vụ, việc khác mà pháp luật không cấm.

2.2. Các trường hợp không hòa giải

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, thì khi thuộc các trường hợp sau đây hòa giải viên không được tiến hành hòa giải:

a) Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;

Ví dụ: Các mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm, lấn chiếm đất công, tranh chấp về sử dụng trái phép công trình công cộng... Cụ thể như trường hợp sau: Năm 2012, để mở rộng đường liên huyện, Nhà nước thu hồi đất của một số hộ gia đình. Sau khi làm đường, phía trước nhà bà X còn khoảng 8m² đất không sử dụng hết. Tận dụng khoảng đất này, bà X mở quán bán trà đá, ông P cũng mở quán sửa xe máy trên đó. Giữa ông P và bà X thường xuyên cãi cọ, lời ra tiếng vào, thậm chí có xô xát lẫn nhau. Trong trường hợp này, hành vi của bà X và ông P đều là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước nên không được tiến hành hòa giải.

b) Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình mà theo quy định của pháp luật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết (*Ví dụ:* việc kết hôn vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình thì hòa giải viên không được hòa giải để tạo điều kiện giúp các bên duy trì quan hệ hôn nhân và gia đình trái pháp luật đó), giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật⁵ hoặc trái đạo đức xã hội⁶ (*ví dụ,* như các giao dịch mua bán chất ma túy, mại dâm...) thì không được hòa giải nhằm mục đích để các bên tiếp tục thực hiện giao dịch đó.

c) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp được hòa giải tại điểm đ mục 2.1 nêu trên;

Ví dụ: Bùi Văn Q (22 tuổi) và Nguyễn V (23 tuổi) có mâu thuẫn từ trước vì Q quen với bạn gái của V. Một hôm, V gọi điện thoại hẹn Q để nói chuyện riêng. Tại đây, hai bên nói chuyện một lúc thì xảy ra xung đột, V đã dùng tay tát Q một cái và yêu cầu Q tránh xa bạn gái mình. Lợi dụng lúc V quay lại xe bỏ đi, Q lao đến và rút dao thủ sẵn trong người đâm V. Rất may, có người đi qua phát hiện và đưa V đi cấp cứu kịp thời, hậu quả V bị thương tật 35%. Đây là trường hợp phải truy cứu trách nhiệm hình sự, không được hòa giải.

⁵ Điều cấm của pháp luật là những quy định của pháp luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. (Điều 123 Bộ luật dân sự 2015)

⁶ Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng. (Điều 123 Bộ luật dân sự 2015)

d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính (bao gồm: bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính), trừ các trường hợp được hòa giải tại điểm e mục 2.1 nêu trên;

Ví dụ: Ông A xin giấy phép xây dựng nhà ở với chiều ngang 8m, chiều dài 14m. Khi chuẩn bị khởi công thì ông A cho đào móng nhà với chiều dài 8,5m, lún 0,5m vào lối đi của xóm. Do đó, làm ảnh hưởng lối đi của những gia đình bên trong, mâu thuẫn giữa ông A với hàng xóm đã xảy ra. Trường hợp này, ông đã vi phạm quy định trong lĩnh vực xây dựng và sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, phải trả lại diện tích đất lún chiếm. Đây thuộc trường hợp không được hòa giải ở cơ sở.

đ) Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở bao gồm: Hòa giải tranh chấp về thương mại và hòa giải tranh chấp về lao động, do việc hòa giải các tranh chấp này được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về thương mại và lao động (ví dụ tranh chấp giữa hai doanh nghiệp về việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hoặc tranh chấp giữa người lao động với người sử dụng lao động về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi... thì không được hòa giải ở cơ sở).

Lưu ý: Trong trường hợp xác định vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải, thì hòa giải viên giải thích cho các bên về lý do không hòa giải và hướng dẫn các bên làm thủ tục cần thiết để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp không xác định được vụ, việc có thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở hay không thì hòa giải viên đề nghị công chức Tư pháp - Hộ tịch hướng dẫn.

3. Nguyên tắc hòa giải ở cơ sở

a) Nguyên tắc tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở

Nhiệm vụ của hoà giải viên là hướng dẫn, giúp các bên tranh chấp, vi phạm pháp luật tìm được tiếng nói chung để tự giàn xếp mâu thuẫn một cách ổn thỏa, đúng quy định pháp luật. Vì lẽ đó, trước hết hoà giải viên phải tôn trọng sự tự nguyện của các bên, tôn trọng ý chí của họ. *Hòa giải viên chỉ đóng vai trò là người trung gian hướng dẫn, giúp đỡ các bên giải quyết tranh chấp bằng hòa giải chứ không áp đặt, bắt buộc các bên phải tiến hành hòa giải.* Nếu các bên không chấp nhận việc hoà giải thì hoà giải viên không thể bắt buộc họ phải hoà giải. Mọi tác động đến sự tự do ý chí của các bên như cưỡng ép, làm cho một

trong hai bên bị lừa dối hay nhằm lẫn đều không thể hiện đầy đủ tính tự nguyện của các bên. Tính tự nguyện này còn được thể hiện thông qua quyền yêu cầu chấm dứt hòa giải của các bên tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình hòa giải.

b) Nguyên tắc bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi

Chính sách của Nhà nước là một hệ thống nguyên tắc có chủ ý của Nhà nước để hướng dẫn các quyết định và đạt được các kết quả hợp lý hay nói cách khác đó là những định hướng chuẩn mực cho các hành vi xử sự và các hoạt động xã hội của Nhà nước. Pháp luật của Nhà nước là những quy tắc xử sự chung, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội có tính phổ biến nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

Các quy phạm đạo đức, phong tục tập quán tốt đẹp là các quy tắc xử sự có tính truyền thống trong quan hệ xã hội phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước và nguyện vọng của nhân dân. Những chuẩn mực đạo đức được nhận diện ở từng lĩnh vực của đời sống rất đa dạng. Ví dụ như y đức trong nghề y, đạo đức của nhà giáo trong nghề sư phạm, đạo đức thể thao trong thể thao, đạo đức của nhà báo trong hoạt động báo chí, v.v... Tuy nhiên, việc vận dụng những chuẩn mực đạo đức vào trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội lại tùy thuộc vào những đặc điểm truyền thống, tâm lý xã hội của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng và phụ thuộc vào yêu cầu cụ thể của lĩnh vực đó.

Vậy nên, hòa giải ở cơ sở cần phải được tiến hành phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân, đồng thời là biện pháp quan trọng trực tiếp đưa chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, phát huy truyền thống đạo đức, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.

Để thực hiện nguyên tắc này, mỗi hòa giải viên phải hiểu và nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trước hết, cần nắm vững các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở và các văn bản có liên quan mật thiết đến công tác hòa giải ở cơ sở như pháp luật dân sự (quan hệ tài sản, quan hệ hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế...); pháp luật hôn nhân và gia đình

(quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ cha, mẹ, con; nhận nuôi con nuôi; ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng...); pháp luật đất đai, bảo vệ môi trường; pháp luật hành chính và pháp luật hình sự...

Bên cạnh việc nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hòa giải viên cần nắm vững các phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương để động viên, giúp các bên dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc vận dụng các phong tục, tập quán, câu ca dao, tục ngữ, phải có sự chọn lọc cho phù hợp, tránh các giáo lý, hủ tục lạc hậu. Ví dụ, ở Tây Nguyên, hòa giải viên có thể kết hợp với một số quy định tiến bộ trong Luật tục Êđê để hòa giải. Trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, luật tục Êđê coi trọng “*việc vợ, chồng kết hôn ăn ở bền vững, không bỏ nhau*”⁷ hoặc luật tục nhấn mạnh trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ, không được có cử chỉ bất kính, không vâng lời cha mẹ⁸, không được bỏ nhà đi lang thang, có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ, ông, bà⁹... Đây là quy định tiến bộ, phù hợp với đạo đức, truyền thống của Luật tục, hòa giải viên nên khai thác và vận dụng hợp lý vào từng vụ việc cụ thể để giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp.

c) Nguyên tắc khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 10 của Luật Hòa giải ở cơ sở

Khi mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra, mỗi bên đều có lý lẽ riêng, tự cho mình là đúng, thường không thấy điều sai trái của mình gây ra cho người khác hoặc cố tình bảo vệ quyền lợi của mình một cách bất hợp pháp. Vì vậy, khi thực hiện hòa giải, hòa giải viên phải bảo đảm nguyên tắc khách quan, công minh để giải quyết tranh chấp một cách công bằng, bình đẳng, quan tâm đến lợi ích của các bên tranh chấp, không nghiêng về bên này mà làm thiệt hại đến lợi ích bên kia; tránh không bị mặc cảm bởi những ấn tượng ban đầu về vụ việc hay bị chi phối,

⁷ Điều 109 Luật tục Ê đê quy định: “... Vòng cườm họ đã trao cho nhau, vòng đeo tay họ đã đổi cho nhau, vòng kia đổi lấy vòng này, vòng của người con trai trao cho người con gái, vòng của người con gái trao cho người con trai; việc trao đổi do họ tự định đoạt. Họ như những con ngựa không bị ai ép phải chịu cương, như những con trâu không bị ai ép phải chịu thừng, không có ai đã buộc họ phải đổi vòng, đổi cườm cho nhau... Đã lấy vợ thì phải ở với vợ cho đến chết; đã cầm cần rượu thì phải vào cuộc cho đến khi rượu nhạt... - Luật tục Ê đê (Tập quán pháp), Nxb. Chính trị Quốc gia 1995.

⁸ Điều 144 về những người con gái không vâng lời cha mẹ quy định: “Hắn là đứa con gái mẹ khuyên không nghe, cha bảo không vâng, chưa phát rầy đã rầy cô, không biết gì là điều phải trái... Như con lợn, con trâu để hiển sinh, vì những chuyện hắn đã gây ra, hắn phải chịu mất xác. Cha mẹ hắn sẽ chẳng lo lắng cho hắn, chẳng đùm bọc hắn nữa. Chị em hắn cũng chẳng còn ai muốn cưới mang hắn”

⁹ Điều 146 về những con, cháu không chăm sóc mẹ cha, bà ông, chúng không được thừa kế; tài sản sẽ thuộc về người đàn bà nào chăm sóc họ trong tuổi già, hoặc do họ nuôi (làm con, cháu).

tác động bởi những định kiến chủ quan (ví dụ như những nhìn nhận, đánh giá không tốt về bên mâu thuẫn, tranh chấp trước khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp...). Vì nếu những cảm giác hay ấn tượng ban đầu đó mà không dựa trên những sự kiện thực tế của vụ việc thì hoà giải viên có thể dễ mắc sai lầm.

Hòa giải viên cần phải lắng nghe các bên tranh chấp, đồng thời, tôn trọng sự thật khách quan, công bằng, đề cao lẽ phải, tìm cách giải thích, phân tích để mỗi bên hiểu rõ đúng sai, không xuê xoa “*dĩ hòa vi quy*” cho xong việc. Hơn nữa, có khách quan, công bằng thì hòa giải viên mới tạo được lòng tin của các bên, để họ chia sẻ, lắng nghe, tiếp thu ý kiến phân tích, giải thích của mình, từ đó có nhận thức, tự nguyện điều chỉnh hành vi cho phù hợp hoặc tự chịu “*thua thiệt*” một chút để hướng tới lợi ích chung là sự ổn định trật tự, yên vui của gia đình, cộng đồng.

Thông thường, khi có mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật xảy ra trong xã hội nếu không được giải quyết kịp thời dễ dẫn đến “*việc bé xé ra to*”, việc đơn giản thành phức tạp, phạm vi ảnh hưởng cũng như hậu quả của các vi phạm pháp luật và tranh chấp ngày càng lớn. Do đó, đòi hỏi hoà giải viên phải tiến hành chủ động, kịp thời để phòng ngừa, ngăn chặn các vi phạm pháp luật.

Hoạt động hoà giải ở cơ sở đòi hỏi phải tuân thủ nguyên tắc có lý, có tình, nghĩa là hoà giải phải dựa trên cơ sở pháp luật và đạo đức xã hội. Trước hết cần đề cao yếu tố tình cảm, phân tích, khuyên nhủ các bên ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức: Như con cái phải có hiếu với cha mẹ; anh chị em phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau “*như thể tay chân*”, “*chị ngã, em nâng*”, “*máu chảy ruột mềm*”, “*môi hở răng lạnh*”; vợ chồng sống với nhau phải có tình, có nghĩa, “*đạo vợ, nghĩa chồng*”; xóm giềng thì “*tối lửa tắt đèn có nhau*”, “*bán anh em xa, mua láng giềng gần*”... Đồng thời, hoà giải viên phải dựa vào pháp luật để phân tích, đưa ra những lời khuyên và hướng dẫn các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nhằm giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố, phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư.

Trong quá trình hoà giải, hoà giải viên phải tìm hiểu ngọn ngành của vụ việc như: Nguyên nhân phát sinh, diễn biến của vụ việc, thái độ mong muốn của các bên... Trong số các thông tin cần thiết đó, đôi khi có những thông tin liên quan đến bí mật đời tư của các bên tranh chấp. Khi được các bên tranh chấp tin tưởng và cung cấp thông tin về đời tư, hoà giải viên cần tôn trọng và không

được phép tiết lộ. Tuy nhiên, cũng cần phân biệt giữa bí mật thông tin đời tư cá nhân và những thông tin mà các bên tranh chấp che giấu về hành vi vi phạm pháp luật của mình.

d) Nguyên tắc tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng

Tuân thủ nguyên tắc này có nghĩa là việc hoà giải không chỉ nhằm giải quyết tranh chấp, bảo vệ, khôi phục quyền và lợi ích của các bên mà còn phải bảo đảm lợi ích chung của xã hội, của Nhà nước và của người khác. Hoà giải viên không chỉ giúp các bên giải quyết tranh chấp mà còn góp phần giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật của công dân.

Đối với hoà giải ở cơ sở, các tranh chấp, xích mích trong đời sống sinh hoạt hàng ngày về sử dụng lối đi qua nhà, sử dụng điện, nước sinh hoạt, đổ rác thải làm mất vệ sinh môi trường... thường liên quan đến nhiều người khác ngoài các bên tranh chấp. Hoà giải viên không thể vì mục đích đạt được hoà giải thành của các bên tranh chấp mà làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bất kỳ người nào khác.

đ) Nguyên tắc bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở

Thực tiễn công tác hòa giải ở cơ sở thời gian qua cho thấy, ở nơi này, nơi khác vẫn còn xảy ra tình trạng bất bình đẳng giới, bị ảnh hưởng bởi tư tưởng phong kiến “trọng nam, khinh nữ”, gây nhiều khó khăn cho công tác hòa giải ở cơ sở... Nội dung của nguyên tắc này như sau:

- Bình đẳng giới trong các quy định đối với hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải: Về tiêu chuẩn, phương thức bầu hòa giải viên, quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, tổ hòa giải và tổ trưởng tổ hòa giải đều không phân biệt nam nữ. Về cơ cấu tổ hòa giải, pháp luật quy định: “*Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ*”;

- Bình đẳng giới còn được thể hiện trong các quy định về yêu cầu hòa giải, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình hòa giải, thủ tục tiến hành hòa giải, văn bản hòa giải, thực hiện các thỏa thuận hòa giải, theo dõi, đôn đốc thực hiện kết quả hòa giải thành đối với các bên là như nhau không phân biệt nam, nữ.

e) Nguyên tắc không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự

Để bảo đảm tôn trọng sự tự nguyện của các bên, tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, hòa giải viên và các bên liên quan không được lợi dụng việc hòa giải để ngăn cản các bên bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, để bảo đảm mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật thì hòa giải viên, các bên liên quan phải tuân thủ nguyên tắc không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để tự giải quyết với nhau những vi phạm pháp luật nhằm trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự.

4. Quy trình hòa giải ở cơ sở

Hòa giải ở cơ sở là hoạt động tự nguyện, mang tính xã hội, tính cộng đồng nên không quy định thủ tục bắt buộc khi tiến hành hòa giải. Tùy thuộc vào đối tượng, tính chất vụ việc, điều kiện nảy sinh mâu thuẫn, phong tục tập quán, mối quan hệ giữa các bên tranh chấp... mà hòa giải viên chủ động thực hiện hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, hòa giải viên có thể tham khảo các bước tiến hành một cuộc hòa giải ở cơ sở dưới đây để từ đó rút kinh nghiệm, bổ sung thêm vào cách thức, kỹ năng hòa giải của mình nhằm nâng cao chất lượng hòa giải ở cơ sở. Cụ thể, để tiến hành một cuộc hòa giải, thông thường trải qua 02 giai đoạn (chuẩn bị hòa giải, tiến hành hòa giải) với những bước cơ bản sau:

4.1. Chuẩn bị hòa giải

- Hòa giải viên phải tìm hiểu nội dung vụ việc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, lợi ích mà mỗi bên hướng tới. Để nắm được các thông tin này, hòa giải viên cần gặp gỡ, trao đổi với từng bên tranh chấp (có thể gặp ở nhà riêng của mỗi bên hoặc gặp tại nơi thuận tiện như quán cà phê hoặc trong giờ giải lao tại nơi làm việc...). Ngoài ra, để nắm được tổng thể vụ việc một cách khách quan, toàn diện, hòa giải viên nên gặp gỡ, trao đổi với những người có liên quan, người biết về vụ việc (như hàng xóm, cha, mẹ, con của các bên tranh chấp). Hòa giải viên cũng cần đề nghị được cung cấp tài liệu, bằng chứng liên quan đến vụ việc và xem xét cụ thể, tỉ mỉ các tài liệu, bằng chứng đó.

- Hòa giải viên phải tìm hiểu các quy định pháp luật điều chỉnh trực tiếp mối quan hệ giữa các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Hòa giải viên cần đọc quy định pháp luật (Bộ luật, luật, nghị định, thông tư), các tài liệu pháp luật liên quan điều chỉnh

vấn đề, nội dung tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên để đối chiếu quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong mối quan hệ đó. Hòa giải viên phải trả lời được các câu hỏi: Ai sai, ai đúng, sai đến đâu và đúng ở mức độ nào, pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào, vấn đề này sẽ giải quyết như thế nào theo quy định pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, hòa giải viên có thể đưa vụ việc ra trao đổi, thảo luận trong tổ hòa giải để tìm ra các quy định pháp luật thích hợp áp dụng cho giải quyết vụ việc hoặc tham khảo ý kiến của những người có trình độ pháp lý (như công chức tư pháp cấp xã, luật gia, luật sư, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên... sinh sống trong khu vực hoặc mình biết).

- Hòa giải viên cần thống nhất với các bên mâu thuẫn, tranh chấp về thời gian và địa điểm thực hiện hòa giải, thành phần tham dự hòa giải, việc hòa giải tiến hành công khai hay không công khai. Điều này nhằm tạo sự thoải mái cho các bên, tránh tình trạng cảm thấy bị gò bó, không thoải mái hoặc miễn cưỡng, không thích thành phần tham dự hòa giải.

Thời gian thực hiện các công việc trên là 03 ngày kể từ ngày được phân công hòa giải (Khoản 2 Điều 20 Luật Hòa giải ở cơ sở).

4.2. Tiến hành hòa giải

a) Địa điểm, thời gian thực hiện hòa giải:

Địa điểm và thời gian thực hiện buổi hòa giải do hòa giải viên đã thống nhất trước đó với các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Địa điểm có thể là nhà riêng của một bên, nhà riêng của hòa giải viên, nhà văn hóa hay địa điểm khác mà các bên đề xuất cho cảm giác dễ chịu, thoải mái.

b) Thành phần tham dự buổi hòa giải:

Thành phần tham dự buổi hòa giải gồm những người sau:

- Hòa giải viên: chủ trì buổi hòa giải
- Các bên mâu thuẫn, tranh chấp
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Hòa giải viên hoặc các bên có thể mời người khác tham gia hòa giải. Việc mời người khác tham gia hòa giải phải được sự đồng ý của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Người được mời có thể là người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng,

trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác.

c) Các bước tiến hành hòa giải

Bước 1: Mở đầu buổi hòa giải

Hòa giải viên chủ trì buổi hòa giải nêu lý do, mục đích, ý nghĩa của buổi hòa giải; thống nhất với các bên về một số quy ước, cách làm tại buổi hòa giải. Hòa giải viên phải tạo ra không khí thân mật, cởi mở và chân thành, không áp đặt ý chí của hòa giải viên đối với các bên tranh chấp, không thiên vị hay bênh vực bên nào.

Bước 2: Các bên trình bày nội dung vụ, việc

- Hòa giải viên mời từng bên trình bày sự việc. Sau khi trình bày xong, các bên có quyền bổ sung ý kiến, đưa ra luận cứ, quan điểm của mình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phát biểu quan điểm của họ về vấn đề đang tranh chấp, mâu thuẫn.

Lưu ý: Đây là phần dễ dẫn đến xung đột, đổ lỗi cho nhau giữa các bên tranh chấp, vì vậy hòa giải viên phải là người điều hành, tránh tình trạng các bên căng thẳng, đối đầu nhau; hòa giải viên đề nghị ai nói trước, ai nói sau; có biện pháp ngắt lời người đang lấn át khi cần thiết.

Bước 3: Phân tích vụ việc, dẫn chiếu các quy định pháp luật, trao đổi phương án giải quyết vụ việc

Sau khi nghe đầy đủ các ý kiến đã trình bày, hòa giải viên tổng hợp lại các vấn đề tranh chấp, phân tích vụ, việc; dẫn chiếu các quy định pháp luật áp dụng đối với từng bên tranh chấp; phân tích phong tục tập quán, truyền thống đạo đức xã hội.

Hòa giải viên phân tích lợi ích của việc hòa giải thành, hậu quả pháp lý mà các bên có thể gặp phải nếu tiếp tục tranh chấp và có những hành vi sai trái.

Người được mời tham gia hòa giải có thể phân tích, bổ sung làm rõ ý kiến của hòa giải viên.

Trên cơ sở phân tích cho các bên hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình; thấy rõ hành vi ứng xử của mình phù hợp ở điểm nào, chưa phù hợp ở điểm nào, hòa giải viên đề nghị các bên đưa ra ý kiến, trình bày phương án giải quyết tranh chấp của mình. Hòa giải viên hỏi từng bên có đồng ý với phương án

do bên kia đưa ra không, đồng ý ở điểm nào và không đồng ý ở điểm nào, hướng giải quyết ra sao. Cuối cùng hòa giải viên chốt thống nhất phương án giải quyết mâu thuẫn với các bên, nếu tất cả các bên đều nhất trí phương án giải quyết thì hòa giải viên chuyển sang bước 4. Trong trường hợp các bên không đưa ra các phương án giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp thì hòa giải viên có thể gợi ý một số phương án để các bên tham khảo, cho ý kiến và thống nhất cách giải quyết.

Bước 4: Kết thúc hòa giải

Sau khi các bên bàn bạc, trao đổi, thảo luận các phương án giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, tùy thuộc vào tình hình, kết quả phiên hòa giải, hòa giải viên xử lý như sau:

- Trường hợp các bên đạt được thỏa thuận: Trên cơ sở các phương án giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn do các bên đưa ra hoặc hòa giải viên gợi ý. Các bên trao đổi, bàn bạc thống nhất phương án giải quyết tranh chấp, trách nhiệm cụ thể của từng bên, thời hạn thực hiện trách nhiệm. Hòa giải viên chốt lại nội dung thỏa thuận, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi bên. Nếu các bên đồng ý lập văn bản hòa giải thành thì hòa giải viên lập văn bản hòa giải thành; các bên và hòa giải viên cùng ký văn bản hòa giải thành.

Hòa giải viên giải thích trách nhiệm thực hiện thỏa thuận hòa giải thành cho các bên, hướng dẫn các bên có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở. Giá trị pháp lý của quyết định của Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

- Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, tức là hòa giải không thành. Hòa giải viên hướng dẫn các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu các bên yêu cầu lập văn bản hòa giải không thành, thì hòa giải viên lập văn bản hòa giải không thành.

Ví dụ: Vào năm 1990, ông C cho hai con trai của mình là ông T và ông A mỗi người 10 công ruộng, nhưng do ông T mất sớm và con của ông T là chị M còn nhỏ, không thể quản lý phần tài sản cha mình để lại, nên ông C cho ông A mượn canh tác với điều kiện là khi nào chị M lớn và có nhu cầu sử dụng canh tác phần đất trên thì ông A phải trả lại phần đất trên cho chị M. Khi chị M lớn lên và có nhu cầu sử dụng canh tác, đòi lại phần đất trên thì ông A không đồng ý trả lại đất với lý do đất này ông C trước khi chết đã cho ông và ông đã sử dụng

canh tác nhiều năm qua. Chị M gửi đơn yêu cầu đến tổ hoà giải nhờ hoà giải.

Mặc dù được các hòa giải viên phân tích, động viên, nhưng ông T và chị M không đi đến thống nhất giải quyết tranh chấp - vụ việc hòa giải không thành. Tại Khoản 1, 2 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 quy định, Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải. Theo đó, trường hợp hòa giải không thành, hòa giải viên cần hướng dẫn một trong các bên hoặc cả hai bên làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã hòa giải.

- Trường hợp các bên chỉ thỏa thuận được một phần những vấn đề có tranh chấp, hòa giải viên tiếp tục thuyết phục các bên bàn bạc, thỏa thuận tiếp. Nếu các bên thống nhất được thì thuộc trường hợp hòa giải thành; nếu các bên vẫn không thống nhất được thì thuộc trường hợp hòa giải không thành.

5. Thủ tục đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án¹⁰

Theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, đối với thỏa thuận hòa giải thành thì các bên có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, nếu một bên vì sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện được thì có trách nhiệm trao đổi, thỏa thuận với bên kia và thông báo cho hòa giải viên (Điều 25 Luật Hòa giải ở cơ sở).

Việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành phụ thuộc vào sự tự nguyện, tự giác của các bên, chưa có chế tài bắt buộc các bên phải thực hiện thỏa thuận hòa giải thành. Trên thực tế, có trường hợp các bên đã thỏa thuận hòa giải thành nhưng sau đó một bên lại thay đổi không thực hiện nội dung đã hòa giải, mặc dù kết quả hòa giải thành nhưng lại không thi hành được nên bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng thủ tục tố tụng, như vậy vụ việc bị kéo dài, phức tạp, mất thời gian, công sức của cả người dân và Tòa án.

Để khắc phục hạn chế nêu trên, đảm bảo giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ở cơ sở, từ đó hạn chế các tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã

¹⁰ Công văn số 1503/BTP-PBGDPL ngày 05/5/2017 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

dành 01 chương (Chương XXXIII) quy định về thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

5.1. Điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở (Điều 417 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015)

Nhằm bảo đảm kết quả thỏa thuận hòa giải thành đúng quy định pháp luật, tránh trường hợp các bên thỏa thuận trái pháp luật và đạo đức xã hội hoặc lợi dụng cơ chế công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác..., Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định rất chặt chẽ về điều kiện để Tòa án công nhận kết quả hòa giải ngoài Tòa án. Điều này đặt ra yêu cầu hòa giải viên ở cơ sở phải nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở.

Theo đó, vụ việc hòa giải thành ở cơ sở được Tòa án công nhận khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- (1). Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- (2). Vụ, việc được hòa giải tuân thủ đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở;
- (3). Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý;
- (4). Có văn bản hòa giải thành. Nội dung thỏa thuận hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba;
- (5). Một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

5.2. Thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở

Tòa án có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở là Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người yêu cầu cư trú, làm việc¹¹.

5.3. Thủ tục yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở

¹¹ Căn cứ Khoản 7 Điều 27; Điểm a Khoản 2 Điều 35 và Điểm s Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

a) Người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở (là một bên hoặc cả hai bên) phải gửi đơn đến Tòa án theo quy định tại Điều 418 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Đơn yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Ngày, tháng, năm làm đơn;
- Tên Tòa án có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở;
- Tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người yêu cầu;
- Tên, địa chỉ của những người có liên quan đến việc nội dung thỏa thuận hòa giải thành ở cơ sở (nếu có);
- Tên, địa chỉ của hòa giải viên, tổ hòa giải đã tiến hành hòa giải;
- Các thông tin khác mà người yêu cầu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu của mình;
- Người yêu cầu là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ, nếu là cơ quan, tổ chức thì đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn; trường hợp tổ chức yêu cầu là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

* Kèm theo đơn yêu cầu, người yêu cầu phải gửi văn bản về kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Văn bản về kết quả hòa giải thành do hòa giải viên ở cơ sở lập theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 và Khoản 2 Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

Văn bản hòa giải thành gồm các nội dung chính sau đây:

- Căn cứ tiến hành hòa giải;
- Thông tin cơ bản về các bên;
- Nội dung chủ yếu của vụ, việc;
- Diễn biến của quá trình hòa giải;
- Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện;
- Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận;

- Chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và của hòa giải viên.

b) Thời hạn gửi đơn: Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày lập văn bản hòa giải thành.

5.4. Hiệu lực của Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án

- Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

- Việc Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ở cơ sở.

- Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự.

Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự, tức là sau khi có quyết định công nhận của Tòa án, các bên phải tự nguyện thi hành thỏa thuận của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành của Tòa án; hết thời gian này, bên phải thực hiện nghĩa vụ có điều kiện thực hiện nghĩa vụ mà không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện, bên có quyền được nộp đơn yêu cầu thi hành cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Lưu ý: Việc yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở là hoàn toàn tự nguyện, các bên có quyền gửi đơn yêu cầu hoặc không gửi đơn yêu cầu.

II. KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Để hòa giải thành công và nâng cao chất lượng hòa giải ở cơ sở, mỗi hòa giải viên không chỉ nắm vững chính sách, thể chế pháp luật trên các lĩnh vực mà còn phải giỏi kỹ năng, chuyên nghiệp trong công tác, đặc biệt phải biết lồng ghép kỹ năng “dân vận khéo” vào trong quá trình hòa giải từng vụ việc cụ thể. Vận dụng lý thuyết của dân vận trong công tác hòa giải ở cơ sở chính là việc tuyên truyền, vận động Nhân dân, giúp dân giải quyết những khó khăn, mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống, làm cho người dân thấy quyền lợi, nghĩa vụ, thấy lợi ích hài hòa của mình trong mối quan hệ với người khác, với tập thể và xã hội. Việc “dân vận khéo” được lồng ghép trong từng kỹ năng cụ thể, từ kỹ

năng lắng nghe, giao tiếp với các bên đến kỹ năng điều hành buổi hòa giải và tư vấn, hướng dẫn, vận động các bên tự thỏa thuận, dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp.

1. Kỹ năng tiếp cận thông tin về vụ, việc hòa giải và nhu cầu của các bên

1.1. Kỹ năng giao tiếp:

Để góp phần hòa giải thành công các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật, một trong những kỹ năng quan trọng nhất của hòa giải viên là kỹ năng giao tiếp với các bên trong vụ việc và các bên có liên quan. Trong quá trình tiến hành hòa giải, hòa giải viên cần phải vận dụng kỹ năng giao tiếp để nắm bắt thông tin vụ việc hòa giải; cung cấp cho các bên những thông tin chính xác; đồng thời, chia sẻ, cảm thông về mặt tâm lý với họ; qua đó, trang bị cho họ kiến thức pháp luật, giúp họ lựa chọn cách ứng xử, suy nghĩ phù hợp nhất.

Ngay khi nhận được thông tin vụ việc cần hòa giải, hoà giải viên phải trực tiếp đến gặp từng bên hoặc các bên tranh chấp để nghe họ trình bày về nội dung vụ việc, những vấn đề vướng mắc và yêu cầu hoà giải. Trong giai đoạn này, hoà giải viên cần tiếp cận các bên, nghe họ trình bày nội dung vụ việc, đồng thời, hòa giải viên có thể đặt các câu hỏi để làm rõ các tình tiết của vụ việc, tạo cơ hội cho các bên ngồi lại với nhau cùng bàn bạc giải quyết tranh chấp...

Mục đích hòa giải viên gặp gỡ, giao tiếp với các bên là để tìm hiểu về tâm lý của từng đối tượng và các mối quan hệ xã hội của họ, từ đó có thái độ ứng xử, giao tiếp phù hợp. Do đó, khi tiếp xúc với bất cứ đối tượng nào, hòa giải viên đều phải khiêm tốn, thể hiện thái độ đúng mực, tôn trọng đối tượng và tạo không khí nói chuyện cởi mở giữa các bên tranh chấp để xây dựng niềm tin và hiểu biết lẫn nhau. Đây được coi là bước đầu tiên của quá trình hòa giải. Vì vậy, khi tiếp cận các bên, hoà giải viên cần lưu ý một số thái độ ứng xử với các bên như:

- Quan tâm và sẵn lòng giúp đỡ;
- Tôn trọng và lắng nghe các bên trình bày quan điểm, vấn đề;
- Nhiệt tình trong công việc;
- Chân thành, cởi mở để tạo sự tin cậy;
- Hiểu và thông cảm với tâm lý, suy nghĩ, cảm xúc của các bên.

Khi đã tạo được niềm tin của các bên, họ sẽ sẵn lòng chia sẻ tâm tư, nguyện vọng, từ đó hòa giải viên mới tìm được nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn và có định hướng cách giải quyết vụ việc một cách thấu tình đạt lý.

1.2. Kỹ năng lắng nghe

Để thu nhận được những thông tin chính xác, trung thực về vụ việc của các bên tranh chấp, hoà giải viên phải chú ý lắng nghe từng bên trình bày để hiểu rõ về nội dung và bản chất vụ việc. Việc thực hiện tốt kỹ năng lắng nghe cũng sẽ giúp hoà giải viên xây dựng lòng tin của các bên đối với mình, từ đó, khuyến khích các bên chia sẻ trung thực, cởi mở, đầy đủ về suy nghĩ, tâm tư, tình cảm và những vấn đề, khúc mắc cần giải quyết của họ.

Khi các bên trình bày dài hoặc nói lại những nội dung đã nhắc hoặc có thái độ mất kiên nhẫn khi nói, hoà giải viên không nên cắt ngang lời các bên hoặc hỏi lại ngay trong khi họ đang trình bày về vụ việc mà nên kiên trì nghe hết những gì đối tượng nói. Nghệ thuật tốt nhất là biết lắng nghe để hiểu, đừng phản ứng lại đối tượng và cần khuyến khích họ nói đến khi không còn gì để nói. Bằng phương pháp đó, khuyến khích được các bên nói hết những gì cần nói và hoà giải viên sẽ hiểu được bản chất của vụ việc.

Sau khi nghe các bên trình bày vụ việc, hoà giải viên cần kiểm tra, khẳng định lại những thông tin về suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của đối tượng mà mình tiếp nhận được. Hoà giải viên cần thể hiện sao cho các bên tin rằng mình đã nắm được đúng quan điểm và bản chất vụ việc thì các bên mới dễ tiếp thu những lời tư vấn và chấp nhận thỏa thuận phương án giải quyết tranh chấp mà hoà giải viên đưa ra.

Mặc dù là những người uy tín, chuyên đi “gỡ rối” các mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong cộng đồng dân cư, nhưng trong quá trình lắng nghe các bên trình bày, hoà giải viên cần tránh các hành vi như: chỉ trích, đặt ra những giả định, chính lý, lên lớp về mặt đạo lý, chất vấn, tranh luận với đối tượng trong khi họ đang trình bày; có điệu bộ, cử chỉ (như lắc đầu, cau mặt, nheo mắt...), lời nói tỏ thái độ phủ định hay khó chịu khi đối tượng trình bày dài dòng, không logic, khó hiểu hoặc đặt ra nhiều câu hỏi không có liên quan đến vụ việc; buồn bực hay cáu giận khi các bên có cử chỉ hoặc lời nói không hài lòng.

1.3. Kỹ năng khai thác thông tin, tài liệu, chứng cứ về vụ việc

**** Kỹ năng khai thác thông tin:***

Để có thể đưa ra phương án tư vấn cho các bên mâu thuẫn, tranh chấp, hoà giải viên cần nghiên cứu kỹ vụ việc, phân tích nội dung vụ việc, nguyên nhân mâu thuẫn, tranh chấp, tính chất, mức độ tranh chấp, thái độ tâm lý của các bên tranh chấp, xác định các yêu cầu cụ thể của các bên, những nội dung nào các bên

đã thông nhất được, nội dung nào còn mâu thuẫn thông qua việc tiếp xúc, lắng nghe, lấy thông tin từ hai bên tranh chấp.

Sau khi lắng nghe và ghi chép đầy đủ những nội dung chính mà các bên đã trình bày, hòa giải viên có thể khai thác thêm thông tin về vụ việc thông qua việc đặt câu hỏi cho họ. Các bên thường trình bày theo ý chí chủ quan và bỏ qua nhiều chi tiết mà họ cho là không cần thiết. Vì vậy, hòa giải viên cần gợi ý những vấn đề để bên tranh chấp trình bày đúng bản chất của sự việc. Từ đó có thể đưa ra những lời khuyên hay tư vấn chính xác, đúng pháp luật, đồng thời giúp cảm hóa, thuyết phục được các bên tự nguyện thực hiện.

Hòa giải viên nên lựa chọn và sử dụng một số dạng câu hỏi phù hợp với từng trường hợp và mục đích thông tin muốn đạt được.

Ví dụ: Anh H và chị V lấy nhau đã được gần 5 năm, hiện đang có hai con nhỏ. Cuộc sống gia đình anh chị rất vất vả, hàng ngày, chị đi làm công nhân may, còn anh thì đi thu mua phế liệu rồi bán lại cho các đại lý. Thời gian gần đây, anh H bỗng nhiên bỏ bê công việc, lao vào đánh đề, cờ bạc, rượu chè bê tha. Chị V đã nhiều lần khuyên nhủ, thuyết phục chồng, nhưng không được. Hai vợ chồng thường xuyên to tiếng, xô xát, anh H đã nhiều lần đánh chị V, gây mất trật tự xóm làng.

Trường hợp này, sau khi gặp gỡ, lắng nghe vụ việc từ phía chị V, nếu hòa giải viên muốn lấy được các thông tin cụ thể, chi tiết việc anh H nhiều lần đánh chị V thì có thể sử dụng những câu hỏi đóng dưới dạng đưa ra các phương án trả lời sẵn để chị V lựa chọn như: *“Chị đã báo cáo chính quyền địa phương về hành vi cư xử bạo lực của chồng chị chưa?”*; *“Anh H có thường xuyên đánh chị không?”*; *“Anh H có thường xuyên say xỉn không?”*

Trong trường hợp muốn hiểu rõ hơn tình hình gia đình chị V hoặc suy nghĩ của chị V về anh H, hòa giải viên có thể dùng các câu hỏi mở như: *“Hàng ngày, anh ấy đối xử với chị như thế nào?”*; *“Khi chị có ý kiến về việc cờ bạc, rượu chè thì anh H đã phản ứng ra sao?”*; *“Chị hãy kể một sự việc xảy ra gần đây nhất mà hai anh chị có xích mích?”*... Những câu hỏi mở dưới hình thức này sẽ giúp cho các bên được tự do đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của mình, do đó hòa giải viên sẽ thu thập thêm nhiều thông tin có ích cho việc hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp.

** Kỹ năng yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan:*

Đối với những tranh chấp đơn giản, rõ ràng, sau khi nghe các bên trình bày, hoà giải viên có thể phân tích, giải thích, hướng dẫn được ngay cho đối tượng. Tuy nhiên, đối với những vụ việc phức tạp, đã diễn ra trong một thời gian dài hoặc vụ việc đã được một số cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp hoặc giúp đỡ giải quyết, nhưng các bên tranh chấp vẫn không hài lòng và tiếp tục tranh chấp, thì hoà giải viên phải yêu cầu các bên cung cấp các chứng cứ và tài liệu có liên quan (nếu có).

Trong trường hợp cần thiết, hoà giải viên phải tự mình tìm hiểu, thu thập chứng cứ, gặp gỡ các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã từng tham gia giúp đỡ giải quyết, gặp người chứng kiến nghe họ trình bày về diễn biến và nội dung vụ việc mà họ biết được. Chỉ có như vậy thì hoà giải viên mới có thể hiểu biết được bản chất vụ việc, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp, từ đó đưa ra lời tư vấn chính xác, đúng pháp luật, thuyết phục được các bên tranh chấp tự nguyện giải quyết bất đồng.

Trong thực tiễn, cũng có những vụ việc mà đối tượng chỉ trình bày vụ việc một cách chung chung, chưa muốn cung cấp cho hoà giải viên những văn bản, chứng cứ mà họ cho rằng không có lợi cho mình, thì hoà giải viên cần thuyết phục để họ cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan, có như vậy thì mới có thể xác định nội dung vụ việc chính xác và đúng bản chất, đúng pháp luật.

Sau khi đối tượng đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu có liên quan, hoà giải viên cần dành thời gian để đọc, nghiên cứu các giấy tờ, tài liệu đó. Trong khi đọc, hoà giải viên có thể đồng thời hình thành luôn giải pháp trên cơ sở sắp xếp các tài liệu theo tầm quan trọng của vấn đề đưa ra. Có những tài liệu hoà giải viên không hiểu, không đọc được hoặc nghi ngờ về tính chân thực của nó thì cần hỏi lại đối tượng để khẳng định ngay. Trường hợp sau khi nghe đối tượng trình bày và nghiên cứu các tài liệu do đối tượng cung cấp thấy chưa thể đưa ra lời khuyên ngay được mà phải có thời gian nghiên cứu thì hẹn tư vấn cho đối tượng vào một ngày khác. Trong mọi trường hợp, khi chưa thực sự tin tưởng về giải pháp mà mình sẽ đưa ra cho đối tượng thì hoà giải viên không nên vội vàng đưa ra.

2. Kỹ năng tìm mâu thuẫn, xung đột lợi ích cốt lõi, nguyên nhân chủ yếu

Những tranh chấp phát sinh trong cuộc sống thường ngày có thể được biểu hiện dưới một hình thức cụ thể nào đó, nhưng nguyên nhân sâu xa của nó có thể là những vấn đề hoàn toàn không liên quan đến nội dung tranh chấp. Nói cách khác, các bên trong quan hệ tranh chấp phát sinh có thể sử dụng hình thức tranh

chấp này để giải quyết một mâu thuẫn khác. Ví dụ: Hai hộ gia đình có mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nhưng lại phát sinh mâu thuẫn biểu hiện dưới hình thức tranh chấp về quyền sử dụng đất. Nếu hòa giải viên chỉ hướng nội dung hòa giải đến việc xác minh vấn đề sử dụng đất thì sẽ không giải quyết được nguyên nhân của mâu thuẫn.

Để tìm ra mâu thuẫn, các xung đột lợi ích cốt lõi và nguyên nhân chủ yếu của vụ việc, hòa giải viên cần liên tục đặt ra những câu hỏi tại sao lại như vậy đối với các thông tin, tình tiết của vụ việc mà mình được tiếp nhận.

2.1. Các loại lợi ích trong mâu thuẫn, tranh chấp

Dựa trên những căn cứ khác nhau, các nhà nghiên cứu đã chia lợi ích thành nhiều loại khác nhau: dựa vào các lĩnh vực của đời sống xã hội: chia thành lợi ích kinh tế, lợi ích văn hoá, lợi ích chính trị...; dựa vào phạm vi hoạt động của chủ thể: chia thành lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích giai cấp, lợi ích toàn xã hội, lợi ích quốc gia, lợi ích nhân loại...; dựa vào thời gian tồn tại của lợi ích: chia thành lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài; dựa vào tầm quan trọng của lợi ích: chia thành lợi ích căn bản và lợi ích không căn bản, lợi ích cấp bách và lợi ích không cấp bách; dựa vào tính chất và các biện pháp thực hiện lợi ích: chia thành lợi ích chính đáng và lợi ích không chính đáng...

Trong hòa giải ở cơ sở, việc thu thập thông tin để xác định chính xác lợi ích của các bên trong mâu thuẫn, tranh chấp là gì sẽ giúp hòa giải viên tìm ra được mấu chốt của vấn đề, từ đó dẫn dắt các bên đưa ra các giải pháp giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp một cách thỏa đáng, đạt được nguyện vọng của mỗi bên, do đó mâu thuẫn được giải quyết triệt để.

Ví dụ: A và B là hàng xóm có điều kiện kinh tế eo hẹp, hai bên thống nhất chung tiền mua 01 con bò nhỏ với mục đích cùng nhau chăm sóc để khi lớn bò sẽ sinh bê, bán lấy tiền chia đôi. Tuy nhiên, mới nuôi bò được hơn 01 năm thì A có việc cần dùng đến tiền nên muốn bán bò để lấy tiền, còn B muốn tiếp tục nuôi bò để đạt mục đích đẻ ra từ đầu. Do không thống nhất được cách giải quyết, vì B không đủ tiền để trả cho A hơn nữa con bò đã lớn nên giá trị đã thay đổi so với lúc mua ban đầu, tranh chấp đã xảy ra. Giả sử A đưa vụ, việc ra Tòa án thì Tòa án sẽ giải quyết theo pháp luật như sau: Nếu B nhận nuôi bò thì phải trả cho A một khoản tiền tương đương giá trị nửa con bò; nếu B không có tiền trả cho A thì con bò sẽ bị

bán đi và số tiền chia đôi cho A và B. Xử lý như vậy thì chỉ đạt lợi ích của A còn lợi ích và nguyện vọng của B không thỏa mãn. Do đó, nếu vụ, việc được hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên sẽ nắm được lợi ích của các bên từ đó hướng đến giải pháp ổn thỏa hơn. Hòa giải viên có thể gợi ý bên A bán quyền sở hữu một nửa con bò đó cho một người nào đó trong thôn/bản để chung với B tiếp tục nuôi bò và cùng hưởng hoa lợi phát sinh từ việc chung đó. Như vậy, giải quyết đạt được nguyện vọng của cả hai bên.

Làm cách nào hòa giải viên biết được lợi ích của các bên tranh chấp là những lợi ích gì?

Các hòa giải viên cần rèn luyện tốt kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi (như đã trình bày tại mục 1 phần II Tài liệu này) để giúp các bên bày tỏ quan điểm, suy nghĩ và mong muốn thực sự của họ trong mâu thuẫn, tranh chấp. Nắm bắt đúng lợi ích cốt lõi dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp, giúp tìm được các giải pháp thích hợp, kết quả hòa giải thành sẽ trở nên bền vững (giải quyết được tận “gốc” của vấn đề).

2.2. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa các bên tranh chấp

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp, như: vì lợi ích vật chất, quan điểm sống khác nhau, cách ứng xử, hành vi của mỗi bên, truyền đạt thông tin không rõ ràng Nguyên nhân này xuất phát từ mỗi cá nhân trong xã hội hướng đến những lợi ích, mục tiêu khác nhau và bản thân mỗi người cũng khác nhau nhất định về các giá trị văn hoá, truyền thống gia đình, mức độ giáo dục, bề dày kinh nghiệm... Do đó, khi hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên phải tìm được nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn từ đó có cách tháo gỡ phù hợp, như vậy kết quả hòa giải thành mới bảo đảm tính bền vững.

* Ví dụ về mâu thuẫn nảy sinh do việc truyền đạt thông tin không rõ ràng như: B đồng ý cho A mượn xe máy nhưng không nói rõ khi nào trả. Đến trưa, do có việc phải đi, B sang nhà A để lấy lại xe. B cho rằng A phải trả ngay sau khi xong việc, còn A thì cho rằng B chưa cần nên chiều sẽ trả. Hai bên lời qua, tiếng lại, gây mất trật tự xóm làng.

* Ví dụ nguyên nhân dẫn đến các vụ việc bạo lực gia đình như do rượu và ma túy, do mâu thuẫn trong làm ăn, khó khăn về kinh tế, ngoại tình, do nhận thức về vấn đề bình đẳng giới hạn chế...

3. Kỹ năng tra cứu, tham khảo, vận dụng pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong hoạt động hòa giải ở cơ sở

3.1. Kỹ năng tra cứu pháp luật, tài liệu tham khảo

Trong quá trình hoà giải, một hoạt động hết sức quan trọng và mang tính quyết định của hoà giải viên là tư vấn pháp luật (giải đáp pháp luật, cung cấp thông tin pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp, đưa ra những lời khuyên, hướng dẫn các bên xử sự phù hợp với pháp luật...). Để đưa ra lời tư vấn pháp luật chính xác, việc tra cứu pháp luật, tài liệu tham khảo trong quá trình hoà giải là yêu cầu bắt buộc nhằm:

- Khẳng định với các bên tranh chấp rằng hoà giải viên đang thực hiện hoà giải theo pháp luật, trên cơ sở pháp luật chứ không phải theo cảm tính chủ quan.

- Giúp hoà giải viên khẳng định những lời tư vấn của mình là đúng pháp luật vì trong thực tiễn, không phải bao giờ hoà giải viên cũng có thể nhớ chính xác tất cả các quy định thuộc các lĩnh vực pháp luật khác nhau.

a) Nguyên tắc khi tra cứu, tìm kiếm văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật

- Bảo đảm tính hiệu lực: Văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật được tra cứu, áp dụng trong giải quyết vụ việc phải đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm xảy ra vụ việc (tại thời điểm nảy sinh vụ việc, văn bản pháp luật nào đang điều chỉnh và quy phạm pháp luật nào có hiệu lực áp dụng).

- Bảo đảm tính chính xác: Các văn bản, điều luật hòa giải viên tra cứu, áp dụng trong giải quyết tình huống phải được trích dẫn chính xác, bảo đảm hiểu đúng quy định pháp luật.

- Bảo đảm tính đầy đủ, toàn diện: Hòa giải viên phải tìm kiếm đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp; việc tìm kiếm, tra cứu đầy đủ các điều luật liên quan sẽ như một chiếc chìa khóa để xử lý tốt các chứng cứ, giải quyết hết được các mối quan hệ pháp luật trong vụ việc, làm căn cứ để đưa ra giải pháp tối ưu trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên. Bên cạnh những điều luật quy định trực tiếp về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong vụ việc, hòa giải viên còn phải tìm kiếm các điều luật khác có liên quan (đó là những điều luật không trực tiếp điều chỉnh quan hệ của các bên trong vụ việc nhưng phải tìm hiểu điều luật này để hiểu rõ, đầy đủ, toàn diện hơn về các điều luật điều chỉnh trực tiếp nội dung vụ việc).

b) Các bước tra cứu văn bản pháp luật, tài liệu tham khảo

Bước 1: Xác định vấn đề pháp lý trong vụ việc cần hòa giải

Nghiên cứu phân tích vụ việc, hòa giải viên phải trả lời được các câu hỏi sau:

- Vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn là gì?
- Vấn đề tranh chấp thuộc lĩnh vực nào?
- Vấn đề pháp lý đặt ra là gì? Các lưu ý gì? Pháp luật điều chỉnh đối với các vấn đề đó?
- Các vấn đề cần quan tâm để dẫn chiếu đến văn bản điều chỉnh của pháp luật?

Bước 2: Xác định các văn bản pháp luật thuộc phạm vi tra cứu và khoanh vùng các văn bản có chứa các văn bản quy phạm pháp luật cần tra cứu

Sau khi đã xác định được vấn đề pháp lý của vụ việc, cần tiến hành tìm kiếm văn bản pháp luật quy định về vấn đề đó.

Ví dụ: Khi hòa giải mâu thuẫn vợ chồng thì cần nghiên cứu xem mâu thuẫn ở mức độ nào, tranh chấp về gì? Về cư xử giữa vợ chồng hay về kinh tế, con cái, bạo lực gia đình,...từ đó hòa giải viên mới xác định văn bản điều chỉnh là Luật hôn nhân gia đình, Luật trẻ em, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình...

Xác định từ khóa quan trọng khi tra cứu văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ: Hôn nhân gia đình, Dân sự, đất đai, năm có hiệu lực của văn bản, Nghị định, thông tư...

Bước 3: Kiểm tra, rà soát các văn bản trong nhóm văn bản đã tập hợp

Tiêu chí để kiểm tra, rà soát là tính hợp pháp, hợp lý, tính thống nhất và hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật nói chung. Sau đó kiểm tra hiệu lực của từng quy phạm có liên quan đến nội dung vụ, việc nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, lưu ý áp dụng:

- (i) Văn bản pháp luật để điều chỉnh vấn đề của vụ việc, đang còn hiệu lực.
- (ii) Văn bản pháp luật điều chỉnh vấn đề của vụ việc, đã hết hiệu lực pháp luật một phần và còn hiệu lực một phần (phần còn hiệu lực điều chỉnh vấn đề vụ việc).

Ví dụ: Trước đây nhà ông K ông X mắc đường dây tải điện qua đất nhà để phục vụ sinh hoạt của gia đình ông X. Tuy nhiên hiện nay,

ông K dự định xây nhà. Ông K sang đề nghị ông X di dời đường dây điện sang vị trí mới nhưng ông X không đồng ý với lý do trước đây Ông K đã cho phép ông X mắc đường dây điện rồi thì nay không được thay đổi, hai bên phát sinh mâu thuẫn, ông K gửi đơn đến Tổ hòa giải để yêu cầu được hòa giải.

Với tình huống này, trước tiên hòa giải viên cần xác định mâu thuẫn trong vụ việc là gì? Thuộc lĩnh vực nào?

Tranh chấp giữa ông K và ông X là quyền mắc đường dây tải điện qua bất động sản của các chủ sở hữu khác, thuộc lĩnh vực dân sự. Hòa giải viên cần tìm hiểu về quyền mắc đường dây tải điện qua bất động sản của các chủ sở hữu khác, quyền và nghĩa vụ của bên được quy định tại Bộ luật dân sự.

b) Nguồn tra cứu, tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo

Hòa giải viên ở cơ sở có thể tra cứu, tìm kiếm các văn bản pháp luật từ các nguồn sau:

- Tài liệu của cá nhân hòa giải viên hoặc của Tổ hòa giải (tự thu thập, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, hỗ trợ);

- Sách, tài liệu pháp luật tại tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn.

- Sách, tài liệu pháp luật tại hệ thống thư viện ở địa phương.

- Đề nghị công chức Tư pháp - hộ tịch hướng dẫn và cung cấp điều luật.

- Tra cứu, tìm kiếm trên mạng Internet: Để bảo tính chính xác của văn bản pháp luật được tra cứu, tìm kiếm qua mạng internet, hòa giải viên phải lựa chọn các trang web uy tín, tin cậy. Một trong số các trang dữ liệu pháp luật chính xác, có thời gian cập nhật nhanh là:

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật: <http://vbpl.vn>.

Để tra cứu hiệu lực, các văn bản liên quan đến văn bản cần tìm kiếm trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, người đọc có thể xem các trường thông tin “Thuộc tính”, “Lịch sử”, “Văn bản liên quan”, “Lược đồ”... khi văn bản cần tìm kiếm đã hiện ra.

+ Cổng thông tin điện tử của Chính phủ: <http://chinhphu.vn> (mục Hệ thống văn bản).

+ Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp: www.moj.gov.vn

+ Trang Thông tin văn bản quy phạm pháp luật của Văn phòng Quốc hội:
<http://vietlaw.gov.vn>.

+ Trang chủ quản của đơn vị ban hành văn bản: Ví dụ, tìm kiếm văn bản về đất đai có thể vào cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường: www.monre.gov.vn; tìm kiếm văn bản trong lĩnh vực tài chính có thể vào cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính: www.mof.gov.vn.

Một nguồn tài liệu quan trọng có thể tham khảo là các Báo cáo tổng kết của Tòa án hoặc các án lệ của Tòa án nhân dân tối cao (www.toaan.gov.vn, mục Công bố bản án, quyết định và mục Án lệ). Đây là các thông tin hữu ích, có thể áp dụng tương tự vào vụ việc đang giải quyết.

3.2. Kỹ năng vận dụng pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong hoạt động hòa giải ở cơ sở

a) Kỹ năng vận dụng pháp luật

- Xác định hệ thống quy định pháp luật áp dụng:

Trên cơ sở nội dung vụ việc, hòa giải viên liệt kê các điều luật liên quan đến nội dung vụ việc, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên:

(i) Các điều luật quy định trực tiếp về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong vụ việc;

(ii) Các điều luật khác có liên quan.

Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong giải quyết vụ việc phải tuân thủ nguyên tắc theo quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Cụ thể như sau:

+ Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.

Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.

Ví dụ: Cũng là việc mua bán nhà ở nhưng nếu mua bán vào năm 2016 thì áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu mua bán vào năm 2003 thì áp dụng Bộ luật Dân sự năm 1995 (có hiệu lực từ 01/7/1996 đến 31/12/2005); nếu mua bán vào năm 1993 thì áp dụng Pháp lệnh Nhà ở (có hiệu lực từ 01/7/1991 đến 30/6/1995); nếu mua bán vào

1983 thì áp dụng Nghị quyết 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Giá trị pháp lý của các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau do vị trí của cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước quy định (văn bản của cơ quan quyền lực nhà nước có giá trị pháp lý cao hơn văn bản của cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, ví dụ: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành có giá trị pháp lý cao hơn văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có giá trị pháp lý cao hơn văn bản của cơ quan cấp dưới, ví dụ: văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành có giá trị pháp lý cao hơn văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành...).

+ Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.

+ Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới.

Ví dụ: Tại khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 quy định:

“Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”.

b) Kỹ năng vận dụng phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc

Xã hội truyền thống Việt Nam chịu ảnh hưởng của tư tưởng đức trị của Nho giáo, nên người dân Việt Nam (đặc biệt là người dân sống ở khu vực nông thôn) rất coi trọng giá trị đạo đức. Các quan hệ xã hội bị chi phối mạnh bởi quy tắc đạo đức, phong tục, tập quán truyền thống. Tại Điều 5 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự.

2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này”.

Vì vậy, khi các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán. Đồng thời các phong tục, tập quán đó phải là những phong tục, tập quán tốt đẹp; không trái nguyên tắc của pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội.

Để phát huy hiệu quả tối đa trong việc vận dụng các phong tục, tập quán giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, hòa giải viên cần xác định, liệt kê cụ thể các quy tắc đạo đức, phong tục, tập quán, các quy định trong hương ước, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, cụm dân cư có liên quan trực tiếp đến nội dung vụ việc để làm căn cứ phân tích, lập luận, thuyết phục, hướng dẫn các bên tìm giải pháp giải quyết bất đồng, tranh chấp.

*** Lưu ý:**

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2014/NĐ-CP, trong đó quy định Danh mục Các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ và cấm áp dụng.

4. Kỹ năng tổ chức, điều hành, kiểm soát buổi hòa giải

4.1. Kỹ năng tổ chức buổi hòa giải

Để tổ chức buổi hòa giải, cần thực hiện các hoạt động sau:

a) Lập danh sách những người tham gia buổi hòa giải: Ngoài các bên, hòa giải viên cần lưu ý mời người có quyền và lợi ích liên quan¹² đến mâu thuẫn, tranh chấp tham dự buổi hòa giải. Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý. Nếu thấy cần thiết, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải.

Ví dụ: Anh A vay của anh B 70 triệu đồng, không làm giấy vay tiền. Việc vay tiền có chị C, người cùng công ty của hai anh biết. Vừa qua, anh A bị bệnh nặng và qua đời. Trước khi chết, anh A đã kịp dặn dò, chia tài sản của mình cho bố mẹ, vợ, song lại quên khoản nợ trên. Sau khi biết tang lễ cho anh A hoàn tất, anh B đến đề nghị vợ anh A, trả số tiền 70 triệu đồng. Vợ anh A không đồng ý vì chị không thấy chồng kể về việc này. Hai bên xảy ra tranh chấp và đề nghị tổ hòa giải giúp đỡ. Trong trường hợp này, việc trả anh B 70 triệu đồng sẽ liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của bố mẹ anh A, các con của anh A. Do đó, hòa giải viên bên cạnh việc mời chị C, người biết về việc vay tiền giữa anh A và anh B, cần mời thêm bố mẹ anh A và các con đã trưởng thành của anh A tham gia buổi hòa giải.

Để biết thông tin về người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội hiện đang sinh sống hoặc làm việc tại địa phương, hòa giải viên có thể tham khảo ý kiến của bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; công chức tư pháp - hộ tịch. Hiện nay, tại một số địa phương đang triển khai thực hiện phân công cán bộ, đảng viên phụ trách hộ gia đình nơi cư trú và việc thực hiện bước đầu có hiệu quả tích cực. Ngay sau khi được giao nhiệm vụ phụ trách, các đảng viên có trách nhiệm đến từng hộ gia đình tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, tuyên truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư... Theo đó, bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố sẽ phần nào nắm bắt được những thông tin cơ bản của người dân cư trú trên địa bàn.

¹² Là người tuy không phải là một trong các bên mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật nhưng việc hòa giải có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 417 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì một trong các điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án là “Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự”. Pháp luật dân sự quy định, người từ đủ 18 tuổi trở lên là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (Khoản 2 Điều 20 Bộ luật Dân sự năm 2015). Theo đó, trường hợp vụ việc có một trong các bên là người bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì hòa giải viên cần lưu ý mời người đại diện theo pháp luật/hoặc người giám hộ tham gia hòa giải.

Ví dụ 1: Nguyễn Văn A, 20 tuổi, bị Tòa án ra quyết định tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Vừa qua, A cạy cửa, trốn ra ngoài chơi. Thấy chiếc xe ô tô của bà X đỗ trước cửa nhà, A lấy viên đá ven đường vẽ nghịch lên xe làm xước toàn bộ mặt trước và hai bên xe. Thiệt hại gây ra cho bà X là 10 triệu đồng. Ông B, bố của A và cũng là người được Tòa án chỉ định người giám hộ cho A đề nghị được bồi thường cho gia đình bà X 3 triệu vì hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn. Bà X không đồng ý. Vụ việc được đưa ra tố hòa giải. Trong trường hợp này, các bên tham gia hòa giải được xác định là bà X và ông B.

* Trường hợp một hoặc các bên là tổ chức thì sẽ do người đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia hòa giải.

b) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức buổi hòa giải: Trong thực tiễn rất ít trường hợp hòa giải viên chỉ tiến hành hoà giải một lần là có thể giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn được ngay mà trái lại để vận động, giúp đỡ các bên tự dàn xếp, thoả thuận chấm dứt tranh chấp, mâu thuẫn, hoà giải viên phải kiên trì, tốn nhiều thời gian, công sức gập gở từng bên hoặc các bên nhiều lần để phân tích, giải thích. Hơn nữa, các bên cũng cần có thời gian phù hợp để bình tĩnh, suy ngẫm về hành vi của mình cũng như những điều hoà giải viên đã phân tích, giải thích. Vì vậy, việc lựa chọn thời gian và địa điểm tiến hành hoà giải thường được tiến hành sau khi hòa giải viên đã có sự tiếp xúc trực tiếp với các bên mâu thuẫn, tranh chấp.

Về thời gian hòa giải, để bảo đảm việc hòa giải được tiến hành kịp thời, tránh kéo dài, dẫn đến những hậu quả tiêu cực có thể xảy ra, trong thời hạn 03

ngày, kể từ ngày được phân công, hòa giải viên bắt đầu tiến hành hòa giải, trừ trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay khi chứng kiến vụ, việc hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải.

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, việc hoà giải kịp thời, đúng lúc hoặc ngay sau khi sự việc xảy ra thì càng thuận lợi cho việc hòa giải đạt được kết quả, bởi nếu để mâu thuẫn, tranh chấp kéo dài, rất có thể trở nên gay gắt, phức tạp hơn, việc giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Chính vì vậy, trường hợp hoà giải viên là người trực tiếp chứng kiến tranh chấp, mâu thuẫn và xét thấy cần thiết phải hoà giải ngay thì việc hoà giải có thể được tiến hành ngay tại thời điểm và nơi xảy ra tranh chấp.

Ví dụ: Anh P trong khi đã ngà ngà men rượu có lời nói trêu ghẹo vợ anh T, nên bị anh T đánh ngã đập mồm xuống đất sưng to. Sau khi bị đánh, anh P gọi điện cho anh em người cùng bản đến để ăn thua, “quyết sinh tử” với anh T và cầm khúc gỗ của quán gần đó lao vào đòi đánh anh T. Nhận định sự việc rất căng thẳng, cần giải quyết ngay, ông Q cùng một số người dân có mặt kịp thời can ngăn, đưa mỗi người ra một địa điểm khác nhau, đồng thời gọi các thành viên khác của tổ hòa giải đến để phối hợp giải quyết. Vụ việc kết thúc với kết quả hòa giải thành, hai bên đều tự nguyện xin lỗi và bỏ qua cho nhau, không bên nào đòi bên kia phải bồi thường.

c) Gửi thông báo, giấy mời cho những người tham gia buổi hòa giải;

d) Dự kiến chương trình buổi hòa giải: Việc làm này là cần thiết để mọi người tham gia buổi hòa giải được chủ động tham gia ý kiến, phát biểu, tranh luận...

đ) Chuẩn bị các giấy tờ, tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4.2. Kỹ năng điều hành buổi hòa giải

Trước khi bắt đầu tiến hành hoà giải, hòa giải viên phải kiểm tra lại chính xác thông tin những người tham gia phiên hoà giải để bảo đảm triệu tập người tham gia phiên hoà giải được đầy đủ, không bị bỏ sót, nhất là những người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Có thuộc các trường hợp phải có người đại diện không? Nếu có người đại diện theo uỷ quyền, thì thủ tục pháp lý về uỷ quyền đã hợp lệ chưa, phạm vi uỷ quyền như thế nào? Đối với trường hợp đại diện đương nhiên thì người đại diện đương nhiên đó có đúng pháp luật không?...

Điều hành phiên hòa giải phải bảo đảm nội dung đã dự tính. Nghi thức buổi hòa giải cần thực hiện đơn giản gọn nhẹ, nên biểu hiện tình cảm làng xóm, họ hàng, gia đình... để giảm căng thẳng cho các bên khi tham dự. Các nội dung được hòa giải viên trình bày tại buổi hòa giải phải tập trung, ngắn gọn và súc tích, đi thẳng vào vấn đề mà các bên mâu thuẫn, tranh chấp.

Hòa giải viên dành thời gian cho các bên tham gia đưa ra quan điểm, ý kiến nhưng cần thông báo cho họ thời gian giới hạn cho việc trình bày để tránh lan man và hướng vào vấn đề trọng tâm. Hòa giải viên phải kiểm soát thời gian, sao cho vừa đảm bảo nội dung, vừa linh hoạt theo diễn tiến thực tế của buổi hòa giải, không quá máy móc, cứng nhắc.

Đảm bảo tính dân chủ, công bằng trong buổi hòa giải: Các nội dung trình bày của các bên phải hết sức ngắn gọn để dành thời gian cho người khác đưa ra ý kiến. Vấn đề nào xét thấy có mức độ ít liên quan đến nội dung vụ việc thì hòa giải viên cần chủ động dừng tranh luận và hướng các bên quay trở lại nội dung chính. Vấn đề nào có tác dụng tích cực tới tất cả các bên để có thể tìm ra tiếng nói chung thì hòa giải viên cần tập trung khai thác, định hướng các bên vào vấn đề đó.

4.3. Kỹ năng kiểm soát buổi hòa giải

Để có buổi hòa giải diễn ra trong kiểm soát, hòa giải viên cần tổ chức và điều hành tốt buổi hòa giải. Ngoài ra cũng cần có một số kỹ năng để kiểm soát buổi hòa giải, tránh những tình huống đáng tiếc có thể xảy ra.

a) Để kiểm soát tốt buổi hòa giải, hòa giải viên cần:

- Thể hiện thái độ quan tâm và nhạy cảm khi nói chuyện với các đối tượng yếu thế (phụ nữ, người già, người tàn tật...). Vì một số người có thể miễn cưỡng khi cung cấp các thông tin chi tiết về vụ việc, do dự khi kể về vụ việc hoặc cố gắng rút lại lời khai về một số điểm. Một số người lại cảm thấy lo sợ họ có thể gặp khó khăn, bất lợi khi nói ra quan điểm của mình.

- Cung cấp trước cho các bên những thông tin có liên quan đến quá trình hòa giải để tránh sự hiểu lầm không đáng có và xây dựng niềm tin của họ.

- Tạo ra không gian thân thiện và cởi mở để các bên có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc cũng như quan điểm của họ về vụ việc. Tránh tạo không khí tiêu cực, khiến một số người có cảm giác như đang bị hỏi cung hay phán xét.

- Thể hiện sự tôn trọng với tất cả các bên. Khi cả hai bên đều có mặt tại buổi hòa giải, hòa giải viên phải bảo đảm rằng không có bất cứ ai phải chịu áp lực hay bị đe dọa từ người khác.

- Quan sát mọi thay đổi trong cách ứng xử của các bên so với buổi gặp sơ bộ ban đầu. Nếu một bên có dấu hiệu không thoải mái hoặc sợ hãi, người tiến hành hòa giải cần tạm dừng buổi hòa giải, dành thời gian gặp riêng từng bên để xem xét lại các tình tiết và chứng cứ của vụ việc.

b) Trong quá trình phân tích vụ việc và đi đến thống nhất cách giải quyết tại buổi hòa giải, hòa giải viên cần lưu ý:

- Khi phân tích vụ việc, cần bảo đảm rằng hòa giải viên đã có được mọi tài liệu có liên quan đến vụ việc hiện tại và trong quá khứ.

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật có liên quan để bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc pháp luật. Nếu chưa chắc chắn, hãy tham khảo ý kiến của chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật có liên quan.

Đối với vụ việc có phát sinh bạo lực, hòa giải viên cần nhấn mạnh rằng không được dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp; đồng thời cần cảnh báo cho người gây bạo lực biết họ có thể bị áp dụng những chế tài mạnh hơn nếu tiếp tục gây ra bạo lực.

c) Các phương pháp mà hòa giải viên có thể sử dụng để kiểm soát, định hướng buổi hòa giải:

- *Sự hợp tác:* Phương pháp này coi trọng cả mục đích và mối quan hệ. Các bên hợp tác với nhau tìm ra giải pháp tốt nhất cho cả đôi bên, chú trọng sự đồng thuận. Cách này tạo ra được kết quả cả hai bên đều thắng.

- *Sự thỏa hiệp:* Mỗi bên trong tranh chấp có thể phải hy sinh một chút quyền lợi để đạt được một số quyền lợi khác. Họ cùng nhau tìm những giải pháp trung hòa để đôi bên cùng có một phần lợi ích.

- *Sự nhường nhịn, xoa dịu:* Phương pháp này quan tâm đến các mối quan hệ chứ không quan tâm đến kết quả quyền lợi. Vì vậy, khi các bên giải quyết xung đột theo cách này có thể nhường một phần quyền lợi của mình nhưng giữ được mối quan hệ thân thiện với bên kia và mọi người khác trong cộng đồng.

* Không nên đồng thuận với các bên giải quyết xung đột, mâu thuẫn bằng “Sự né tránh của một bên”. Đây là cách né tránh sự va chạm, đối đầu với mâu thuẫn, không quan tâm đến nhu cầu của các bên, “thua” cũng không sao. Cách

này dễ tạo ra kết quả các bên cùng chấp nhận dừng tranh chấp để giữ hòa khí, nhưng nguy cơ bùng phát tranh chấp vẫn tiềm ẩn.

5. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp

Tư vấn pháp luật là hoạt động giải đáp pháp luật, cung cấp thông tin pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức, đưa ra những lời khuyên, hướng dẫn các bên xử sự phù hợp với pháp luật...

Việc đề xuất phương án tư vấn phù hợp là kết quả của một quá trình tìm hiểu, phân tích kỹ lưỡng, chính xác nội dung vụ việc. Để tư vấn cho các bên cách giải quyết tranh chấp phù hợp với quyền và lợi ích của các bên tranh chấp và đảm bảo đúng quy định pháp luật, hòa giải viên cần vận dụng tốt các kỹ năng tiếp cận đối tượng để nắm bắt thông tin về vụ, việc hòa giải và nhu cầu của các bên; xem xét, xác minh vụ, việc; tìm mâu thuẫn, xung đột lợi ích cốt lõi, nguyên nhân chủ yếu; kỹ năng tra cứu pháp luật, tài liệu tham khảo, vận dụng pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được và nghiên cứu các quy định của pháp luật, các phong tục, tập quán tốt đẹp liên quan đến vụ việc, hòa giải viên nên dự kiến trước các phương án tư vấn cho các bên tranh chấp đảm bảo được quyền và lợi ích cho hai bên, phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế của các phương án để đưa ra, gợi ý phương án tư vấn phù hợp nhất cho các bên.

Tại buổi hòa giải, hòa giải viên chỉ gợi ý giải pháp khi các bên tranh chấp không đưa ra được phương án giải quyết hoặc phương án do các bên đưa ra không đúng pháp luật, khó khả thi trên thực tế. Đồng thời, hòa giải viên phải phân tích rõ quyền và nghĩa vụ của các bên trong vụ việc, hành vi nào các bên được làm và những hành vi nào pháp luật cấm; phân tích những hành vi nào phù hợp với pháp luật, với đạo đức xã hội và hành vi nào trái pháp luật, trái với đạo đức xã hội, nêu rõ hậu quả pháp lý mà các bên phải gánh chịu nếu tiếp tục tranh chấp và đưa ra định hướng giải quyết tranh chấp để các bên xem xét, thảo luận, tự lựa chọn và quyết định.

Tuy nhiên làm sao để truyền đạt được đầy đủ ý nghĩa, ưu điểm của giải pháp, hướng dẫn, giải thích rõ ràng, chi tiết cho các bên về phương án giải quyết vụ việc đòi hỏi hòa giải viên phải nghiên cứu về cách trình bày các giải pháp trước hai bên sao cho rõ ràng, trung thực, thuyết phục đảm bảo căn cứ pháp lý rõ ràng, đầy đủ lý lẽ, đề xuất và chứng tỏ được ý kiến nhận định, đánh giá của

mình là xác đáng. Đồng thời, hòa giải viên phải vận dụng tốt kỹ năng thuyết phục, vận động các bên.

Thuyết phục các bên tự nguyện thoả thuận, giải quyết tranh chấp là “dân vận khéo”, đòi hỏi hoà giải viên phải nắm vững kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực tranh chấp, có kỹ năng hoà giải, có uy tín, phẩm chất đạo đức, kinh nghiệm sống, biết vận dụng pháp luật và đạo đức xã hội để thuyết phục các bên đi đến thoả thuận giải quyết tranh chấp. Thuyết phục các bên tự nguyện giải quyết tranh chấp phải được hoà giải viên thực hiện trong suốt quá trình hoà giải. Về thực chất, thuyết phục là việc hoà giải viên đưa ra lý lẽ, lời khuyên về cách ứng xử (nên làm gì và không nên làm gì) để các bên chấp nhận, đồng ý những lời khuyên của hoà giải viên, tự lựa chọn phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp một cách tốt nhất.

Trong quá trình hoà giải, hoà giải viên cần phải luôn kết hợp cả tình và lý để phân tích, giải thích, thuyết phục các bên tranh chấp hoà giải với nhau. Muốn thuyết phục các bên tranh chấp thương lượng thành công, đạt được thoả thuận, hoà giải viên cần lưu ý một số điểm sau:

- Hoà giải viên phải giữ vai trò trung gian, vô tư, khách quan, công bằng, không áp đặt khi tiến hành hoà giải; điều hành việc hoà giải linh hoạt, mềm dẻo; sử dụng ngôn ngữ dễ nghe, dễ hiểu, kết hợp hài hoà giữa ngôn ngữ pháp lý và ngôn ngữ đời thường; sử dụng linh hoạt nhiều loại câu hỏi để tháo gỡ hiệu quả mâu thuẫn, tranh chấp giữa các đương sự như: câu hỏi đánh giá; câu hỏi mở; câu hỏi đóng; câu hỏi gợi ý; câu hỏi yêu cầu; câu hỏi tác động suy nghĩ;...; kết hợp việc sử dụng lời nói với các tài liệu, chứng cứ có liên quan để thuyết phục các bên.

- Luôn thông cảm và tôn trọng đối tượng: Khi phân tích, giải thích cho các bên biết hành vi của họ là đúng hay sai, hoà giải viên cần phải xây dựng không khí gần gũi và tin tưởng, cảm thông và tôn trọng đối tượng, luôn có thái độ ân cần, chia sẻ, nhiệt tình, cần phải làm cho không khí nói chuyện được vui vẻ, chan hòa. Như vậy, đối tượng sẽ lắng nghe ý kiến thuyết phục của hoà giải viên. Khi thuyết phục đối tượng mà nói được những suy nghĩ, trăn trở của họ, dễ đạt được kết quả mong muốn. Muốn thế mọi lý lẽ, thuyết phục của hoà giải viên phải xuất phát từ lập trường của các bên tranh chấp mà suy nghĩ và đặt vấn đề, đưa ra giải pháp tối ưu cho các bên tranh chấp, hợp tình, hợp lý.

- Khởi gợi cho các bên tranh chấp những tình cảm tốt đẹp vốn có giữa họ (tình cảm gia đình, tình cảm hàng xóm, tình cảm bạn bè...) để họ dễ thông cảm

cho nhau.

- Đưa ra những chứng cứ, ví dụ cụ thể: Điều thuyết phục đối tượng tốt nhất là hòa giải viên cần đưa ra được những ví dụ, những chứng cứ minh họa cụ thể cho phân tích, lập luận của mình.

- Cần mềm mỏng, kiên trì thuyết phục, không nên nôn nóng: hòa giải viên cần phải suy nghĩ chín chắn, cân nhắc ngôn từ, nói cái gì trước, cái gì sau, điều gì không nên nói. Ngoài ra, cần phải bình tĩnh, kiên trì giải quyết từng bước, nhất là đối với những người có thái độ ngoan cố.

6. Kỹ năng ghi chép biên bản, sổ theo dõi hoạt động hòa giải, lập văn bản hòa giải thành, văn bản hòa giải không thành

6.1. Kỹ năng ghi chép của hòa giải viên

Để giúp hòa giải viên hệ thống được sự việc một cách khoa học, logic, hòa giải viên cần phải ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan đến vụ việc, bao gồm:

- Nội dung cuộc gặp gỡ, tiếp xúc với từng bên tranh chấp;
- Nội dung trao đổi giữa hòa giải viên với những cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Ý kiến tư vấn của những người được mời tham gia hòa giải;
- Diễn biến buổi hòa giải.

Trong quá trình ghi chép, hòa giải viên cần lưu ý:

- Ghi chép trung thực, đầy đủ, chính xác và chi tiết các nội dung, tình tiết sự việc, ý kiến và số liệu.
- Sắp xếp thông tin một cách có tổ chức
- Chú ý vào các vấn đề trọng tâm của vụ việc.
- Không nên quá chú ý đến các lỗi chính tả và ngữ pháp.
- Có thể để để lại một số khoảng trống trong sổ ghi chép để bổ sung thêm thông tin cần làm rõ.
- Có thể viết tắt, sử dụng các biểu tượng, bảng biểu, sơ đồ, hình ảnh minh họa, đánh số, gạch chân cho những ý chính, ý trọng tâm cho dễ hiểu, dễ nhớ.
- Khi chưa hiểu rõ ý có thể đặt câu hỏi để làm rõ thông tin, bảo đảm nội dung ghi chép chính xác, trung thực.

- Nếu được người đối thoại cho phép, hòa giải viên có thể ghi âm lại những lời nói do các bên trình bày.

6.2. Kỹ năng ghi Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên có trách nhiệm ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Để hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ này, ngày 21/4/2014, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành mẫu Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở tại Quyết định số 889/QĐ-BTP. Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở có ký hiệu: TP/HG-2014-TDHD và được sử dụng thống nhất trên khổ giấy 210 x 297 mm.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi Sổ của hòa giải viên, mẫu Sổ được thiết kế theo dạng bảng và gồm 11 cột như sau:

- Cột 1: Số thứ tự của vụ, việc hòa giải đã thực hiện trong năm.
- Cột 2: Ngày, tháng năm nhận vụ, việc hòa giải.
- Cột 3: Ngày, tháng năm thực hiện hòa giải.
- Cột 4: Họ và tên, tuổi, địa chỉ các bên, người có liên quan đến vụ, việc hòa giải (nếu có).
- Cột 5: Họ và tên hòa giải viên, người chứng kiến việc hòa giải, người được mời tham gia hòa giải (nếu có).
- Cột 6: Nội dung chủ yếu của vụ, việc và yêu cầu của các bên.
- Cột 7: Thỏa thuận của các bên (hoặc yêu cầu của mỗi bên) sau khi hòa giải.
- Cột 8, 9: Kết quả hòa giải.
- Cột 10: Chữ ký của hòa giải viên; người chứng kiến việc hòa giải; người được mời tham gia hòa giải (nếu có).
- Cột 10: Ghi chú.

Việc ghi Sổ được thực hiện như sau:

- Hòa giải viên ghi các thông tin về vụ, việc đã thực hiện hòa giải liên tiếp theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống. Nội dung ghi phải chính xác, chữ viết phải rõ ràng. Nếu có sai sót khi ghi chép, thì người ghi chép trực tiếp gạch bỏ phần sai sót, ghi chép lại. Cụ thể như sau:

+ Cột 1: Thứ tự các vụ, việc được ghi chép theo năm tính từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12; bắt đầu từ số 01 và ghi liên tục đến hết

năm. Trong trường hợp chưa hết năm mà sử dụng sang sổ khác, thì hòa giải viên phải lấy tiếp số thứ tự cuối cùng của sổ trước, không được ghi từ số 01. Đối với sổ được sử dụng tiếp cho năm sau, thì hòa giải viên ghi vụ, việc hòa giải đầu tiên của năm sau tại trang mới và bắt đầu từ số 01.

+ Cột 6: Ghi tóm tắt mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật đã được hòa giải; nguyên nhân của mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật; yêu cầu của các bên...

+ Cột 7: Ghi thỏa thuận của các bên trong trường hợp các bên đạt được thỏa thuận; hoặc ghi yêu cầu của mỗi bên trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận.

+ Cột (8, 9): Đánh dấu (x) vào ô tương ứng với kết quả hòa giải.

- Việc giữ gìn, bảo quản, lưu trữ Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở thuộc trách nhiệm của tổ trưởng tổ hòa giải. Sổ theo dõi không được để nhòe hoặc rách nát. Khi thôi giữ nhiệm vụ, tổ trưởng tổ hòa giải phải bàn giao Sổ cho người kế nhiệm. Khi hết năm theo dõi, tổ trưởng tổ hòa giải có trách nhiệm thống kê tổng số vụ, việc đã thực hiện hòa giải; tổng số vụ, việc đã hòa giải thành và hòa giải không thành; ký, ghi rõ họ tên và xin chữ ký, đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

6.3. Lập văn bản hòa giải thành, văn bản hòa giải không thành

a) Văn bản hòa giải thành

Trong trường hợp các bên thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành, hòa giải viên giúp các bên lập văn bản này gồm các nội dung chính sau đây:

+ Căn cứ tiến hành hòa giải: Nêu rõ việc hòa giải được thực hiện trong trường hợp nào (Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải; hoặc hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải; hoặc theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan).

+ Thông tin cơ bản về các bên: Họ và tên, tuổi, địa chỉ các bên, người có liên quan đến vụ, việc hòa giải (nếu có).

+ Nội dung chủ yếu của vụ, việc: Ghi tóm tắt mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật đã được hòa giải; nguyên nhân của mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật.

+ Diễn biến của quá trình hòa giải: Ghi tóm tắt quá trình tổ chức hòa giải vụ việc (tổ chức gặp gỡ từng bên, tổ chức buổi hòa giải giữa các bên - thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung: ý kiến hòa giải viên, ý kiến từng bên).

+ Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện, quyền và nghĩa vụ của các bên: Ghi rõ giải pháp hai bên thống nhất để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp. Trong đó, nêu rõ để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, hai bên đã thống nhất quyền và nghĩa vụ của từng bên như thế nào.

+ Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận: Nêu cách thức, phương pháp và thời hạn thực hiện thỏa thuận.

b) Văn bản hòa giải không thành

Trường hợp các bên yêu cầu lập văn bản hòa giải không thành, thì hòa giải viên lập văn bản hòa giải không thành.

PHẦN TÌNH HUỐNG: LĨNH VỰC PHÁP LUẬT VỀ DÂN SỰ

Tình huống 1: Bà Dung có cắt rau bán 02 lần cho vợ chồng chị Phương với giá 1.400.000 đồng (mỗi lần bán 700.000 đồng). Đến kỳ thanh toán, chị Phương đến than khổ và mượn thêm 600.000 đồng cho tròn 2.000.000 đồng. Chị Phương hứa đúng nửa tháng sau sẽ trả cho bà Dung nhưng đến hạn chị Phương không trả. Bà Dung đòi tiền chị Phương nhiều lần thì chị Phương trả 400.000 đồng, sau đó thì không trả nữa. Vì vậy, bà Dung gửi đơn đến tổ trưởng tổ hòa giải áp đề nghị hòa giải.

Quá trình hòa giải

Ngay sau khi nhận được đơn của bà Dung, tổ trưởng tổ hòa giải tổ chức họp tổ hòa giải để trao đổi, thảo luận các vấn đề có liên quan trước khi tiến hành hòa giải. Tổ hòa giải xác định nguyên nhân tranh chấp giữa bà Dung và chị Phương là do chị Phương nợ tiền của bà Dung, đến hạn trả nợ, bà Dung đòi nhiều lần nhưng chị Phương không trả đủ tiền cho bà Dung. Căn cứ pháp lý để hòa giải tranh chấp này được quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể tại Điều 440 quy định nghĩa vụ của người mua tài sản là thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng và tại Điều 466 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Tổ trưởng tổ hòa giải đã đến gặp chị Phương và phân tích cho chị hiểu, theo quy định của pháp luật, chị phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền vay và đúng thời hạn số tiền còn nợ cho bà Dung; đồng thời phân tích cho chị Phương thấy được tình cảm của bà Dung dành cho chị. Dù gia cảnh của bà Dung rất khó khăn, phải vất vả buôn rau bán kiếm tiền trang trải cuộc sống nhưng vì thương cho hoàn cảnh khó khăn của chị nên bà cho nợ tiền rau và còn cho chị vay tiền không lấy lãi. Vì vậy, chị nên trân quý tình cảm đó và thu xếp sớm trả đủ tiền cho bà Dung.

Sau khi được tổ trưởng tổ hòa giải phân tích về mặt pháp lý cũng như tình cảm xóm giềng, chị Ph trình bày: chị cũng hiểu nỗi vất vả và tình cảm của bà Dung dành cho mình nhưng vì gia đình đang gặp khó khăn nên chị chưa thể xoay sở trả nợ hết cho bà Dung được.

Tổ trưởng tổ hòa giải vận động chị Phương đến gặp bà Dung và trình bày rõ hoàn cảnh của mình để mong bà Dung thông cảm, đồng thời khuyên chị Phương cố gắng trả thêm một phần tiền cho bà Dung. Được sự vận động của tổ trưởng tổ hòa giải, chị Ph đã đến gặp bà Dung để xin lỗi, cảm ơn tấm lòng của bà Dung dành cho mình trong lúc gặp khó khăn và trả thêm cho bà Dung số tiền 700.000 đồng.

Tổ trưởng tổ hòa giải cũng trực tiếp đến gặp bà Dung và cho bà biết hoàn cảnh hết sức khó khăn hiện nay chị Phương. Trên tinh thần của tình đoàn kết tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều, tổ hòa giải

đề nghị bà Dung thông cảm, có thể gia hạn thêm cho chị Phương một khoảng thời gian nữa để chị thu xếp trả nợ cho bà.

Kết quả hòa giải

Tại buổi hòa giải, sau khi lắng nghe tổ hòa giải phân tích và đề xuất hướng giải quyết, bà Dung đã đồng ý cho chị Phương mỗi tuần trả 200.000 đồng, thời gian trả là vào sáng ngày chủ nhật hàng tuần và trả liên tục cho đến khi hết nợ. Qua theo dõi việc thực hiện kết quả hòa giải thành đến nay cho thấy, chị Phương đã thực hiện đúng cam kết và đã trả hết nợ cho bà Dung.

Tình huống 2: Ông Văn, bà Nguyễn và bà Chi là anh chị em ruột. Sau khi cha mẹ ông bà qua đời có để lại phần đất diện tích là 5.670 m² nhưng không có di chúc. Phần diện tích đất này được ông Văn quản lý và xây nhà ở. Gia đình bà Nguyễn và bà Chi ở phía sau nhà ông Văn, muốn đi ra đường thì phải đi qua đất nhà ông Văn, lối đi này đã có từ lúc cha mẹ của ông bà còn sống. Tuy nhiên, hiện lối đi đã bị gia đình ông Văn thu hẹp lại gây khó khăn cho việc đi lại của 02 gia đình. Bà Nguyễn và bà Chi nhiều lần nói với ông Văn mở lại lối đi như cũ nhưng ông Văn không đồng ý. Ông Văn cho rằng đất của ông thì ông có toàn quyền quyết định.

Vì vậy, bà Nguyễn và bà Chi làm đơn đề nghị tổ hòa giải áp tiến hành hòa giải để 02 gia đình có lối đi ra đường chính thuận tiện nhất.

Quá trình hòa giải

Tiếp nhận vụ việc, hòa giải viên được phân công hòa giải đã đến gặp bà Nguyễn và bà Chi để tìm hiểu rõ sự việc trước khi tiến hành hòa giải thì được biết, phần đất hiện nay ông Văn cất nhà ở là di sản của cha mẹ ông để lại nhưng không có di chúc. Bà Nguyễn và bà Chi cũng là con nhưng không đòi chia phần. Hai bà không có ý kiến gì đòi chia thừa kế và chỉ yêu cầu ông Văn trả lại nguyên trạng lối đi lúc ban đầu để cho 02 gia đình thuận tiện trong việc đi lại.

Sau khi tìm hiểu rõ bản chất sự việc, nhận thấy đây là tranh chấp về lối đi qua bất động sản liền kề, hòa giải viên đến gặp ông Văn, giải thích cho ông hiểu quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể, Điều luật này quy định: “Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ”. Như vậy, theo quy định này, ông Văn có nghĩa vụ dành cho gia đình bà Nguyễn và bà Chi lối đi được mở trên đất của ông sao cho thuận tiện và hợp lý nhất.

Mặt khác, hòa giải viên cũng áp tin cho ông Văn biết về quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thừa kế theo pháp luật. Cụ thể, khoản 1, 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.”

Cha mẹ ông chết để lại thừa kế là quyền sử dụng đất với tổng diện tích 5.670 m² nhưng không có di chúc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015, di sản sẽ được chia theo pháp luật. Cả 03 người con (ông Văn, bà Nguyễn, bà Chi) đều được hưởng phần di sản bằng nhau. Tuy nhiên, 02 em gái của ông Văn là bà Nguyễn và bà Chi đều không đề nghị chia di sản của cha mẹ mà nhường toàn bộ 5.670 m² đất cho ông thì ông cũng nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của gia đình các em mình.

Vào lúc 08 giờ ngày 22/10/2019, tại nhà ông Văn, tổ hòa giải áp đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên. Tại buổi hòa giải, một lần nữa, hòa giải viên đã phân tích các quy định của Bộ luật dân sự về thừa kế và quyền về lối đi qua; đồng thời, khơi gợi tình cảm anh em ruột thịt “như thể tay chân” giữa 03 anh em để ông Văn nhận thấy được tình cảm thương yêu của 02 người em gái dành cho mình mà có hành động, cách cư xử phù hợp.

Kết quả hòa giải

Nghe hòa giải viên phân tích có lý, có tình, ông Văn đồng ý mở lại lối đi theo hiện trạng ban đầu. Để bảo đảm cho việc sử dụng lối đi này được ổn định, lâu dài, tránh tranh chấp cho các thế hệ sau này, tổ hòa giải hướng dẫn ba ông bà làm bản cam kết, trong đó ông Văn đồng ý dành 157m² đất làm lối đi chung cho gia đình bà Nguyễn, bà Chi.

Ngay sau buổi hòa giải, 03 người đã tiến hành làm thủ tục sang tên quyền sử dụng hơn 5.670 m² đất cho ông Văn, tiến hành cắm cọc phân ranh giới giữa lối đi và diện tích đất ông Văn sử dụng, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân xã xác nhận thỏa thuận về lối đi chung giữa các hộ gia đình.

Tình huống 3: Ông Tùng và ông Bình có đất giáp ranh với nhau. Hai ông cùng trồng dừa sát ranh đất, có cây của ông Tùng ngã qua bên đất ông Bình, cũng có cây của ông Bình ngã qua bên đất ông Tùng. Tuy nhiên, có một cây dừa của ông Bình ngã về hướng nhà ông Tùng. Đang vào mùa mưa bão, ông Tùng sợ dừa đổ đập vào nhà mình nên đến gặp ông Bình đề nghị ông Bình đốn cây dừa trên nhưng ông Bình không đồng ý. Hai bên xảy ra tranh cãi, không ai nhìn mặt ai.

Quá trình hòa giải

Sau khi tiếp nhận yêu cầu của ông Tùng, tổ hòa giải áp đã họp và xác định đây là mâu thuẫn thuộc lĩnh vực dân sự, cụ thể liên quan đến cây trồng trên đất có nguy cơ đổ ngã qua đất người khác gây nguy hiểm. Tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên Hòa đến gặp gỡ, tiếp xúc với cả hai bên gia đình để tìm hiểu kỹ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Qua gặp gỡ, tiếp xúc hai bên gia đình, hòa giải viên Hòa tóm tắt nguyên nhân mâu thuẫn như sau: Đất của ông Tùng và ông Bình đều trồng dứa, đang mùa thu hoạch. Dừa của ông Bình ngã qua đất ông Tùng và dứa của ông Tùng cũng có cây ngã qua đất ông Bình. Một cây dứa của ông Bình trồng ngã về hướng nhà ông Tùng là có thật. Ông Bình biết dừa của mình ngã qua hướng nhà ông Tùng là rất nguy hiểm. Ông Bình cũng có ý định đốn cây dừa đó nhưng giá dừa trái đang tăng nên chưa đốn. Khi sang yêu cầu ông Bình đốn dừa, ông Tùng dùng lời lẽ khó nghe, mang tính bắt buộc và nói “nếu ông Bình không đốn dừa thì thưa ra áp, xã”. Ông Bình giận vì dừa của ông Tùng cũng ngã qua đất của ông, ông chưa từng bắt đốn bỏ cây nào nên không đồng ý đốn cây dừa ngã qua hướng nhà ông Tùng.

Sau khi nghe hòa giải viên Hòa báo cáo sự việc, tổ trưởng tổ hòa giải đã triệu tập các hòa giải viên và mời gia đình ông Tùng, ông Bình đến nhà ông Minh (hàng xóm với ông Tùng, ông Bình) để tiến hành hòa giải.

Tại buổi hòa giải, qua nghe ý kiến trình bày của hai bên, tổ trưởng tổ hòa giải đã phân tích để ông Bình hiểu rằng ông không thể vì lợi ích kinh tế của bản thân mà gây nguy hiểm cho người khác (vì tiếc dừa trái lên giá mà chưa đốn cây dừa ngã qua hướng nhà ông Tùng). Thời tiết đang vào mùa mưa bão, nếu chẳng may có gió lớn, cây dừa đổ làm sập nhà ông Tùng, gây thương tích cho người trong nhà thì hậu quả không lường, thiệt hại còn lớn hơn rất nhiều thu nhập từ cây dừa đó mang lại. Hơn nữa, Điều 177 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp cây cối,... có nguy cơ sập đổ xuống bất động sản liền kề và xung quanh thì chủ sở hữu tài sản thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, chặt cây,... theo yêu cầu của chủ sở hữu bất động sản liền kề và xung quanh...; nếu không tự nguyện thực hiện thì chủ sở hữu bất động sản liền kề và xung quanh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho chặt cây,... Chi phí chặt cây,... do chủ sở hữu cây cối,... chịu.

2. ...

3. Trường hợp gây thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản liền kề và xung quanh... thì chủ sở hữu cây cối, công trình phải bồi thường.”

Đối với ông Tùng, khi yêu cầu ông Bình đốn dừa nên dùng lời lẽ lịch sự, hòa nhã; không nên có thái độ khiêu khích vì thực tế một số cây dứa của ông cũng ngã qua đất ông Bình. Ông Bình cũng có quyền yêu cầu ông phải chặt cây, tỉa lá.

Ông Tùng có ý kiến thêm: “Tôi cũng không muốn điều tiếng xấu xảy ra, vì từ trước đến nay giữa hai gia đình chúng tôi không có vấn đề gì. Hiện nay, chỉ vì ông Bình có cây dừa ngã về phía nhà tôi gây nguy hiểm, nên tôi đề nghị ông Bình đốn, chặt cây để bảo đảm an toàn”.

Tổ trưởng tổ hòa giải đề nghị hai bên nên vì tình làng nghĩa xóm, “họ hàng xa không bằng láng giềng gần” mà có cách xử phù hợp. Ông Bình nên đốn, chặt cây dừa ngã về phía nhà ông Tùng, các cây dừa khác của hai bên ngã qua, ngã lại thì có thể giữ nguyên nhưng cần có biện pháp bảo đảm an toàn, như làm cọc chống, tránh cây đổ bất ngờ gây tai nạn. Ông Tùng nên xin lỗi ông Bình vì lời lẽ khó nghe lúc trước.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe các thành viên tổ hòa giải động viên, phân tích, ông Tùng đã xin lỗi ông Bình vì đã có lời nói không phải. Ông Bình đồng ý đốn, chặt cây dừa ngã về hướng nhà ông Tùng. Hai bên thống nhất giữ nguyên các cây dừa còn lại, cùng bắt tay nhau làm cọc chống, giữ cho cây không bị đổ.

Tình huống 4: Gia đình bà Quỳnh kinh doanh buôn bán đồ điện gia dụng. Từ ngày 25/01/2018, vợ chồng ông Quách, cư ngụ cùng ấp, đến liên hệ mua bồn chứa nước, máy hàn, bóng đèn, nồi cơm điện cho tàu đánh bắt thủy sản, hình thức trả tiền: trả dần sau mỗi chuyến đi biển về. Tính đến ngày 28/02/2019, vợ chồng ông Quách còn nợ bà Quỳnh số tiền hơn 30 triệu đồng. Bà Quỳnh nhiều lần đến nhà ông Quách đòi số tiền này nhưng vợ chồng ông Quách cứ hứa hẹn mà không trả. Bà Quỳnh làm đơn đề nghị tổ hòa giải áp giải quyết.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được đơn của bà Quỳnh, tổ trưởng tổ hòa giải ấp - bà Minh trực tiếp tìm hiểu nội dung vụ việc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, lợi ích mà mỗi bên hướng tới. Để nắm được các áp tin này, bà Minh gặp gỡ, trao đổi với vợ chồng bà Quỳnh và vợ chồng ông Quách tại nhà riêng của mỗi bên. Ngoài ra, bà Minh cũng đề nghị bà Quỳnh cung cấp hóa đơn mua bán và giấy ghi nhận các lần trả tiền và xem xét cụ thể nội dung từng hóa đơn này.

Tiếp theo, bà Minh tìm hiểu các quy định pháp luật có liên quan và tham khảo ý kiến của công chức Tư pháp - hộ tịch xã để tìm ra các quy định pháp luật thích hợp áp dụng cho giải quyết vụ việc này. Sau đó, bà Minh đã tổ chức buổi họp tổ hòa giải để cùng trao đổi, thảo luận về các quy định pháp luật áp dụng trong vụ việc này.

Ngày 28/6/2019, bà Minh đã mời các bên tranh chấp đến trụ sở ấp để tiến hành hòa giải. Thành phần tham dự buổi hòa giải gồm 03 hòa giải viên trong tổ hòa giải (bà Minh chủ trì buổi hòa giải); vợ chồng bà Quỳnh và vợ chồng ông Quách.

Bà Quỳnh trình bày, do rất thông cảm với vợ chồng ông Quách, nên bà đã bán thiếu cho nhiều đồ điện phục vụ chuyển đi đánh bắt hải sản của gia đình ông Quách, tổng giá trị hàng hóa là gần 40 triệu đồng, vợ chồng ông Quách mới trả 2 lần (lần đầu khi mua hàng là hơn 5 triệu đồng, lần thứ 2 là 3 triệu), đến nay vẫn còn nợ hơn 30 triệu đồng. Bà Quỳnh đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng Quách cứ khất lần mãi không chịu trả.

Ông Quách trình bày, mặc dù hai bên thỏa thuận mua bán đồ điện như vậy nhưng chất lượng hàng hóa rất kém, một số thứ hỏng hóc ngay lần đầu sử dụng, ông Quách đã đề nghị bà Quỳnh bảo hành, đổi hàng mới cho nhưng bà Quỳnh không chịu, vì vậy ông dừng lại không trả tiền nữa.

Sau khi nghe hòa giải viên phân tích về quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 về hợp đồng mua bán tài sản. Điều 430 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*.

Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền như sau: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”...

Đồng thời, phân tích lý lẽ cho các bên hiểu, xuất phát từ sự tình cảm xóm giềng bà Quỳnh mới bán thiếu cho ông Quách. Tuy nhiên bà Quỳnh cũng phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng bán ra.

Kết quả hòa giải

Trên cơ sở phân tích của hòa giải viên, vợ chồng bà Quỳnh và vợ chồng ông Quách thống nhất thỏa thuận: *“Vợ chồng bà Quỳnh giảm cho vợ chồng ông Quách 10.000.000 đồng (do tài sản bị hư hỏng), số tiền còn lại hơn 20 triệu đồng sẽ trả đến ngày 28/12/2019”*. Các bên và bà Minh cùng ký vào biên bản hòa giải thành. Bên cạnh đó, bà Minh cũng giải thích trách nhiệm thực hiện thỏa thuận hòa giải thành cho các bên, hướng dẫn các bên có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở, giải thích giá trị pháp lý quyết định của Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

Tình huống 5: Bà An sống một mình, không có chồng con. Bà An có quyền sử dụng một mảnh đất, do không có nhu cầu sử dụng nên bà cho người cháu họ là anh Bình mượn để dựng quán bán hàng. Tháng 5/2019, bà An bị tai nạn mất đột ngột, không để lại di chúc. Tháng 10/2019, bà Chi là em gái của bà An đang sinh sống tại nơi khác trở về đòi anh B trả lại đất

cho bà vì bà cho rằng mình mới là người thừa kế hợp pháp mảnh đất này. Anh Bình không đồng ý với lý do bà An đã cho anh mượn đất làm ăn, nay bà An chết đi, cũng không có chồng con gì nên bà Chi không có quyền đòi đất. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp.

Quá trình hòa giải

Sau khi tiếp nhận vụ việc, tổ hòa giải đã tiến hành gặp gỡ, lắng nghe ý kiến của các bên, đồng thời xác minh các tình tiết có liên quan để tiến hành hòa giải. Qua xác minh, tổ hòa giải nhận thấy: Bố mẹ bà An chỉ sinh được hai người con là bà An và bà Chi và nay bố mẹ bà An cũng đã mất.

Tại buổi hòa giải diễn ra tại ấp, tổ hòa giải đã phân tích các quy định của Bộ luật Dân sự cho các bên, theo Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015, thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp người chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà An không còn ai, hàng thừa kế thứ hai của bà An chỉ còn bà Chi, do đó bà Chi chính là người thừa kế theo pháp luật của bà An. Do vậy, việc bà Chi trở về đòi quyền thừa kế mảnh đất thuộc sở hữu của bà An là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Do đó anh Bình không nên cản trở bà Chi thực hiện quyền thừa kế của mình. Đối với bà Chi, tổ hòa giải phân tích thêm hiện nay anh Bình đang kinh doanh có hiệu quả trên mảnh đất đó, nếu anh Bình có nguyện vọng thì bà nên xem xét việc tiếp tục tạo điều kiện để anh Chi thuê lại mảnh đất đó. Trường hợp các bên không thống nhất được việc cho thuê mảnh đất thì bà Chi vẫn là người thừa kế hợp pháp và được quyết định các vấn đề liên quan đến mảnh đất đó.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe tổ hòa giải giải thích các quy định của pháp luật trực tiếp điều chỉnh vụ việc của mình, anh Bình và bà Chi đã thống nhất được với nhau về việc sau khi hoàn thiện xong thủ tục nhận thừa kế, bà Chi sẽ cho anh Bình tiếp tục thuê mảnh đất đó để kinh doanh. Các bên không còn mâu thuẫn, tranh chấp.

Tổ hòa giải tiến hành lập Biên bản hòa giải thành và hướng dẫn các bên thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Tình huống 6: Nhà bà Minh và nhà bà Ngọc là nhà trên, nhà dưới cách nhau bờ rào cây râm bụt. Sáng ngày 01/10/2019, bà Ngọc chặt cây chuối lên mái bếp nhà bà Minh làm vỡ đi 3 viên ngói Prô xi măng. Gia đình bà Minh yêu cầu bà Ngọc phải mua ngói về lợp lại và mời thầy cúng đến để “quét nhà” theo phong tục của dân tộc vì việc vỡ mái nhà là xui xẻo không may mắn nhưng bà Ngọc chỉ đồng ý mua ngói về lợp lại, còn việc mời thầy cúng bà không nhất trí. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại gây mất đoàn kết làng xóm.

Quá trình hòa giải

Hòa giải lần 01: Sau khi nhận được phản ánh của bà Minh, ngày 05/10/2019, tổ hòa giải ấp tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên gia đình, phân tích, giải thích, hướng dẫn về tình cảm anh em, làng xóm tối lửa tắt đèn có nhau, “chín bỏ làm mười”, bỏ qua những ích kỷ cá nhân để giúp đỡ nhau. Việc

mời thầy cúng về “quét nhà” là hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan không phù hợp, cần xóa bỏ và dựa trên cơ sở Hương ước của ấp, vận động hai bên gia đình thống nhất thỏa thuận với nhau theo chiều hướng tốt đẹp nhất. Tuy nhiên, gia đình bà Minh không đồng ý chỉ để gia đình bà Ngọc mua ngói lợp lại gian bếp, mà phải có thầy cúng “quét nhà” mới an tâm.

Hòa giải lần 02: Sau khi tiến hành hòa giải lần 01 không thành, tổ hòa giải đã xin ý kiến của đồng chí Bí thư Chi bộ ấp về hướng giải quyết vụ việc. Được sự góp ý của Bí thư Chi bộ, tổ hòa giải đã tiến hành xác minh, tìm hiểu nguyên do sâu xa của sự việc. Được biết, ngay sau khi cây đổ xuống mái bếp nhà bà Minh, bà Ngọc cùng chồng đã không kịp thời dọn dẹp, khắc phục đổ vỡ ngói bếp mà còn có nhiều lời nói thiếu tôn trọng, thách thức bà Minh đi khiếu kiện để đòi bồi thường.

Nắm được lý do đó, tổ hòa giải của ấp đã giao cho các thành viên của tổ gặp gỡ đôi bên để vận động từng bên thấy được cái đúng, cái chưa đúng với quy định trong Hương ước của ấp mà bấy lâu nay hơn 100 hộ dân trong ấp đều tuân thủ chấp hành, tôn trọng và động viên con cháu cùng thực hiện.

Ngày 15/10/2019, tổ trưởng tổ hòa giải mời vợ chồng bà Ngọc và vợ chồng bà Minh đến ấp để tiến hành hòa giải lần 2. Tổ trưởng tổ hòa giải mời thêm ông Chinh là người uy tín trong ấp, đồng thời cũng là anh họ của chồng bà Minh; bà Hoa là Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ của ấp cùng dự. Trên cơ sở nắm rõ được nguyên nhân sâu xa, qua ý kiến phân tích giải thích cũng như tác động từ trước của các thành viên tổ hòa giải, vợ chồng bà Ngọc đã đứng ra xin lỗi vì những câu nói quá lời, xúc phạm của mình đến gia đình bà Minh, đồng thời cũng xin tự nguyện mua vật liệu về lợp lại mái bếp nhà bà Minh. Với thiện chí của nhà bà Ngọc cùng với ý kiến của ông Chinh và bà Hoa, bà Minh cùng chồng cũng nói rõ vì ám ức câu thách thức của chồng bà Ngọc nên mới đưa ra “yêu sách” để làm khó nhà bà Ngọc.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe hết các ý kiến của mọi người tham dự buổi hòa giải, nhận ra những “yêu sách” của bà Minh là không hợp lý, hai bên gia đình thống nhất thỏa thuận như sau: gia đình bà Ngọc trả cho gia đình bà Minh số tiền 1.000.000 đồng chi phí mua vật liệu và công sức lợp lại mái bếp, góp công cùng gia đình bà Minh thay mới lại toàn bộ ngói bếp vì đã lợp từ lâu; còn việc mời thầy về “quét nhà” là mê tín, dị đoan nên không thực hiện nữa.

Tình huống 7: Vào khoảng 7 giờ sáng, ông Ninh dắt trâu ra đồng thả cho ăn cỏ. Tuy nhiên, do tối hôm trước đi làm thêm đến gần 3 giờ sáng mới về đến nhà, nên ngồi tựa gốc cây trông trâu được một lúc thì ông Ninh ngủ thiếp đi lúc nào không hay biết. Gần một tiếng sau, ông Chí đi phát bờ ruộng thì bắt gặp 05 con trâu đang ăn lúa và giẫm nát lúa ở ruộng của mình. Nhìn quanh thấy ông Ninh đang ngủ gục dưới gốc cây, ông Chí gọi ông Ninh dậy để giải quyết. Ông Chí yêu cầu ông Ninh phải đền toàn bộ

thiệt hại, nhưng ông Ninh không chấp nhận đền bù, vì cho rằng ông không cố ý thả trâu vào ăn lúa nhà ông Chí. Mỗi người một ý, chẳng ai chịu ai, mâu thuẫn giữa hai ông ngày càng gay gắt. Ông Chí gọi điện thoại cho ông Trung – Trưởng ấp, đồng thời là tổ trưởng tổ hòa giải đề nghị giải quyết.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được áp tin, ông Trung đã gọi ông Mỹ – hòa giải viên cùng đến chỗ ruộng bị trâu ăn lúa của nhà ông Chí.

Ông Mỹ đã xem xét và xác định phần lúa bị thiệt hại khoảng 60%, gồm có 4 thửa, gần 2 sào, dự tính sản lượng được khoảng 4 bao thóc vì ruộng.

Sau khi các bên đã có mặt đông đủ, tổ hòa giải bắt đầu tổ chức tiến hành hòa giải ngay tại địa điểm trâu ăn lúa. Ông Trung mời ông Chí có ý kiến trước.

- Ý kiến ông Chí: Tang chúng, vật chúng rõ ràng, lúa đang trổ bông sắp được thu hoạch, tôi yêu cầu ông N phải đền toàn bộ thiệt hại mà trâu nhà ông đã ăn và phá hoại lúa nhà tôi, phải đền cho gia đình tôi 03 bao thóc khô.

- Ý kiến của ông Ninh: Do hôm qua tôi đi làm về muộn hơi mệt và buồn ngủ, ngồi gốc cây tựa lưng thiếp đi lúc nào không hay, nên đã để trâu vào ruộng ăn lúa nhà ông Chí. Khi tỉnh giấc sự việc đã rồi, tôi không chấp nhận đền cho ông Chí vì tôi không cố ý thả, đuổi trâu vào ăn lúa nhà ông.

- Tổ hòa giải phân tích: Sau khi nghe ý kiến hai bên gia đình, có thể hiểu được sự đúng sai của mỗi bên. Việc ông Ninh sơ ý để trâu vào ăn lúa một phần ruộng đang sắp đến kỳ thu hoạch của nhà ông Chí, cho dù là lỗi vô ý nhưng ông Ninh cũng phải đền bù cho gia đình ông Chí. Bởi theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật của mình gây ra cho người khác. Tuy nhiên, việc trâu nhà ông Ninh vào phá ruộng là do ông Ninh vô ý không cẩn thận, chứ không phải chủ động thả trâu vào ăn lúa phá ruộng. Hai người làng trên, làng dưới hoàn cảnh cũng rất khó khăn, vất vả, thiệt hại xảy ra là ngoài ý muốn. Hai gia đình có thể thỏa thuận với nhau về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần do hai bên tự thỏa thuận, để giữ tình làng nghĩa xóm của ấp.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe hòa giải viên phân tích, ông Chí và ông Ninh thống nhất, ông Ninh đền cho ông Chí 03 bao thóc khô, thời gian trả thóc ngay trong ngày. Ngoài ra, ông Ninh đề nghị ông Chí cho mình được quản lý, chăm sóc phần lúa còn lại vì gia đình ông ít ruộng cũng chỉ đủ ăn qua vụ. Ông Chí nhất trí số lúa còn lại ở ruộng bị trâu ăn do ông Ninh quản lý và thu hoạch.

Tình huống 8: Buổi sáng như thường lệ, ông Hải và người em rể lừa thả dê từ chuồng ra bãi cỏ để ăn cỏ. Tuy nhiên, khi dê vừa ra khỏi chuồng đi xuống bãi ăn cỏ thì bị 02 con chó của gia đình ông Vinh và gia đình ông

Mạnh tấn công dẫn đến hậu quả chết 02 con dê (01 con mẹ và 01 con con còn nhỏ). Sau khi cắn con thứ 3, hai ông đuổi theo chó về đến tận nhà ông Vinh. Tại nhà ông Vinh, ông Hải yêu cầu ông Vinh, ông Mạnh bồi thường cho mình nhưng hai ông không đồng ý nên ông Hải mang 02 con dê đã chết đến đề nghị tổ hòa giải giải quyết.

Quá trình hòa giải

Buổi hòa giải diễn ra ngay sau đó tại nhà bà Loan, tổ trưởng tổ hòa giải.

Ông Hải phát biểu ý kiến: Tôi thả dê vừa ra khỏi chuồng đi xuống ăn cỏ thì bị 02 con chó chạy đến tấn công. Tôi và em rể tôi đuổi theo không được và chó đã cắn chết 02 con dê (01 con mẹ và 01 con con còn nhỏ). Sau khi cắn con thứ 3, hai chúng tôi đuổi theo chó về đến tận nhà. Tôi đã đến thưa chuyện và đề nghị ông Mạnh, ông Vinh bồi thường song hai ông không bồi thường cho gia đình tôi. Tôi đề nghị tổ hòa giải can thiệp, bảo đảm công bằng cho gia đình tôi.

Ông Vinh và ông Mạnh đồng ý kiến như sau: Chó gia đình vẫn thả rông từ trước đến nay mà dê cũng đã nuôi được 06 tháng chưa thấy cắn bao giờ.

Ông Vinh nói: “Chó tôi thả rông suốt mà dê nuôi có người trông còn cho cắn thì tôi không bồi thường”.

Ông Hải cho rằng: Chó không được thả rông, nếu không bồi thường thì đập chết chó. 02 con dê của ông mua với giá 150.000 đồng/kg, nay khoảng 20kg.

Sau khi nghe hai bên trình bày, tổ trưởng tổ hòa giải phân tích như sau: Điều 603 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra cho người khác. Người chiếm hữu, sử dụng súc vật phải bồi thường thiệt hại trong thời gian chiếm hữu, sử dụng súc vật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp người thứ ba hoàn toàn có lỗi làm cho súc vật gây thiệt hại cho người khác thì người thứ ba phải bồi thường thiệt hại; nếu người thứ ba và chủ sở hữu cùng có lỗi thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

3. Trường hợp súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật phải bồi thường; khi chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng súc vật có lỗi trong việc để súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

4. Trường hợp súc vật thả rông theo tập quán mà gây thiệt hại thì chủ sở hữu súc vật đó phải bồi thường theo tập quán nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội”.

Trước kia, ông Hải mua dê giống với giá cao là 150.000đ/kg, nhưng giá dê hiện nay trên thị trường là 80.000đ/kg, dê thịt chỉ là 65.000/kg. Vậy, lấy bình quân là 100.000/kg.

Còn trong quy ước chưa có nội dung quy định mức bồi thường do chó cắn

dê, theo tôi trong 20kg dê/2 con này thì 02 hộ có con chó cắn dê chết mỗi hộ đưa cho ông Hải là 700.000 đồng, tổng là 1.400.000 đồng/2 hộ. Chủ nuôi dê chịu thiệt thòi một chút là 600.000 đồng. 02 con dê chết, 03 hộ cùng chia nhau.

Kết quả hòa giải

Qua phân tích như trên, 03 hộ thống nhất và đồng ý theo ý kiến tổ hòa giải. Hai ông Vinh, ông Mạnh đưa luôn tiền mặt cho Hải, mỗi ông 700.000 đồng. Các bên cùng đồng ý ký vào biên bản hòa giải thành.

Tình huống 9: Bà Dung có một căn nhà cất bằng cây tạp, mái lợp tôn và bị xuống cấp, bà Dung không ở trong căn nhà nói trên. Tuy nhiên, sau một thời gian về thăm nhà, bà Dung phát hiện nhà bị dỡ mái, một số cây tạp bị rút đi. Mọi người xung quanh cho biết là ông Tý (hàng xóm) đã dỡ cây, mái tôn về sử dụng Bà Dung yêu cầu ông Tý trả lại nhưng ông nói những thứ đó không còn giá trị sử dụng gì, dỡ ra cũng hỏng, mục hết nên có trả lại cũng không dùng được. Hai bên tranh chấp lời qua tiếng lại.

Bà Dung yêu cầu tổ hòa giải xem xét, giải quyết để ông Tý trả lại hiện trạng căn nhà như cũ cho bà.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được yêu cầu từ bà Dung, tổ hòa giải đã mời các bên đến làm việc để nghe trình bày cụ thể hơn. Bà Dung vẫn trình bày ý kiến như văn bản đã gửi cho tổ hòa giải.

Về phần ông Tý cho biết, ông thấy căn nhà bỏ không, xuống cấp và hư hỏng nặng, ông mới xem cây tạp và miếng tôn nào còn sử dụng được thì lấy về, nhưng trong quá trình tháo dỡ cũng bị mục nát, không dùng được nữa. Nay bà Dung đòi lại, ông Tý cho rằng các thứ đã hỏng không thể trả lại hiện trạng nhà như cũ cho bà được.

Tổ hòa giải xác định đây là mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nhân dân và phân tích cho 02 bên về tình làng nghĩa xóm, quyền và nghĩa vụ của 02 bên. Về lý, ông Tý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được quy định tại Bộ luật dân sự.

Tổ hòa giải cũng phân tích về tình làng nghĩa xóm để bà Dung thấy được ông Tý có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng phục hồi như cũ căn nhà cho bà do các vật dụng đã cũ, hỏng. Bà nên suy xét lại về yêu cầu ông Tý trả lại hiện trạng như cũ cho căn nhà của bà.

Kết quả hòa giải

Nghe hòa giải viên động viên, phân tích, 02 bên thống nhất với kết quả hòa giải thành như sau: Đối với cây tạp và tôn cũ còn sử dụng được ông Tý có trách nhiệm lợp tôn, dựng cây tạp vào chỗ trống của căn nhà. Bà Dung không tiếp tục yêu cầu ông Tý phải phục hồi hiện trạng căn nhà như cũ.

Tình huống 10: Khi cha mẹ mất, hai chị em bà Phương và Nhung thống nhất an táng phần mộ trong đất của bên chồng bà Nhung. Nay bà Phương muốn đưa hài cốt cha mẹ về an táng trong phần đất của bà. Mặc dù đã nhiều lần trao đổi, bàn bạc nhưng bà Nhung vẫn không đồng ý và còn hăm dọa nếu bà Phương đến chuyển hài cốt cha mẹ đi thì gia đình bà Nhung sẽ không để yên.

Để êm ấm gia đình, bà Phương nhờ tổ hòa giải can thiệp, giúp bà chuyển hài cốt của cha mẹ vào dịp ngày Thanh Minh (mùng 1 tháng 3 âm lịch).

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được văn bản yêu cầu, tổ trưởng tổ hòa giải đã cử hòa giải viên Xuân tiến hành xác minh vụ việc. Sau đó, hòa giải viên Xuân mời các bên liên quan đến để tổ chức hòa giải, đồng thời mời công chức Tư pháp - Hộ tịch xã tham gia hòa giải.

Tại buổi hòa giải, bà Phương trình bày: hiện bà chịu trách nhiệm hương khói cho cha mẹ, cúng giỗ hằng năm. Vì vậy, bà mong muốn di dời hài cốt của cha mẹ đang nằm trên phần đất bên chồng bà N về quê nhà cho thuận tiện. Nếu bà Nhung đồng ý cho di dời, Bà Phương sẽ hỗ trợ 05 chỉ vàng 18k để san nền và 02 triệu đồng cho phần xây cất phần mộ.

Theo bà Nhung, khi cha mẹ bà chết, bà đem về chôn ở phần đất bên chồng mình, bà Phương không đưa tiền xây mộ. Hơn nữa, việc đào mồ mả là kiêng kị nên muốn giữ 02 ngôi mộ nằm yên ở khu đất bên chồng, không muốn dời đi đâu hết.

Ông Hà (chồng bà N) có ý kiến chấp thuận cho bà Phương di dời hài cốt cha mẹ vợ.

Sau khi nghe các bên trình bày, hòa giải viên phân tích để các bên thấy việc di dời hài cốt của cha mẹ bà Phương và bà Nhung được sự ủng hộ của các thành viên gia đình 02 bên, trong đó có ông Hà, để bà Phương thuận tiện hương khói và cúng giỗ. Bà Nhung nên tạo điều kiện để bà Phương được chuyển hài cốt cha mẹ về phần đất nơi bà Phương đang ở, vì bà Phương ngày một cao tuổi, việc đi lại bị hạn chế. Tổ hòa giải mong bà Phương, bà Nhung luôn giữ hòa khí, giữ gìn tình nghĩa chị em ruột với nhau, tránh những xích mích không đáng có, còn làm gương dạy bảo con cháu

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe hòa giải viên và mọi người tham gia hòa giải phân tích, động viên, bà Nhung đã thống nhất cho bà Phương di dời hài cốt cha mẹ về phần đất nơi bà Phương đang ở và không nhận tiền hỗ trợ của bà Phương.

Tình huống 11: Ông Mạnh cho ông Nam ở nhờ trên thửa đất của mình đã nhiều năm. Đến nay, để phục vụ nhu cầu kinh tế gia đình, ông Mạnh yêu

cầu ông Nam di dời nhà ở và trả lại thửa đất cho ông. Ông Nam yêu cầu ông Mạnh hỗ trợ tiền đầu tư vào đất đến nay đã thu được thành quả là 200.000.000 đồng và tiền di dời 2.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 202.000.000 đồng thì ông Nam mới thực hiện di dời và trả đất. Ông Mạnh không đồng ý. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp đề nghị tổ hòa giải giải quyết.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được đơn yêu cầu của ông Mạnh, tổ trưởng tổ hòa giải đã tiếp xúc với ông Nam để tìm hiểu sự việc và được ông Nam cho biết đúng là gia đình ông hiện đang ở nhờ trên thửa đất của ông Mạnh. Tuy nhiên, gia đình ông Nam đã ở nhờ trên thửa đất này nhiều năm nay đã đóng góp nhiều công sức đầu tư, cải tạo đất như đổ đất, san nền, trồng cây ăn trái đã đến kỳ thu hoạch..., nên ông Mạnh phải hỗ trợ tiền “thành quả” và tiền di dời để gia đình có điều kiện ổn định nơi ở mới.

Sau khi tìm hiểu sự việc, tổ hòa giải tiến hành buổi họp để tổ chức hòa giải theo quy định. Tại buổi hòa giải, thành viên tổ hòa giải đã phân tích, làm rõ vấn đề bằng lý lẽ, bằng đạo đức nhân nghĩa,... và khuyên hai bên tự thỏa thuận để không làm mất tình nghĩa tốt đẹp đã có được từ rất nhiều năm nay.

Tại khoản 1 Điều 499 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định, bên cho mượn tài sản có quyền đòi lại tài sản ngay sau khi bên mượn đạt được mục đích nếu không có thỏa thuận về thời hạn mượn; nếu bên cho mượn có nhu cầu đột xuất và cấp bách cần sử dụng tài sản cho mượn thì được đòi lại tài sản đó mặc dù bên mượn chưa đạt được mục đích, nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý.

Khoản 2 Điều 498 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định, bên cho mượn tài sản có nghĩa vụ thanh toán cho bên mượn chi phí sửa chữa, chi phí làm tăng giá trị tài sản, nếu có thỏa thuận.

Theo đó, về mặt pháp lý, mảnh đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Mạnh nên ông Mạnh được công nhận là chủ sử dụng đất hợp pháp. Việc ông Mạnh cho ông Nam ở nhờ không làm thay đổi quyền sử dụng đất của ông Mạnh. Trong trường hợp ông Mạnh không muốn cho mượn nữa thì ông hoàn toàn có thể đòi lại mảnh đất trên.

Mặc dù giữa ông Mạnh và ông Nam không có thỏa thuận về việc thanh toán các chi phí làm tăng giá trị của đất, nhưng trên thực tế trong quá trình ở nhờ, gia đình ông Nam cũng có đầu tư nhiều công sức, tiền của vào mảnh đất, sau nhiều năm chăm sóc, cây trái đã đến thời điểm cho thu hoạch.

Hai bên gia đình nên thỏa thuận với nhau về mức tiền hỗ trợ “thành quả”, tiền di dời. Trường hợp 2 bên gia đình không thỏa thuận được thì sẽ phải thực hiện các thủ tục khởi kiện ra Tòa án khá phức tạp, mất thời gian và phải trả các khoản án phí và chi phí khác liên quan.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe tổ hòa giải phân tích, làm rõ, ông Mạnh thống nhất hỗ trợ cho ông Nam 100.000.000 đồng tiền thành quả và 2.000.000 đồng tiền di dời. Tại buổi hòa giải, ông Nam cũng thống nhất với số tiền hỗ trợ 102.000.000 đồng của ông Mạnh và hứa sẽ di dời nhà ở khi nhận đủ số tiền hỗ trợ của ông Mạnh.

Tình huống 12: Trước đây, bà Hồng có cho ông Phong mắc đường dây tải điện qua đất nhà bà để phục vụ sinh hoạt của gia đình ông. Tuy nhiên, nay bà Hồng dự định xây dựng nhà trên phần đất có đường dây điện của ông Phong mắc qua. Bà Hồng trao đổi với ông Phong về việc di dời đường dây điện sang vị trí mới nhưng ông Phong không đồng ý với lý do trước đây bà Hồng đã đồng ý cho ông Phong mắc đường dây điện như hiện tại. Hai bên phát sinh mâu thuẫn. Bà Hồng gửi đơn đến tổ hòa giải để yêu cầu được hòa giải.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được đơn yêu cầu hòa giải của bà Hồng, tổ trưởng tổ hòa giải đã tiến hành họp thành viên của Tổ và phân công hòa giải viên đi xác minh, tìm hiểu vụ việc. Trên cơ sở phân công, hòa giải viên đã tiến hành gặp gỡ các bên tranh chấp để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các bên. Qua tiếp xúc phía bà Hồng cho biết, dự kiến thời gian tới sẽ xây dựng nhà ở. Tuy nhiên, đường dây tải điện của ông P sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xây dựng và gây nguy hiểm trong quá trình xây nhà. Bà Hồng muốn ông Phong di dời qua vị trí mới để đảm bảo an toàn và không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, sản xuất của gia đình bà. Về phía ông Phong cho biết, đường dây điện được mắc đã lâu, nay bà Hồng kêu di dời ông Phong cũng đồng ý nhưng trong quá trình trao đổi hai bên có cãi vã với nhau. Ông Phong đồng ý di dời nhưng bà Hồng phải tạo điều kiện cho ông Phong mắc đường dây điện ở vị trí mới qua đất của bà Hồng do đây là con đường ngắn nhất và thuận tiện nhất.

Xác định mâu thuẫn, tranh chấp thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự điều chỉnh, nguyên do là bà Hồng yêu cầu ông Phong di dời đường dây điện qua đất của bà nhưng trong quá trình trao đổi hai bên có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và phía ông Phong không đồng ý di dời. Tổ hòa giải áp đã nghiên cứu các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và tham khảo ý kiến của công chức Tư pháp - hộ tịch xã. Điều 255 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Chủ sở hữu bất động sản có quyền mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản của các chủ sở hữu khác một cách hợp lý, nhưng phải bảo đảm an toàn và thuận tiện cho các chủ sở hữu đó; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường”.

Sau khi xác minh, kiểm tra thực tế đường dây tải điện hiện tại, gặp gỡ tiếp xúc với các bên, tổ hòa giải đã tiến hành phiên họp hòa giải với sự có mặt của các bên, ông Mã là hàng xóm của hai gia đình, cũng là người có uy tín trong ấp. Trong quá trình hòa giải, tổ hòa giải xác định nguyên nhân mâu thuẫn và đưa ra cơ sở pháp lý liên quan đến giải quyết vụ việc là quy định tại Điều 255 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, theo quy định của pháp luật, ông Phong có quyền được mắc đường dây tải điện qua đất nhà bà Hồng nhưng việc này phải được thực hiện một cách hợp lý, bảo đảm an toàn và thuận tiện cho gia đình bà Hồng. Nay, bà Hồng dự kiến xây dựng nhà ở nhưng bị vướng đường dây điện này nên bà Hồng có quyền yêu cầu ông Phong di dời đường dây để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà. Bên cạnh đó, do đây là con đường ngắn và thuận tiện nhất để kéo điện đến gia đình ông Phong, nên tổ hòa giải áp động viên bà Hồng cho phép ông Phong di dời đường dây điện sang vị trí mới trên đất của bà Hồng; động viên hai bên gìn giữ tình làng, nghĩa xóm, tình cảm anh em họ hàng thân tộc.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe tổ hòa giải áp động viên, giải thích, ông Phong đồng ý di dời đường dây điện qua vị trí mới theo yêu cầu và hướng dẫn của bà Hồng để không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, sản xuất của gia đình bà Hồng.

Tổ hòa giải áp lập biên bản hòa giải thành, hai bên đã vui vẻ bắt tay giảng hòa, tiếp tục mối quan hệ họ hàng, láng giềng tốt đẹp. Sau buổi hòa giải, tổ hòa giải áp tiếp tục theo dõi quá trình thực hiện thỏa thuận giữa các bên theo biên bản hòa giải thành và hiện hai bên đã thực hiện xong thỏa thuận trên.

Tình huống 13: Ông Hào đã 02 lần bán thiếu cho ông Sơn phân bón, thuốc trừ sâu với tổng số tiền 29.320.000 đồng. Ông Sơn cam kết đến mùa thu hoạch sẽ trả đủ tiền nợ cho ông Hào. Tuy nhiên, đã quá hạn trả nợ hơn 2 năm, ông Sơn vẫn chưa trả hết nợ. Sau nhiều lần đòi nợ không thành, ông Hào gửi đơn đề nghị tổ hòa giải giải quyết.

Quá trình hòa giải

Sau khi tiếp nhận đơn yêu cầu, tổ hòa giải tiến hành họp các thành viên trong tổ hòa giải bàn bạc, xem xét nội dung trong đơn, xác định lĩnh vực tranh chấp, cử thành viên trong tổ tiến hành nắm tình hình, xác minh thêm áp lực từ những người dân ở lân cận và sau đó gặp trực tiếp ông S nắm bắt thêm các nội dung trong đơn của ông H.

Tiếp đến, tổ hòa giải nghiên cứu quy định pháp luật điều chỉnh làm căn cứ tiến hành hòa giải. Tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền quy định như sau:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, tổ hòa giải đã phân tích cho ông Sơn hiểu rõ là ông Hào đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để ông Sơn canh tác, làm ăn bằng việc bán thiếu phân bón, thuốc trừ sâu đến khi thu hoạch thì trả ông tiền. Tuy nhiên, đã qua mùa thu hoạch quá lâu (hơn 2 năm) ông Sơn chưa trả hết nợ. Do đó, ông Sơn có nghĩa vụ trả đủ tiền cho ông Hào theo thỏa thuận ban đầu.

Ngoài ra, tổ hòa giải giải thích thêm là nếu hòa giải các bước không thành thì ông Hào có quyền khởi kiện ra tòa vì ông Hào có cơ sở chứng minh ông Sơn có thiếu số tiền trên (giấy nhận nợ ông Sơn có ký tên), hai bên không chỉ mất đi tình cảm mà còn mất rất nhiều thời gian, chi phí đi lại nếu vụ việc được giải quyết bởi Tòa án.

Về phần ông Hào, tổ hòa giải phân tích rằng: qua gặp gỡ, trao đổi với ông Sơn, tổ hòa giải nhận thấy không phải ông Sơn cố tình không trả món nợ đã thiếu mà vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, mất mùa, nông sản lại bán không được giá nên chưa trả nợ được cho ông Hào theo như thỏa thuận ban đầu. Gia đình ông Sơn mong ông Hào thông cảm, giảm phần lãi suất và chia ra nhiều lần trả để ông Sơn có điều kiện trả hết số nợ trên.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe các thành viên trong tổ hòa giải phân tích, giải thích về tình, về lý thì cả hai bên đã tự nguyện đi đến thỏa thuận như sau: Tổng số tiền ông Sơn phải trả ông Hào cả vốn lẫn lãi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), chia ra làm 4 lần trả, cụ thể:

Từ ngày 15/6/2019 đến 15/10/2019: trả 10.000.000 đồng

Đến ngày 15/02/2020: trả 10.000.000 đồng

Tháng 6/2020: trả 10.000.000 đồng

Ngày 15/10/2020: trả 10.000.000 đồng.

Hai bên thống nhất ký biên bản hòa giải thành. Ông Sơn cam kết sẽ thực hiện đúng theo thỏa thuận đã nêu trong biên bản hòa giải thành.

Tình huống 14: Theo trình bày của bà Sen, khoảng 06 giờ sáng ngày 16/6/2019, gia đình bà S nghe thấy tiếng động ngoài chuồng gà. Khi đi ra, bà S phát hiện thấy 02 con chó của gia đình bà An chui qua bờ rào sang chuồng gà cắn chết 01 con gà trống, còn 06 con gà không tìm thấy. Ước tính thiệt hại khoảng 13kg thịt gà. Bà Sen đề nghị bà An bồi thường nhưng bà An không chịu. Hai bên cãi vã, gây mất trật tự ấp xóm.

Quá trình hoà giải

Sau khi tiếp nhận vụ việc, tổ hoà giải đã đến gặp gia đình bà An, một số gia đình hàng xóm xung quanh để tìm hiểu thêm sự việc cũng như tình cảm, quan hệ xóm làng lâu nay giữa hai gia đình. Theo đó, giữa hai gia đình có mối quan hệ

thân thiện và vui vẻ với nhau, trước đây cũng chưa từng có mâu thuẫn, tranh chấp gì.

Ngày 28/6/2019, tại nhà văn hóa của Tổ dân phố, tổ hòa giải tiến hành hòa giải giữa hai gia đình như sau:

- Ý kiến bà Sen: Gia đình tôi có nuôi gà trong chuồng. Ngày 16/6 vừa qua bị hai con chó nhà chị A qua cắn chết 01 con gà trống, 06 con gà khác không tìm thấy. Chó nhà bà An đã nhiều lần sang cắn gà nhà tôi (khoảng 4 lần). Tôi đề nghị gia đình chị An bồi thường và phải xích chó để không xảy ra tình trạng trên nữa, nếu không gia đình tôi sẽ làm đơn gửi cơ quan chức năng.

- Ý kiến của bà An: Nhà tôi nuôi 03 con chó. Tuy nhiên, vào ngày xảy ra vụ việc, tôi về quê để trông cháu ốm nên đã nhờ các cháu sang trông nhà hộ. Do các cháu không để ý nên 02 con chó bị tuột xích và sang nhà chị Sen cắn gà. Gia đình tôi xin chịu trách nhiệm về vấn đề trên và xin bồi thường cho gia đình số tiền là 2.100.000 đồng.

Tổ hoà giải phân tích tình, lý, thiệt, hơn cho hai bên như sau:

- Về tình: Chị Sen và chị An là hàng xóm của nhau, luôn sống đoàn kết và vui vẻ với nhau nên 2 gia đình nên giữ vững tình cảm đó. Các cụ có câu “Bán anh em xa, mua láng giềng gần” để “Tối lửa, tắt đèn có nhau”.

- Về lý: Hòa giải viên đã giải thích cho chị An Điều 603 Bộ luật Dân sự 2015 thì chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra cho người khác.

Do con chó không được xích cẩn thận và chủ chó là gia đình bà An cũng không có ý thả chó để cắn gà. Gia đình bà An đã nhận ra lỗi của mình và cũng đã nhận trách nhiệm bồi thường, hòa giải viên đề nghị bà Sen xem xét tình làng nghĩa xóm giữa hai gia đình, đồng thời cũng yêu cầu gia đình bà An phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chăn thả gia súc, tránh tái phạm.

Kết quả hòa giải

Nghe hòa giải viên phân tích, bà Sen có ý kiến bổ sung như sau: nhiều năm nay, hai gia đình sống đoàn kết, vui vẻ với nhau. Gia đình bà Sen cũng chỉ nhận 1/2 số tiền đền bù trên và mong gia đình bà A phải có biện pháp trông giữ, ngăn chặn để không tiếp tục xảy ra sự việc như trên.

Buổi hòa giải kết thúc với kết quả hòa giải thành, 2 gia đình vui vẻ và không ai có ý kiến gì thêm.

Tình huống 15: Để thuận tiện đi lại, ông Nam cải tạo con đường mòn thành đường bê tông. Khi biết sự việc, ông Chinh cho rằng con đường mới mở đã lấn vào đất nhà mình nên đến nói chuyện với ông Nam. Ông Nam cho rằng từ trước tới giờ vốn dĩ là đường mòn đi bộ, nay ông chỉ mở rộng thêm để ô tô ra vào thuận tiện hơn. Giữa 2 ông xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, không bên nào chịu nhường bên nào.

Quá trình hòa giải

Nắm bắt được sự việc, tổ hòa giải đã tiến hành các bước hòa giải giữa hai gia đình như sau:

Thứ nhất, Tổ hòa giải đã đến gặp gỡ riêng từng người để nắm bắt áp ng tin, nguyên nhân và nội dung của tranh chấp.

Thứ hai, tìm hiểu các quy định pháp luật điều chỉnh trực tiếp mối quan hệ giữa các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Sau khi nghiên cứu các quy định của pháp luật, hòa giải viên thấy rằng, mâu thuẫn, tranh chấp trên được điều chỉnh bởi quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

“Điều 254. Quyền về lối đi qua

1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

3. Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù.”

Thứ ba, hòa giải viên thống nhất với ông Nam và ông Chinh về thời gian, địa điểm hòa giải, thành phần tham dự, việc hòa giải tiến hành công khai.

Tại buổi hòa giải, ông Chinh và ông Nam trình bày nội dung, ý kiến về vụ việc:

- Ông Chinh trình bày: ông Nam tự ý mở rộng đường trên phần đất của ông khi chưa hỏi ý kiến. Ông Chinh đã sang nói chuyện về việc không đồng ý cho mở rộng đường nhưng ông Nam không chịu, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, giảm diện tích sử dụng đất của ông. Vì tình làng, nghĩa xóm nên ông Chinh yêu cầu ông Nam bồi thường bằng tiền.

- Ông Nam cho rằng, đường hiện ông mở là đường mòn vẫn đi lại. Do cây đại mọc um tùm nên chỉ đi bộ chứ không đi xe được, nay ông nhổ cây đại, đổ bê

tông thêm để xe đi lại thuận tiện hơn. Ông không đồng ý bồi thường bằng tiền cho gia đình ông Chinh.

Tổ hòa giải đề nghị ông Chinh xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xem có thực sự là đất thuộc quyền sử dụng của ông hay không. Sau khi ông Chinh xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổ hòa giải cùng công chức địa chính và hai bên đến kiểm tra thực tế phần đất tranh chấp. Kết quả kiểm tra cho thấy, phần đất ông Nam mở đường đã lấn vào diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Chinh.

Bên cạnh việc đó tổ hòa giải còn khơi gợi về tình làng, nghĩa xóm tương thân, tương ái, để các bên hiểu được những mặt đúng và chưa đúng của mình.

Tổ hòa giải gợi ý phương án hòa giải như sau: Ông Nam có 1 mảnh đất ở cạnh mảnh đất của ông Chinh. Vì vậy, ông Nam sẽ đổi phần đất của mình tương đương với phần đất đã làm đường bê tông cho ông Chinh.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe tổ hòa giải phân tích, định hướng, cả hai bên gia đình đều nhất trí theo hướng hòa giải trên, đồng thời hai bên không thắc mắc cũng như không gửi đơn đề nghị lên cấp có thẩm quyền.

Buổi hòa giải kết thúc với kết quả hòa giải thành, hai bên và hòa giải viên cùng vui vẻ ký văn bản hòa giải thành.

Để việc đổi đất được thực hiện đúng quy định pháp luật, tránh tranh chấp về sau, tổ hòa giải khuyên hai bên gia đình đến UBND xã để được hướng dẫn làm các thủ tục cần thiết.

Tình huống 16: Ngày 25/6/2019, ông Khang cho ông Sang vay số tiền 10 triệu đồng, thời hạn 60 ngày (không lãi suất). Tuy nhiên, quá 60 ngày, ông Sang không trả tiền vay, tranh chấp phát sinh và ông Khang có đơn yêu cầu đến tổ hòa giải giải quyết.

Quá trình hòa giải

Tiếp nhận đơn yêu cầu của ông Khang, tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên Hòa trực tiếp gặp gỡ các bên tranh chấp để nắm rõ nguyên nhân tranh chấp, thu thập thêm các thông tin cần thiết phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp.

Tổ trưởng tổ hòa giải liên hệ công chức Tư pháp - hộ tịch xã để tư vấn về pháp luật. Tổ hòa giải xác định, mâu thuẫn, tranh chấp thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự điều chỉnh. Với sự tư vấn pháp luật của công chức Tư pháp - hộ tịch, tổ trưởng tổ hòa giải đề nghị hòa giải viên H nghiên cứu kỹ quy định của Bộ luật dân sự để vận dụng vào quá trình hòa giải.

Sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng cho buổi hòa giải, Hòa giải viên mời các bên tranh chấp đến Nhà sinh hoạt văn hóa ấp để hòa giải.

Các bên đều thừa nhận số tiền nợ, tuy nhiên về phía ông Khang yêu cầu ông Sang phải trả thêm lãi suất do ông Sang trễ hẹn. Ông Sang không đồng ý yêu cầu này vì cho rằng khi vay tiền, hai bên thống nhất không trả lãi.

Hòa giải viên trích dẫn khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.” để phân tích, giải thích cho ông Sang hiểu và biết yêu cầu của ông Khang là có căn cứ pháp luật. Đồng thời, hòa giải viên cũng đề nghị ông Khang xem xét về hoàn cảnh khó khăn về kinh tế của ông Khang mà không tính lãi trong thời gian chậm trả.

Kết quả hòa giải

Nghe hòa giải viên phân tích, các bên tranh chấp đã tự nguyện thỏa thuận và cam kết phương thức thanh toán nợ. Theo đó, ông Khang đồng ý cho ông Sang thanh toán phần nợ gốc, không tính lãi suất. Ông Sang cam kết thanh toán dứt điểm cho ông Khang vào ngày hôm sau.

Vào đúng ngày hôm sau như đã cam kết, dưới sự chứng kiến của tổ hòa giải, ông Sang đã thanh toán đủ số tiền nợ gốc cho ông Khang.

Tình huống 17: Bà Phương và một số người thỏa thuận góp hụi, hình thức hụi có hưởng hoa hồng, mỗi tháng khai một lần. Dây hụi 2.000.000đ (Hai triệu đồng), với 26 thành viên tham gia, bà Phương được bầu làm chủ hụi. Dây hụi khai được 12 kì, đến kì thứ 13 thì bà P tuyên bố bẻ hụi. Vì vậy, 14 thành viên chưa lĩnh hụi không đồng ý, tranh chấp phát sinh khiến làng quê yên bình trở nên ồn ào, bàn tán. 14 thành viên trong dây hụi đề nghị tổ hòa giải áp giải quyết.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được yêu cầu, tổ hòa giải đã vào cuộc xác minh vụ việc, yêu cầu bà Phương và 26 thành viên bổ sung chứng cứ có liên quan để làm cơ sở hòa giải. Hòa giải viên cũng liên hệ công chức Tư pháp - hộ tịch xã để được hỗ trợ, tư vấn về pháp luật. Vụ việc được đưa ra hòa giải gồm sự tham dự của toàn bộ thành viên góp hụi và bà Phương.

Tại buổi hòa giải, hòa giải viên nêu ý nghĩa tốt đẹp của việc góp hụi là biểu hiện của tình đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống của bà con láng giềng với nhau. Chính vì ý nghĩa cao đẹp này, từ hoạt động tự phát trong Nhân dân nên Nhà nước đã thừa nhận, cho phép hoạt động và điều chỉnh bằng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, biêu, phường quy định về nguyên tắc tổ chức hụi, biêu, phường (sau đây gọi tắt là hụi); điều kiện làm thành viên, chủ hụi; gia nhập, rút khỏi hụi; văn bản thỏa thuận về hụi;

thứ tự lĩnh hội, lãi suất; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của thành viên, chủ hội...

Về cơ bản, dây hội do bà P được bầu làm chủ hội hoạt động đúng pháp luật, không có biểu hiện cho vay lãi nặng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, huy động vốn trái pháp luật. Do vậy và P các thành viên nên duy trì theo như thỏa thuận đã thống nhất ban đầu. Vì nếu chấm dứt dây hội vào thời điểm này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của những thành viên chưa lĩnh hội.

Theo đó, nếu bể hội, thì bà Phương phải thông báo công khai với các thành viên về lý do, phương án khắc phục, như thế mới hợp tình, hợp lý.

Còn theo quy định của Nghị định số 19 thì các thành viên trong dây hội có nghĩa vụ góp phần hội theo thỏa thuận, chủ hội có nghĩa vụ Giao các phần hội cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở hội.

Trường hợp đến kỳ mở hội mà chủ hội không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hội cho thành viên được lĩnh hội, thành viên chưa lĩnh hội không góp phần hội hoặc góp phần hội không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Từ căn cứ pháp lý trên, hòa giải viên đã phân tích và đề nghị các bên đặt mình vào vị trí của thành viên chưa lĩnh họ để cảm thông, chia sẻ với nhau. Hòa giải viên cũng mời công chức tư pháp – hộ tịch phổ biến, phân tích về hậu quả pháp lý nếu vụ việc không thống nhất hòa giải được để các bên hiểu.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe hòa giải viên và công chức tư pháp – hộ tịch phân tích, tất cả thành viên trong dây hội đều nhất trí dây hội tiếp tục hoạt động như cũ. Nếu bà Phương không muốn tham gia nữa thì có thể rút khỏi dây hội nhưng phải góp các phần hội chưa góp và hoàn lại số tiền lãi mà các thành viên đã đóng góp trong 12 kì khai hội. Tuy nhiên, bà Phương không đồng ý vì cho rằng hội bị bể thì không có trách nhiệm hoàn trả.

Cuộc hòa giải kéo dài nhiều giờ nhưng kết quả vẫn không đạt được thỏa thuận chung. Hòa giải viên kết thúc vụ việc hòa giải và hướng dẫn các bên có quyền khởi kiện vụ việc tranh chấp đến cơ quan Tòa án để được giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Tình huống 18: Ông Ninh gom cỏ khô đốt tại góc vườn nhà mình vô ý để cháy lan sang vườn điều đang cho thu hoạch của gia đình ông Hảo. Sau khi đề nghị bồi thường, ông Ninh không có ý kiến gì nên ông Hảo làm đơn nhờ tổ hòa giải giải quyết. Trong đơn, ông Hảo đề nghị ông Ninh bồi thường thiệt hại với số tiền là 200 triệu đồng.

Quá trình hòa giải

Tiếp nhận yêu cầu hòa giải, tổ trưởng tổ hòa giải phân công cho các hòa giải viên gặp gỡ, nắm bắt tình hình hoàn cảnh gia đình, nguyện vọng của hai bên, tham vấn ý kiến công chức Tư pháp - hộ tịch xã; phối hợp với công an viên xã tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế. Qua kiểm tra cho thấy, mức thiệt hại do cháy hoàn toàn 2ha cây điều ước tính là 30 triệu đồng. Buổi hòa giải diễn ra tại Ấp, các bên trình bày ý kiến như sau:

Ông Hảo cho rằng, ông Ninh vô ý làm cháy rẫy, gây thiệt hại quá nhiều cho ông (cháy hoàn toàn 2 ha điều đang trong kỳ thu hoạch) nhưng ông Ninh không có ý bồi thường. Vì vậy, ông Hảo phải nhờ tổ hòa giải giải quyết để ông Ninh phải đền bù thỏa đáng.

Ông Ninh thì cho rằng, do sơ xuất, chứ ông không cố ý. Hơn nữa, khi thấy cháy, ông đã nhờ nhiều người giúp đỡ dập lửa nhưng vì gió to nên không dập được. Bản thân ông Ninh biết sai, gây thiệt hại lớn nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong ông Hảo thông cảm và cho gia đình được đền bù cây giống trồng lại và phân bón.

Nghe các bên trình bày, tổ hòa giải đã phân tích về lý và tình. Cụ thể:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”.

Đồng thời, Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình.”

Theo quy định trên thì ông Ninh phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế đã gây ra cho gia đình ông Hảo. Tuy nhiên, sự việc đã xảy ra, không ai mong muốn như vậy. Ông Ninh chỉ vì bất cẩn mà gây thiệt hại lớn về kinh tế cho gia đình ông Hảo. Bên cạnh đó, khi thấy cháy, ông đã nhờ nhiều người giúp đỡ dập lửa nhưng vì gió to nên không dập được. Nếu đền bù cho thỏa đáng thì ông Ninh không có khả năng do điều kiện gia đình quá khó khăn.

Tổ hòa giải cũng phân tích, khi gây ra thiệt hại trước hết gia đình ông Ninh phải nhận lỗi với gia đình ông Hảo ngay khi xảy ra sự việc. Tuy nhiên, có thể do lúc sự việc xảy ra, ông Ninh quá hoang mang nên chưa sang nói chuyện với gia đình ông Hảo. Nay, ông Ninh đã biết sai, mong muốn ông Hảo thông cảm và chấp nhận cho ông được đền bù trong khả năng của gia đình. Từ ý kiến của hai bên, tổ hòa giải đề nghị gia đình ông Hảo chấp nhận lời xin lỗi của ông Ninh và

đồng ý để ông Ninh mua cây giống, phân bón cùng gia đình ông Hảo trồng lại rẫy từ đầu.

Kết quả hòa giải

Nhận thấy phân tích của tổ hòa giải là có tình, có lý, việc giải quyết có thể thương thượng không cần nhờ đến cơ quan pháp luật, hai bên thống nhất phương án hòa giải đưa ra như sau: gia đình ông Ninh bồi thường bằng cách mua cây giống và phân bón để trồng lại cây cho nhà ông Hảo.

Tình huống 19: Nhà ông Thành và ông Kha ở liền kề nhau. Vừa qua, ông Thành xây dựng một ngôi nhà để làm kho xưởng may màn rèm và cho ống thoát nước thải chảy dọc chân tường nhà ông Kha. Không đồng ý với hành vi này, ông Kha đã bịt ống thoát nước. Hai gia đình lời qua tiếng lại dẫn đến mâu thuẫn, gây mất trật tự trong lối xóm.

Quá trình hòa giải

Sau khi nắm bắt được vụ việc, tổ hòa giải đã đến từng gia đình để tìm hiểu về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Qua tìm hiểu, tổ hòa giải xác định như sau: Mâu thuẫn nảy sinh là do trong quá trình xây dựng xưởng may màn rèm, ông Thành chưa hiểu hết các quy định của pháp luật nên sử dụng không đúng hệ thống thoát nước thải công nghiệp và việc xử lý nước thải chưa đúng quy định. Ông Kha có sang góp ý thì ông Thành không chịu khắc phục, sửa chữa nên ông Kha mới bịt ống thoát nước lại.

Tổ hòa giải căn cứ vào các điều luật sau để phân tích cho các bên:

- Điều 172 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản thì chủ thể phải tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; nếu làm ô nhiễm môi trường thì phải chấm dứt hành vi gây ô nhiễm, thực hiện các biện pháp để khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại.

- Điều 251 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra nơi quy định, sao cho nước thải không chảy tràn sang bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề, ra đường công cộng hoặc nơi sinh hoạt công cộng.

- Khoản 1 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

- Điều 8 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải quy định như sau về sự tham gia của cộng đồng: Thực hiện chức năng giám sát về đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc đấu nối vào hệ thống thoát nước theo quy định. Phát hiện, ngăn chặn, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước.

- Điểm b Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân và hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước có nghĩa vụ xả nước thải vào

hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Sau khi xác định được mâu thuẫn, lĩnh vực pháp luật cụ thể điều chỉnh, tổ hòa giải đã đến từng hộ gia đình giải thích, tuyên truyền các quy định của pháp luật, đồng thời lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của từng bên.

Tổ hòa giải mời hai bên gia đình đến văn phòng ấp để tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải, tổ hòa giải phân tích các quy định pháp luật nêu trên cho ông Th biết, việc làm của ông có thể bị xử phạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với ông Kha, khi xảy ra sự việc, ông nên báo cáo với các cơ quan chức năng, không nên có lời qua tiếng lại làm mất tình đoàn kết xóm làng.

Tổ hòa giải động viên hai gia đình nên giữ tình nghĩa xóm làng, cùng nhau xây dựng cuộc sống ấm no, không vì việc nhỏ mà làm mất đi tình cảm của hai gia đình từ trước đến nay. Ông cha ta có câu: “Bán anh em xa mua láng giềng gần”; “Tối lửa tắt đèn có nhau”.

Kết quả hòa giải

Tổ hòa giải đưa ra phương án là ông Kha tạo điều kiện cho ông Thành làm đường ống thoát nước chìm dưới đất đi men theo đường giáp ranh giữa nhà ông Kha và nhà ông Thành để ra đường thoát nước chung.

Nhận thấy tổ hòa giải phân tích thấu tình, đạt lý, gia đình ông Thành và gia đình ông Kha cùng nhất trí với phương án của tổ hòa giải đưa ra và cam kết thực hiện tốt, đồng thời hai bên nhận lỗi với nhau, bắt tay đoàn kết, gác bỏ, xóa bỏ đi những hiểu lầm từ trước.

Tình huống 20: Nhà ông Tuấn và nhà ông Minh liền kề nhau, nhà ông Tuấn là nhà 01 tầng còn nhà ông Minh 02 tầng. Để nước mưa không thấm vào tường nhà, ông Minh đã dùng tôn đóng theo vách tường. Tuy nhiên, khi trời mưa, nước mưa chảy theo vách tôn rồi thấm vào vách tường nhà ông Tuấn. Vợ ông Tuấn nhiều lần qua nói với ông Minh và đề nghị ông Minh sửa lại mái tôn. Nhưng ông Minh không chịu mà còn thách thức “Tôn nhà tôi, tôi đóng như vậy chị làm gì được nào?”. Do vậy, hai bên gia đình thường xuyên mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, gây mất đoàn kết.

Quá trình hòa giải

Tổ hòa giải đã đến kiểm tra, xem thực tế và tổ chức gặp gỡ riêng mỗi bên để nắm bắt quan điểm, tâm tư. Tổ hòa giải xác định đây là mâu thuẫn trong lĩnh vực dân sự về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa. Nguyên nhân là ông Minh chưa hiểu quy định pháp luật về việc chống thấm nước mưa làm ảnh hưởng đến nhà ông Tuấn.

Sau khi xác định được nguyên nhân mâu thuẫn, tổ hòa giải mời hai bên gia đình đến ấp để tiến hành hòa giải. Tại đây, hai bên đã được nghe phân tích cụ thể rằng, nhà ông Minh đóng mái tôn áp tường để chống nước mưa thấm vào nhà

mình nhưng lại sử dụng mái tôn có hình chữ L, đoạn cong phía cuối tấm tôn áp sát vào tường nhà ông Tuấn nên mưa nước chảy xuống tới đoạn cong thì ứ đọng và thấm vào tường nhà ông Tuấn.

Kết quả hòa giải

Được hòa giải viên phân tích đúng sai, đồng thời viện dẫn quy định của pháp luật (Điều 250 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề”) và viện dẫn các câu ca dao tục ngữ như “Hàng xóm láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau”, “Bán anh em xa mua láng giềng gần...”, ông Minh đã thấy cái sai của mình. Ông Minh xin lỗi vợ chồng ông Tuấn, đồng thời cam kết sẽ sửa lại mái tôn để không làm ảnh hưởng đến nhà ông Tuấn. Vợ chồng ông Tuấn chấp nhận lời xin lỗi của ông Minh và hai bên đã vui vẻ ký vào biên bản hòa giải thành.

Tình huống 21: Ông Còn xây tường rào bằng gạch (đã xây cao 0,5m) lấn lối đi vào nhà ông Tình hàng xóm. Ông Tình đề nghị đập tường đi xây lại để trả diện tích lối đi. Tuy nhiên, ông Còn không đồng ý. Vì vậy, ông Tình đến gặp tổ trưởng tổ hòa giải áp để đề nghị hòa giải.

Quá trình hòa giải

Nhận được phản ánh của ông Tình, tổ hòa giải áp 3 gồm 5 đồng chí do đồng chí Sang - Tổ trưởng tổ hòa giải đã đến tận nơi xem xét, kiểm tra quá trình xây dựng, kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tình và ông Còn. Kết quả cho thấy, tường rào lấn sang 30cm với đoạn dài gần 9,5m.

Tổ hòa giải mời ông Còn về nhà ông Tình để tiến hành hòa giải. Tại đây, ông Tình đề nghị tổ hòa giải vận động gia đình ông Còn phá dỡ tường đã xây và xây lại cho đúng Giấy chứng nhận được cấp. Ông Còn cho rằng: mặc dù trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như vậy, nhưng do trước đây công chức địa chính đo không chính xác, nay ông xây tường bao đúng với diện tích thực tế từ trước nay.

Ngay lúc đó, hòa giải viên Sang đã liên hệ với cán bộ địa chính của xã để hỏi thêm áppg tin về phần đất tranh chấp này thì được biết. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tuân thủ các bản đồ có trước đây và hiện trạng sử dụng đất. Do vậy, hòa giải viên xác định ông Còn có dấu hiệu lấn chiếm đất thuộc đường đi, nếu không tự phá dỡ và xây lại tường đúng diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận thì sẽ đề nghị cơ quan chức năng vào cuộc, theo đó, ông Còn sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, đồng thời phải phá dỡ tường rào, nếu không tự phá dỡ sẽ bị cưỡng chế phá dỡ và chịu trách nhiệm về chi phí phá dỡ.

Kết quả hòa giải

Nghe hòa giải viên phân tích, ông Còn đã đồng ý đập phá tường rào, xây dựng lại đúng diện tích, không ảnh hưởng đến lối đi nhà ông Tình. Các bên đồng ý ký vào biên bản hòa giải thành.

Tình huống 22: Sau khi gieo lúa đã mọc, thấy chuột cắn phá lúa, bà Thơm trộn thuốc để nhử chuột. Vô tình gà của ông Mẫn ăn nhầm thuốc chuột chết 5 con. Ông Mẫn xách 5 con gà chết đến nhà bà Thơm với thái độ bực dọc, la lối om sòm và yêu cầu bà Thơm bồi thường 800.000 đồng. Bà Thơm cho rằng việc chết gà là chuyện không may. Bà bỏ thuốc diệt chuột chứ không phải diệt gà nên bà không bồi thường. Hai bên lời qua tiếng lại, xung đột ngày càng căng thẳng.

Ông Mẫn đến tổ hòa giải áp yêu cầu giải quyết vụ việc.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được tin báo, tổ hòa giải áp đã triệu tập họp tổ, thống nhất phương án giải quyết. Tổ hòa giải đã trực tiếp đến đám lúa bà Thơm xem xét hiện trạng, đồng thời đề nghị hai bên gia đình cùng bình tĩnh ngồi lại thương thảo, hòa giải tìm ra phương án giải quyết hợp tình, hợp lý, bảo đảm tình đoàn kết trong ấp xóm.

Tổ hòa giải phân tích, ông Mẫn tiếc 5 con gà vì đã bỏ công chăm sóc; còn bà Thơm thì bỏ thuốc chuột mà không báo cho ông nhốt gà và việc ông đòi bồi thường là đúng. Tuy nhiên, việc 5 con gà chết là việc xảy ra ngoài ý muốn của bà Thơm, ông Mẫn không nên vì việc đó mà lời qua tiếng lại gây mất an ninh trật tự, mất đoàn kết trong ấp xóm. Đối với bà Thơm, dù việc bỏ thuốc chuột làm chết 5 con gà nhà ông Mẫn là vô ý nhưng bà vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Mẫn một phần nào. Vì khi bỏ thuốc chuột, bà đã không áp báo trước, hơn nữa bỏ thuốc chuột bỏ vào ban đêm thì sáng hôm sau phải có trách nhiệm thu gom lại. Từ đó, tổ hòa giải đề nghị bà Thơm hỗ trợ cho ông Mẫn một khoản tiền công chăm sóc 5 con gà là 500.000 đồng.

Kết quả hòa giải

Sau khi nghe phân tích, đề xuất hướng giải quyết của tổ hòa giải, bà Thơm nhất trí đồng ý hỗ trợ công chăm sóc gà là 500.000 đồng cho ông Mẫn.

Về phần ông Mẫn, ông cho biết thêm rằng ông chỉ muốn hòa giải để bà Thơm rút kinh nghiệm nếu sau này có bỏ thuốc chuột thì phải áp báo để mọi người nhốt gà lại chứ ông không nhận tiền hỗ trợ bồi thường. Vì bà Thơm là hộ cận nghèo, hoàn cảnh kinh tế gia đình còn khó khăn, hơn nữa 2 gia đình lâu nay có mối quan hệ hàng xóm tốt đẹp. Vụ việc được hòa giải thành.

Tình huống 23: Nhà ông Tý và ông Mão ở cạnh nhau, ông Mão ở trong, ông Tý ở ngoài. Hai hộ sử dụng lối đi chung và đây cũng là lối đi duy nhất vào nhà ông Mão. Tuất (là con ông Mão) thường tụ tập bạn bè ăn nhậu tại nhà vào mỗi chiều tối thứ bảy. Mỗi lần ăn nhậu là một lần ồn ào, náo nhiệt, xe cộ để lộn xộn, ngăn cả lối đi. Ông Tý nhiều lần nhắc nhở Tuất

và ông Mão về việc này để không làm ảnh hưởng đến khu xóm, nếu không ông sẽ rào đường, không cho đi chung ngõ nữa. Tuy nhiên, tình trạng không có chuyển biến tích cực, thậm chí Tuất còn thách thức ông Tý. Bực mình, cứ mỗi chiều tối thứ bảy ông Tý kê bàn ghế ra ngõ ngồi uống nước, không cho để xe cộ và làm ảnh hưởng đến việc đi lại của hộ gia đình ông Mão. Mâu thuẫn, xích mích giữa hai hộ ngày càng gia tăng và có biểu hiện phức tạp.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa nhà ông Tý và nhà ông Mão là do mâu thuẫn về lối đi chung của hai gia đình

2. Căn cứ pháp lý:

Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền về lối đi qua: *“1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.*

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

3. Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù.”

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Quyền về lối đi qua để phân tích các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ việc và các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

- Hòa giải viên cần nêu truyền thống tốt đẹp về tình làng nghĩa xóm và thuyết phục hai bên không để xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn, xung đột. Thuyết phục anh Tuất con ông Mão không nên gây ồn ào, để xe cộ không được ngăn cản lối đi chung và không làm ảnh hưởng đến khu xóm. Đồng thời, đề nghị ông

Tý không kê bàn ghế ra ngõ, không làm ảnh hưởng đến việc đi lại của hộ gia đình ông Mão vì đây là lối đi chung các bên phải tôn trọng.

Tình huống 24: Nhà ông Đậu và ông Sửu ở cạnh nhau, nhà ông Đậu ở ngoài, nhà ông Sửu ở trong. Khi ông Sửu làm nhà, ông Đậu đã đồng ý để đường dây tải điện và đường dây điện thoại nhà ông Sửu được đi qua nhà mình với điều kiện không làm mất mỹ quan, ảnh hưởng đến an toàn của gia đình ông Đậu. Nay ông Sửu mắc truyền hình cáp, tiện thể ông muốn cải tạo lại đường dây để bảo đảm an toàn. Lúc này ông Đậu đề nghị ông Sửu phải di chuyển đường dây ra hướng khác, không được cho đường dây đi qua nhà ông như trước nữa nhưng ông Sửu không đồng ý, vì vậy hai bên đã lờ qua tiếng lại, gây xích mích, không ai chịu ai, xung đột, mâu thuẫn giữa hai nhà có nguy cơ nảy sinh.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Nhà ông Đậu và ông Sửu mâu thuẫn là do đường dây tải điện và đường dây điện thoại nhà ông Sửu đi qua nhà ông Đậu.

2. Căn cứ pháp lý:

Điều 255 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 quy định về mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản khác: *“Chủ sở hữu bất động sản có quyền mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản của các chủ sở hữu khác một cách hợp lý, nhưng phải bảo đảm an toàn và thuận tiện cho các chủ sở hữu đó; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.”*

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Điều 255 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản khác để phân tích các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ việc và các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

- Hòa giải viên cần nêu truyền thống tốt đẹp về tình làng nghĩa xóm và thuyết phục hai bên không để xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn, xung đột. Thuyết phục ông Đậu để cho ông Sửu mắc đường cáp truyền hình, đường dây tải điện và thông tin liên lạc một cách hợp lý. Đề nghị khi mắc đường dây, ông Sửu phải bảo đảm an toàn và không được làm ảnh hưởng, thiệt hại đến nhà ông Đậu.

Tình huống 25: Là hàng xóm thân thiết nhiều năm, ông Ba có nhu cầu được mua con bò cái của ông Hưng để nhân giống với giá 10 triệu đồng. Hai bên đã thống nhất việc mua bán, ông Ba trao đủ 10 triệu cho ông Hưng, riêng việc nhận bò, hai bên thống nhất hai hôm sau sẽ giao nhận để được ngày tốt. Hôm sau, ông Hưng nghĩ lại thấy bán bò giá đó là thấp, lại biết được con bò cái đó đang có chữa nên tiếc không muốn bán. Vì thế, hôm ông

Ba sang nhận bò, ông Hưng đã không giao mà đề nghị ông Ba chấm dứt việc mua bán bò, ông Hưng sẽ trả lại 10 triệu đồng cho ông Ba. Vì muốn có được con bò tốt, ông Ba đã không đồng ý do việc mua bán đã hoàn thành, tiền ông đã trả, chỉ còn mỗi việc giao nhận bò nên không có lý do gì để chấm dứt việc mua bán cả. Vì thế hai bên đã xảy ra tranh chấp, lời qua tiếng lại.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn:

Ông Ba trao đủ 10 triệu cho ông Hưng để mua bò cái nhân giống. Hôm ông Ba sang nhận bò, ông Hưng đã không giao mà đề nghị ông Ba chấm dứt việc mua bán bò, ông Hưng sẽ trả lại 10 triệu đồng cho ông Ba vì ông Hưng nghĩ lại thấy bán bò giá đó là thấp, lại biết được con bò cái đó đang có chửa nên tiếc không muốn bán.

2. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể”*

- Điều 430, Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”*

- Khoản 1, Điều 434 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thỏa thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý”*.

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở các quy của Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên. Hòa giải viên cần phân tích để các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong việc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

- Thuyết phục ông Hưng thực hiện đúng việc giao bò cái cho ông Ba như đã thỏa thuận ban đầu, mặt khác có thể thuyết phục ông Ba là hàng xóm thân thiết nhiều năm trả thêm cho ông Hưng một khoản tiền nhỏ để cả hai bên cùng có lợi.

Tình huống 26: Bà Quỳnh cho bà Nhân thuê nhà để kinh doanh tạp hóa. Theo nội dung hợp đồng thuê nhà đã được công chứng, giá thuê nhà là 02 triệu đồng/1 tháng; tiền thuê được trả định kỳ 02 lần/1 năm (vào ngày đầu tiên của tháng 12 và tháng 5), mỗi lần trả 12 triệu đồng; ngay sau khi kí hợp đồng, phải trả trước 12 triệu đồng; thời hạn thuê là 05 năm, hết thời hạn hai bên sẽ thỏa thuận lại việc cho thuê nhà. Sau khi thuê nhà được 01 năm, trong lúc đang kinh doanh tốt thì bà Quỳnh đề nghị tăng giá thuê nhà

lên 2,5 triệu đồng/tháng do nhà ông Thành đổi diện cũng đang cho thuê với giá đó trong khi diện tích và điều kiện kinh doanh không tốt bằng, nếu không bà Quỳnh sẽ không cho thuê nhà nữa. Bà Nhân không đồng tình vì thời hạn cho thuê chưa hết, hợp đồng đã quy định rõ số tiền thuê, không có nội dung về việc điều chỉnh tăng giá trong thời gian cho thuê. Hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của bà Nhân.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà Quỳnh đề nghị tăng giá thuê nhà, bà Nhân không đồng tình vì thời hạn cho thuê chưa hết, hợp đồng đã quy định rõ số tiền thuê, không có nội dung về việc điều chỉnh tăng giá trong thời gian cho thuê.

2. Căn cứ pháp lý:

- Điều 472 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng thuê tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê giao tài sản cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê.*

Hợp đồng thuê nhà ở, hợp đồng thuê nhà để sử dụng vào mục đích khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật này, Luật nhà ở và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

- Khoản 1, khoản 2 Điều 129 Luật Nhà ở năm 2014 quy định: *“1. Bên cho thuê và bên thuê nhà ở được thỏa thuận về thời hạn thuê, giá thuê và hình thức trả tiền thuê nhà theo định kỳ hoặc trả một lần; trường hợp Nhà nước có quy định về giá thuê nhà ở thì các bên phải thực hiện theo quy định đó.*

2. Trường hợp chưa hết hạn hợp đồng thuê nhà ở mà bên cho thuê thực hiện cải tạo nhà ở và được bên thuê đồng ý thì bên cho thuê được quyền điều chỉnh giá thuê nhà ở. Giá thuê nhà ở mới do các bên thỏa thuận; trường hợp không thỏa thuận được thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà ở và phải bồi thường cho bên thuê theo quy định của pháp luật.”

- Khoản 2 Điều 132 Luật Nhà ở năm 2014 quy định: *“Bên cho thuê nhà ở có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà và thu hồi nhà ở đang cho thuê khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) Bên cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, nhà ở xã hội cho thuê không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng, không đúng điều kiện theo quy định của Luật này;

b) Bên thuê không trả tiền thuê nhà ở theo thỏa thuận từ 03 tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;

c) Bên thuê sử dụng nhà ở không đúng mục đích như đã thỏa thuận trong hợp đồng;

d) Bên thuê tự ý đục phá, coi nói, cải tạo, phá dỡ nhà ở đang thuê;

đ) Bên thuê chuyển đổi, cho mượn, cho thuê lại nhà ở đang thuê mà không có sự đồng ý của bên cho thuê;

e) Bên thuê làm mất trật tự, vệ sinh môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt của những người xung quanh đã được bên cho thuê nhà ở hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ấp, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc lập biên bản đến lần thứ ba mà vẫn không khắc phục;

g) Thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật này”

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Nhà ở năm 2014 nêu trên. Hòa giải viên cần phân tích để bà Quỳnh hiểu việc đòi tăng giá thuê nhà do nhà ông thành đối diện cũng đang cho thuê giá đó không thuộc một trong các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn. các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong việc thực hiện hợp đồng .

- Thuyết phục bà Quỳnh thực hiện hợp đồng như ban đầu đã ký kết, mặt khác thuyết phục bà Nhân có thể xem xét tăng một phần giá tiền thuê nhà do trượt giá theo yêu cầu của bà Quỳnh để không ảnh hưởng đến việc kinh doanh của bà. Hai bên cùng thương lượng, thống nhất để giải quyết mâu thuẫn cùng nhau hợp tác làm ăn.

Tình huống 27: Gia đình ông Ánh có nuôi một con trâu thịt. Một đêm mưa, do cài then chuồng trại không chặt, gió thổi mạnh làm bật cửa, con trâu đã xông chuồng chạy sang ruộng nhà bà Bê gần đó ăn gần hết ruộng lúa. Sáng ra, bà Bê phát hiện con trâu đang nằm no kênh bên ruộng lúa nhà mình nên đã giữ lại và yêu cầu ông Ánh phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do con trâu gây ra. Tuy nhiên, ông Ánh chỉ chấp nhận đền bù cho bà một nửa, vì ông không cố ý thả trâu vào phá ruộng mà là do trâu xông chuồng tự phá hoại. Mỗi người một ý, chẳng ai chịu ai, mâu thuẫn ngày càng gay gắt.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn Con Trâu thịt của gia đình ông Ánh xông chuồng chạy sang ruộng nhà bà Bê gần đó ăn gần hết ruộng lúa. Bà Bê yêu cầu ông Ánh phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do con trâu gây ra. Tuy nhiên, ông Ánh chỉ chấp nhận đền bù cho bà một nửa, vì ông không cố ý thả trâu vào phá ruộng mà là do trâu xông chuồng tự phá hoại.

2. Căn cứ pháp lý:

Khoản 1, Điều 603 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra cho người khác...”

- Khoản 1,2,3 Điều 585 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại như sau: *“1. Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thoả thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình.

3. Khi mức bồi thường không còn phù hợp với thực tế thì bên bị thiệt hại hoặc bên gây thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thay đổi mức bồi thường”.

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015, hòa giải viên phân tích để ông Ánh hiểu việc con trâu nhà mình đã xông chuồng chạy sang ruộng nhà bà Bê gần đó ăn gần hết ruộng lúa, cho dù là lỗi vô ý thì vẫn vi phạm quy định của pháp luật hiện hành.

- Thuyết phục bà Bê hiểu việc con trâu nhà ông Ánh đã xông chuồng chạy sang ăn gần hết ruộng lúa nhà bà là do lỗi vô ý, thiệt hại xảy ra là ngoài ý muốn của ông Ánh, do vậy việc đòi bồi thường toàn bộ thiệt hại do con trâu gây ra là không nên. Hai gia đình có thể thỏa thuận với nhau về mức bồi thường và hình thức bồi thường cho đúng quy định của pháp luật nhằm giữ tình làng, nghĩa xóm.

Tình huống 28: Gia đình anh Tú và chị Hồng là hàng xóm liền kề, sống với nhau rất hòa thuận, vui vẻ, bọn trẻ hay sang nhà nhau chơi, thậm chí ngủ lại qua đêm. Khi anh Tú phá nhà cũ để xây căn nhà mới 4 tầng, cao, đẹp thì nhà của chị Hồng bị nứt dài bên tường (phần liền kề với căn nhà của anh Tú), phải cải tạo lại thì mới bảo đảm an toàn. Theo chị Hồng, nguyên nhân tường bị nứt là do nhà anh Tú đã xây sát nhà chị, trong quá trình xây anh Tú đã không áp dụng biện pháp chằng chống, đào móng nhà còn sâu hơn móng nhà chị. Anh Tú thì cho rằng nguyên nhân tường nhà chị Hồng nứt không phải là do anh xây nhà tường đè vào mà do trước đây gia đình chị làm móng không chắc lâu ngày thì tường nứt là chuyện bình thường. Hai bên lời qua tiếng lại, không ai chịu ai, tình cảm giữa hai gia đình có dấu hiệu rạn nứt và ngày càng nghiêm trọng. Chị Hồng đã đề nghị tổ hòa giải hòa giải giúp vụ việc, bảo đảm hợp tình, hợp lý.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Khi anh Tú phá nhà cũ để xây căn nhà mới thì nhà của chị Hồng bị nứt dài bên tường (phần liền kề với căn nhà của anh Tú), phải cải tạo lại thì mới bảo đảm an toàn. Theo chị Hồng, nguyên nhân tường bị nứt là do nhà anh Tú đã xây sát nhà chị, trong quá trình xây anh Tú đã

không áp dụng biện pháp chằng chống, đào móng nhà còn sâu hơn móng nhà chị. Anh Tú thì cho rằng nguyên nhân tường nhà chị Hồng nứt không phải là do anh xây nhà tường đè vào mà do trước đây gia đình chị làm móng không chắc.

2. Căn cứ pháp lý:

- Điều 174 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ tôn trọng quy tắc xây dựng quy định: *“Khi xây dựng công trình, chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản phải tuân theo pháp luật về xây dựng, bảo đảm an toàn, không được xây vượt quá độ cao, khoảng cách mà pháp luật về xây dựng quy định và không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người có quyền khác đối với tài sản là bất động sản liền kề và xung quanh”*.

- Khoản 2,3 Điều 177 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Khi đào giếng, đào ao hoặc xây dựng công trình dưới mặt đất, chủ sở hữu công trình phải đào, xây cách mốc giới một khoảng cách do pháp luật về xây dựng quy định...”*

Trường hợp gây thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản liền kề và xung quanh thì chủ sở hữu cây cối, công trình phải bồi thường.”

- Điều 605, Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, người chiếm hữu, người được giao quản lý, sử dụng nhà cửa, công trình xây dựng khác phải bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác đó gây thiệt hại cho người khác...”*

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên, hòa giải viên phân tích để anh Tú hiểu việc anh xây nhà sát nhà chị Hồng không tuân thủ xây cách mốc giới một khoảng cách do pháp luật về xây dựng quy định là sai và anh phải có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình chị Hồng khi việc xây dựng nhà của anh Tú có nguy cơ đe dọa sự an toàn cho căn nhà chị Hồng.

- Thuyết phục chị Hồng và anh Tú vì tình cảm hàng xóm, sống với nhau rất hòa thuận vui vẻ nên thỏa thuận với nhau về việc bồi thường để đảm bảo cho công trình nhà chị Hồng sử dụng an toàn. Thuyết phục anh Tú phải tuân thủ quy tắc về xây dựng, bảo đảm cho công trình liền kề và an toàn tính mạng của hàng xóm.

- Trường hợp này tranh chấp tương đối phức tạp, nếu hòa giải thành, Hòa giải viên phổ biến quy định về việc yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành theo quy định tại Chương XXXIII, Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tình huống 29: Là hàng xóm, láng giềng thân thiết của nhau, ông Quý đã cho bà Thương vay 02 cây vàng để bà Thương bán đi lấy tiền hỗ trợ con trai xây dựng nhà mới. Thời hạn vay là 06 tháng (có giấy viết tay của bà

Thương), con trai của bà Thương cũng biết mẹ mình vay 02 cây vàng của ông Quý là để hỗ trợ cho mình. Ba tháng sau, trong một tai nạn giao thông, bà Thương đột ngột qua đời. Đến thời hạn trả nợ, ông Quý đã yêu cầu con trai bà Thương trả ông 02 cây vàng đó. Nhưng con trai bà Thương không trả vì việc vay vàng là do mẹ anh vay chứ anh không vay. Mẹ anh đã mất nên anh không có nghĩa vụ phải trả nợ thay. Sau nhiều lần đòi không được, ông Quý đã tìm đến Tổ hòa giải đề nghị giúp đỡ.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: ông Quý đã cho bà Thương vay 02 cây vàng để bà Thương bán đi lấy tiền hỗ trợ con trai xây dựng nhà mới. Thời hạn vay là 06 tháng (có giấy viết tay của bà Thương), con trai của bà Thương cũng biết mẹ mình vay 02 cây vàng của ông Quý là để hỗ trợ cho mình. Ba tháng sau, trong một tai nạn giao thông, bà Thương đột ngột qua đời. Đến thời hạn trả nợ, ông Quý đã yêu cầu con trai bà Thương trả ông 02 cây vàng đó. Nhưng con trai bà Thương không trả vì việc vay vàng là do mẹ anh vay chứ anh không vay.

2. Căn cứ pháp lý

- Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*

- Khoản 1, Khoản 2 Điều 466 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định: *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý”

- Khoản 1, Điều 615 Bộ luật quy định: *“ Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

3. Hướng dẫn giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên, hòa giải viên phân tích để con trai bà Thương hiểu việc mẹ anh vay vàng của ông Quý đến hạn trả nhưng mẹ anh đột ngột qua đời, là con trai anh đương nhiên được hưởng thừa kế do mẹ anh để lại. Vì vậy anh phải có nghĩa vụ trả nợ số vàng mẹ anh vay.

- Thuyết phục con trai bà Thương vì là hàng xóm láng giềng thân thiết của nhau, hơn nữa mẹ anh lại vay để hỗ trợ anh xây dựng nhà mới, anh nên nghĩ đến mẹ mình mà trả nợ cho ông Quý. Thuyết phục ông Quý, nếu con trai bà Thương

chưa có điều kiện trả thì có thể kéo dài thêm thời gian trả nợ và có thể trả thành nhiều lần.

Tình huống 30: Ông bà Khánh sinh được 3 người con gái. Cả ba người đều đã xây dựng gia đình và ra ở riêng. Khi mất, ông bà Khánh có để lại di chúc chung, chia đều toàn bộ di sản gồm căn nhà và diện tích đất đang ở cho 3 người con gái. Sau khi cả bố và mẹ mất, do ở xa và muốn có chỗ để thờ tự và cũng là nơi để cả ba chị em gặp nhau vào những ngày giỗ chạp, lễ, tết, người con gái thứ 2 và con gái út thoả thuận giao toàn bộ phần di sản thuộc quyền thừa kế của mình cho người chị cả quản lý. Do mãi cò bạc, lô đề, người chị cả muốn bán toàn bộ nhà đất đó nhưng cả hai em gái đều không đồng ý và tuyên bố nếu chị bán thì cả hai người sẽ đòi lại phần của họ đã giao cho người chị quản lý, bất đồng trong gia đình ngày càng lớn, hai người em gái đã tìm đến tổ hoà giải đề nghị giúp đỡ.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Khi mất, ông bà Khánh có để lại di chúc chung, chia đều toàn bộ di sản cho 3 người con gái. Sau khi cả bố và mẹ mất, do ở xa và muốn có chỗ để thờ tự và cũng là nơi để cả ba chị em gặp nhau vào những ngày giỗ chạp, lễ, tết, người con gái thứ 2 và con gái út thoả thuận giao toàn bộ phần di sản thuộc quyền thừa kế của mình cho người chị cả quản lý. Do mãi cò bạc, lô đề, người chị cả muốn bán toàn bộ nhà đất đó nhưng cả hai em gái đều không đồng ý và tuyên bố nếu chị bán thì cả hai người sẽ đòi lại phần của họ đã giao cho người chị quản lý.

2. Căn cứ pháp lý:

- Điều 616, Bộ luật Dân sự 2015 về người quản lý di sản quy định: “*Người quản lý di sản là người được chỉ định trong di chúc hoặc do những người thừa kế thoả thuận cử ra*”.

- Điểm b, Điều 617 nghĩa vụ của người quản lý di sản quy định: “*Bảo quản di sản; không được bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc định đoạt tài sản bằng hình thức khác, nếu không được những người thừa kế đồng ý bằng văn bản*”

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 về người quản lý di sản nêu trên, hòa giải viên phân tích để người chị cả hiểu khi được giao quản lý di sản không được bán.

- Thuyết phục chị cả vì tình cảm chị em, khi 2 người em đã tin tưởng giao toàn bộ phần di sản thuộc quyền thừa kế của mình cho chị cả quản lý thì chị cả phải quản lý di sản cho tốt. Trường hợp chị cả muốn bán có thể thoả thuận với các em cho mình bán đất được hưởng thừa kế của mình theo di chúc.

Tình huống 31: Vợ chồng ông Ruộng và bà Rẫy có một người con trai là Hà. Ông Ruộng còn có một người con riêng là Mạnh. Anh Mạnh đã được ông Ruộng hoàn tất các thủ tục nhận cha, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Sau khi ông Ruộng mất (không để lại di chúc), anh Mạnh yêu cầu được chia thừa kế đối với phần di sản của ông Ruộng để lại (bao gồm nhà và đất mà trước đây ông Ruộng và bà Rẫy cùng chung sức tạo dựng). Bà Rẫy và anh Hà không đồng ý, vì cho rằng, ông Ruộng không có tài sản nào để lại cả, tất cả nhà, đất và tài sản đều thuộc quyền sở hữu của mẹ con anh Hà; anh Mạnh là con riêng của ông Ruộng nên không có quyền hưởng thừa kế. Anh Mạnh đã tìm đến Tổ Hòa giải đề nghị giúp đỡ.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn:

Ông Ruộng mất (không để lại di chúc), anh Mạnh (con riêng của ông) yêu cầu được chia thừa kế đối với phần di sản của ông Ruộng để lại nhưng vợ và con trai của ông Ruộng (Bà Rẫy và anh Hà) không đồng ý.

2. Căn cứ pháp lý:

Điểm a, Khoản 1; Khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “ *Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết... Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau*”.

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên, hòa giải viên phân tích để bà Rẫy và anh Hà hiểu dù không muốn nhưng anh Mạnh vẫn là con ruột của ông Ruộng, vì vậy anh Mạnh vẫn được hưởng phần di sản của ông Ruộng để lại. Phân tích để các bên hiểu rằng: Khi ông Ruộng mất, tài sản của ông và bà Rẫy được chi làm 2 phần, phần di sản của ông để lại sẽ được chia đều cho 3 người (Bà Rẫy, anh Hà, anh Mạnh).

- Từ đó, thuyết phục anh Mạnh nên thỏa thuận với bà Rẫy và anh Hà về di sản do ông Ruộng để lại theo hướng các bên cùng có lợi. Đặc biệt, không nên để mất tình cảm gia đình (dù sao thì anh Mạnh và anh Hà cũng là anh em cùng cha khác mẹ).

Tình huống 32: Những cây ổi ở vườn sau nhà ông Bình có nhiều cành vươn sang phần đất nhà bà Mai. Đến mùa ổi chín, cháu Bảo (cháu nội bà Mai) thường rủ bạn bè về nhà rồi dùng cây chọc ổi nhà ông Bình. Ông Bình nhiều lần nhắc nhở, nhưng bọn trẻ vẫn không nghe lời, nên ông đã sang nói chuyện với bà Mai. Bà Mai cho rằng, quả ổi ở phần đất của ai thì người đó được hưởng. Mâu thuẫn nảy sinh giữa hai gia đình và yêu cầu tổ hòa giải giải quyết.

Giải quyết tình huống

Để tìm hiểu nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, hòa giải viên đến tận nhà gặp gỡ ông Bình và bà Mai. Sau khi hiểu rõ nguyên nhân sự việc, đồng thời nghiên cứu quy định pháp luật dân sự, tổ hòa giải áp đã hòa giải cho hai ông bà.

Hòa giải viên đã phân tích cho ông Bình hiểu việc để cành ổi vuron sang phần đất nhà bà Mai là không đúng với quy định của pháp luật dân sự, vì tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định; nếu rễ cây, cành cây vượt quá ranh giới thì phải xén rễ, cắt, tỉa cành phần vượt quá, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tuy nhiên, hai gia đình là hàng xóm của nhau, “tối lửa tắt đèn” có nhau nên với tinh thần “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, ông, bà cần bình tĩnh giải quyết vụ việc. Hòa giải viên cũng phân tích cho bà Mai thấy rằng bà cần phải có trách nhiệm khuyên bảo các cháu của bà không được tự ý chọc ổi trên phần đất nhà ông Bình. Việc làm này của các cháu đã được ông Bình nhắc nhở, nhưng các cháu không nghe lời người lớn như vậy là không ngoan.

Sau khi được hòa giải viên phân tích, ông Bình và bà Mai đã thống nhất cùng ngồi lại nói chuyện và thỏa thuận với nhau việc khai thác phần hoa lợi này. Theo đó, nhà bà Mai được khai thác phần quả vuron sang đất nhà mình mà không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, cây cối bên nhà ông Bình. Bà Mai cũng hứa sẽ nhắc nhở các cháu phải xin phép ông Bình trước khi hái ổi và chỉ được hái những quả ổi ở những cành vuron sang đất nhà bà Mai, không được chọc lấy những quả bên nhà ông Bình.

Tình huống 33: Ranh giới giữa hai mảnh đất thổ cư của hộ gia đình bà Hà và hộ gia đình ông Tý không có bờ tường ngăn cách. Do vậy, ông Tý có trồng cây mít ở khu vực ranh giới này và cho rằng đây là phần đất nhà mình, còn theo bà Hà thì ông Tý đã trồng cây mít lấn sang phần đất nhà bà, nên hai bên xảy ra cãi vã, xô xát.

Quá trình hòa giải

Khi nhận được thông tin sự việc, tổ hòa giải đã tiến hành tìm hiểu, xác minh vụ việc hòa giải, phân tích cho hai bên hiểu rõ sự việc, nhưng cuộc hòa giải không thành.

Để chuẩn bị tiến hành hòa giải lần 2, tổ hòa giải đã đề nghị UBND xã cử công chức địa chính và công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp đến xóm phối hợp cùng tiếp tục hòa giải.

Tại buổi hòa giải lần thứ hai, tổ hòa giải đã phân tích nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tranh chấp giữa hai hộ là có thể giải quyết được nếu xác định được mốc giới thửa đất giữa hai hộ. Tổ hòa giải đề nghị hai hộ phải bình tĩnh để xem xét giải quyết vấn đề bằng tình cảm, hơn nữa, giữa hai gia đình còn mối quan hệ anh em, họ hàng đã lâu đời “*tối lửa tắt đèn có nhau*”.

Tổ hòa giải cũng nêu quy định tại Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ tôn trọng ranh giới giữa các bất động sản liền kề, để các bên hiểu và thực hiện:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận của các chủ sở hữu hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ ba mươi năm trở lên mà không có tranh chấp.

2. Người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất liền kề của người khác.

Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định; nếu rễ cây, cành cây vượt quá ranh giới thì phải xén rễ, tỉa cành phần vượt quá, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng thì người sử dụng đất có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung; không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách”.

Sau khi nghe phân tích, khuyên nhủ, ông Tý có ý kiến: “Tôi cũng không muốn điều tiếng xấu xảy ra, vì từ trước đến nay giữa hai gia đình chúng tôi không có vấn đề gì, hiện nay chỉ vì bà Hà rào lấn sang đất nhà tôi, nên tôi đề nghị địa chính xã xác định giúp ranh giới đất giữa nhà tôi và nhà bà Hà cho cụ thể”. Ý kiến của bà Hà cũng đồng ý đề nghị cán bộ địa chính xác định lại ranh giới. Sau khi xác định lại ranh giới xong, hai hộ đã đồng ý và tiến hành cắm mốc, có sự chứng kiến của tổ hòa giải, cán bộ tư pháp - hộ tịch và cán bộ địa chính. Ngay buổi hòa giải hôm đó, ông Tý đã cho nhổ cây mít trồng lấn sang đất nhà bà Hà, để trả lại đất.

TÌNH HUỐNG

PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tình huống 1: Anh Tuấn (27 tuổi) và chị Vân (28 tuổi) đều có nghề nghiệp ổn định và có đủ điều kiện kết hôn. Sau thời gian dài tìm hiểu anh, chị đã quyết định việc kết hôn. Song do trước đây, mẹ anh Tuấn có mâu thuẫn với gia đình chị Vân nên khi anh chị về xin phép gia đình tổ chức lễ cưới, mẹ anh Tuấn đã không đồng ý. Tuy vậy, họ vẫn quyết định kết hôn và cùng đến Ủy ban nhân dân xã, hoàn tất thủ tục xin đăng ký kết hôn. Biết chuyện, mẹ anh Tuấn đã đến Ủy ban nhân dân xã yêu cầu không cho anh Tuấn và chị Vân đăng ký kết hôn. Bà còn gặp chị Vân mắng chửi và dọa sẽ từ mặt con nếu anh Tuấn và chị Vân vẫn cố tình đăng ký kết hôn. Để giải tỏa mâu thuẫn, Anh Tuấn đã xin tạm hoãn ngày đăng ký kết hôn lại và đến nhờ Tổ hòa giải giúp đỡ thuyết phục mẹ mình.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: mẹ anh Tuấn không đồng ý để anh Tuấn kết hôn với chị Vân vì trước đây mẹ anh Tuấn có mâu thuẫn với gia đình chị Vân.

2. Căn cứ pháp lý:

Điểm b, Khoản 2; Khoản 3 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cấm những hành vi như sau: “ *Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn... Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình*”.

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nêu trên, hòa giải viên cần phân tích để mẹ anh Tuấn hiểu việc bà gặp chị Vân mắng chửi và dọa sẽ từ mặt con nếu anh Tuấn và chị Vân vẫn cố tình đăng ký kết hôn là sai với quy định của pháp luật.

- Bên cạnh đó, Hòa giải viên cần thuyết phục mẹ anh Tuấn để mẹ anh hiểu việc anh Tuấn muốn lấy chị Vân là dựa trên cơ sở tình cảm, tìm hiểu một thời gian dài, hôn nhân được xây dựng trên nền tảng của tình yêu thì mới có hạnh phúc dài lâu. Bà càng cấm cản thì càng làm khổ con trai mà thôi, để từ đó vì yêu thương con trai, quan tâm đến tương lai của con trai và tình cảm gia đình sau này bà không phản đối việc kết hôn của anh chị nữa.

Tình huống 2: Anh Hòa và chị Trinh kết hôn đã được 20 năm, sinh được 2 cháu, một trai, một gái, hiện có 2 con đang tuổi đi học. Cuộc sống của gia đình anh chị rất khó khăn, hàng ngày chị tần tảo bán rau kiếm sống, anh thì làm nghề chạy xe ôm. Gần đây, anh Hòa bỏ bê công việc, thường xuyên đánh số đề, lại nghiện rượu. Do kiếm sống khó khăn, lại không có nhiều tiền, anh Hòa thường to tiếng, chửi bới, xúc phạm, thậm chí “thượng cẳng chân, hạ cẳng tay” với vợ. Chị Trinh do cuộc sống vất vả, làm việc mệt mỏi nên đôi khi cũng nặng lời, xia xói chồng, gần đây hai vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, gây mất trật tự ấp xóm.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Do kiếm sống khó khăn, lại không có nhiều tiền, anh Hòa thường to tiếng, chửi bới, xúc phạm, thậm chí “thượng cẳng chân, hạ cẳng tay” với vợ. Chị Trinh do cuộc sống vất vả, làm việc mệt mỏi nên đôi khi cũng nặng lời, xia xói chồng, gần đây hai vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, gây mất trật tự ấp xóm.

2. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

- Khoản 1 Điều 5 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023) nghiêm cấm: “*Các hành vi bạo lực gia đình sau: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng*”.

- Khoản 1, Điều 52 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình quy định: “*Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình*”.

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở các quy định Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, Nghị định 144/2021/NĐ-CP nêu trên, hòa giải viên cần phân tích để anh Hòa hiểu việc anh bỏ bê công việc, thường to tiếng, chửi bới, xúc phạm, đánh chị Trinh vợ anh là vi phạm quy định của pháp luật.

- Thuyết phục 2 bên vì tình cảm vợ chồng đã sống với nhau lâu năm không nên cãi vã to tiếng và không để xảy ra xung đột. Cần thuyết phục để anh Hòa chị Trinh hiểu được vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Chỉ có vợ chồng đồng sức, đồng lòng thì gia đình mới yên ấm hạnh phúc, kinh tế gia

đình mới phát triển. Thay vì xia xói, chửi bới nhau hai vợ chồng nên dành thời gian đó để bàn bạc cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Tình huống 3: Sau khi kết hôn, cho rằng mình là người làm ra tiền, vợ thì lương thấp nên anh Khang không cho phép chị Mai (là vợ) tham gia ý kiến khi mua sắm, định đoạt tài sản của gia đình, kể cả việc mua sắm những vật dụng nhỏ. Nhiều lần chị Mai góp ý anh nên bàn bạc để thống nhất giữa vợ và chồng nhưng anh Khang không nghe. Nhiều lúc chán, chị Mai sinh căng thẳng, bức xúc, vợ chồng to tiếng. Gần đây vợ chồng anh Khang thường xuyên xung đột, cãi vã, cuộc sống gia đình rất căng thẳng làm ảnh hưởng đến trật tự khu dân cư.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Khang nghĩ rằng mình là người làm ra tiền nên không cho phép vợ tham gia ý kiến vào bất kỳ vấn đề gì liên quan đến việc định đoạt tài sản của vợ chồng anh chị, chị Mai không đồng ý, sau nhiều lần tranh cãi vẫn không giải quyết được nên mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng nghiêm trọng.

2. Căn cứ pháp lý:

Khoản 2, Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “... 2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình...”

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Khoản 2, Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006, hòa giải viên cần phân tích để anh Khang hiểu, vợ anh mặc dù thu nhập thấp nhưng cũng được bình đẳng trong việc sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng, việc anh không cho phép chị Mai tham gia ý kiến khi mua sắm là vi phạm quy định của pháp luật.

- Thuyết phục anh Khang vì tình cảm vợ chồng không nên cãi vã to tiếng và không để xảy ra xung đột; nên tôn trọng và hỏi ý kiến vợ khi mua sắm, định đoạt tài sản của gia đình. Từ xưa các cụ nhà ta đã dạy rằng “Của chồng công vợ” anh nên xem xét lại hành vi của mình và biết yêu thương chia sẻ với vợ hơn.

Tình huống 4: Ngày cưới anh Bình và chị Tâm, mẹ chồng và bà con họ hàng nội ngoại đã tặng chị Tâm rất nhiều nữ trang (khoảng 03 lượng vàng). Sau ngày cưới, hai anh chị đã bán số vàng đó lấy tiền mua một chiếc xe máy (anh Bình đứng tên chủ sở hữu). Số tiền còn lại dùng làm vốn mở cửa hàng tạp hóa. Do nợ tiền chơi cờ bạc đến hạn phải trả, anh Bình đã bán chiếc xe máy lấy tiền trả nợ mà không hỏi ý kiến chị Tâm. Hai vợ chồng to tiếng, cãi vã nhau, anh Bình cho rằng xe máy đứng tên anh, anh có quyền bán. Chị Tâm cho rằng tiền mua xe là từ tiền bán vàng của chị được tặng. Không ai

chịu ai, cả giận, mất khôn anh Bình cầm gậy đánh vào chân chị Tâm làm rạn xương bàn chân phải đi bệnh viện, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Do nợ tiền chơi cờ bạc đến hạn phải trả, anh Bình đã bán chiếc xe máy (do chị Tâm bán vàng được tặng khi cưới để mua) lấy tiền trả nợ mà không hỏi ý kiến chị Tâm. Không ai chịu ai, cả giận, mất khôn anh Bình cầm gậy đánh vào chân chị Tâm làm rạn xương bàn chân phải đi viện, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng.

2. Căn cứ pháp lý:

Điều 33, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung...”*

Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng...”

- Khoản 1 Điều 5 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023) nghiêm cấm: *“ Các hành vi bạo lực gia đình sau: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”*.

- Khoản 1, Điều 52 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình quy định: *“ Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình”*.

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở các quy định của Luật Hôn nhân gia đình, Luật phòng chống bạo lực gia đình, Nghị định 144/2021/NĐ-CP nêu trên, hòa giải viên cần phân tích để anh Bình hiểu việc anh bán xe máy (được mua từ số tiền, vàng chị Tâm được tặng ngày cưới) không hỏi ý kiến chị mà còn đánh chị là vi phạm pháp luật.

- Thuyết phục hai bên vì tình cảm vợ chồng không nên cãi vã to tiếng và không để xảy ra xung đột. Khuyến chị Tâm cần nhẹ nhàng khuyên bảo, nói chuyện phải trái với chồng. Không nên phản ứng lại thái quá như đổ thêm dầu vào lửa làm rạn vỡ tình cảm vợ chồng. Hai vợ chồng nên ngồi lại cùng nhau bàn bạc cách giải quyết những khó khăn trước mắt.

Tình huống 5: Anh Hùng kết hôn với chị Bích năm 2002. Sau khi kết hôn, hai người sống chung với bố mẹ chồng và sinh được 01 người con. Khi bố mẹ anh Hùng tiến hành cải tạo lại căn nhà, vợ chồng anh chị đã đưa cho bố mẹ 400 triệu đồng (đây là số tiền do hai vợ chồng tiết kiệm được). Quá trình chung sống giữa mẹ chồng và nàng dâu thường có nhiều xích mích. Do anh Hùng thường đứng về phía mẹ nên chị Bích rất bức xúc, căng thẳng có lúc được đẩy lên cao, mỗi lần như thế là một lần to tiếng, cãi vã. Không chịu nổi cuộc sống căng thẳng, chị Bích có ý định ly hôn chồng nhưng chị còn băn khoăn không biết nếu ly hôn, quyền lợi của chị sẽ thế nào, trong khi chị vẫn rất yêu chồng, thương con. Chị đã tìm đến Tổ hòa giải nhờ giúp đỡ.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống giữa mẹ chồng và nàng dâu thường có nhiều xích mích. Do anh Hùng thường đứng về phía mẹ nên chị Bích rất bức xúc, căng thẳng, mỗi lần như thế là một lần to tiếng, cãi vã. Không chịu nổi cuộc sống căng thẳng, chị Bích có ý định ly hôn chồng nhưng chị còn băn khoăn không biết nếu ly hôn, quyền lợi của chị sẽ thế nào, trong khi chị vẫn rất yêu chồng, thương con.

2. Căn cứ pháp lý:

Khoản 1, 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*

Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng.”

- Khoản 2, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: ... Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập”*

3. Hướng giải quyết

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nêu trên, Hòa giải viên cần phân tích cho chị Bích hiểu rõ các quy định liên quan, theo đó nếu chị ly hôn chị được

chia một phần tài sản phù hợp với công sức đóng góp của vợ, chồng trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung của gia đình nhà chồng.

- Tuy nhiên, trong trường hợp này, nhiệm vụ chính của Hòa giải viên là thuyết phục hai bên không nên cãi vã to tiếng và không để xảy ra xung đột, các bên có nghĩa vụ tôn trọng lẫn nhau. Cần thuyết phục để anh Hùng hiểu rõ cách cư xử của anh là nguyên nhân chính gây ra vụ việc. “Bên hiếu, bên tình” bên nào cũng nặng, vì vậy anh phải khéo léo, hòa giải mâu thuẫn giữa vợ và mẹ không nên đứng về một phía. Cố gắng thuyết phục các bên hàn gắn mọi quan hệ gia đình, hạn chế đổ vỡ.

Tình huống 6: Sau khi kết hôn, chị Ngân và anh Đức được bố mẹ chồng tặng 200m² đất để xây dựng nhà. Thủ tục cho tặng quyền sử dụng đất đã được hoàn tất, nhà ở đã được xây bằng tiền mà hai vợ chồng Đức và Ngân đã dành dụm được sau khi cưới và bố mẹ hai bên cho thêm. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên chị Ngân và anh Đức. Hai vợ chồng anh Đức, chị Ngân sống với nhau rất hạnh phúc nhưng mãi chưa có con. Sau nhiều lần khám bệnh, bác sĩ thông báo chị Ngân không có khả năng mang thai và sinh con. Thương chồng, chị Ngân thuyết phục anh Đức ly hôn để anh có thể lấy vợ mới còn sinh con để gia đình có cháu nối dõi. Trong quá trình chờ tòa án giải quyết việc ly hôn, anh Đức đột ngột qua đời, chị Ngân vẫn sinh sống tại căn nhà đó. Sau khi anh Đức chết được 100 ngày, bố mẹ anh Đức yêu cầu chị Ngân phải trả lại toàn bộ diện tích đất mà vợ chồng ông đã cho trước đây. Chị Ngân không đồng ý, nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần cãi vã, lớn tiếng với nhau.

Giải quyết tình huống:

1. Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Ngân và anh Đức được bố mẹ chồng tặng 200m² đất để xây dựng nhà. Thủ tục cho tặng quyền sử dụng đất đã được hoàn tất. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên chị Ngân và anh Đức. Anh Đức đột ngột qua đời, chị Ngân vẫn sinh sống tại căn nhà đó. Sau khi anh Đức chết được 100 ngày, bố mẹ anh Đức yêu cầu chị Ngân phải trả lại toàn bộ diện tích đất mà vợ chồng ông đã cho trước đây. Chị Ngân không đồng ý.

2. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 2, Điều 655 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản”.*

- Điều a, Khoản 1; Khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết... Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau”.*

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên, hòa giải viên phân tích để bố mẹ anh Đức hiểu ông bà đã tặng đất cho 2 vợ chồng con trai của ông bà và mảnh đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên chị Ngân và anh Đức. Anh Đức con trai ông bà đột ngột qua đời, thì chị Ngân vợ anh đương nhiên được hưởng phần di sản do anh để lại.

- Thuyết phục bố mẹ anh Đức và chị Ngân vì tình cảm gia đình, tình cảm mẹ con không nên cãi vã, lớn tiếng với nhau mà nên thỏa thuận về việc chia di sản của anh Đức để lại một cách hợp lý, vì chị Ngân đang trong quá trình chờ Tòa án giải quyết ly hôn, trên danh nghĩa vẫn là dâu con trong gia đình.

Tình huống 7: Gia đình ông Nam có 04 bốn người con trai. Sau khi lập gia đình, các con đều sống chung cùng với ông bà. Thời gian gần đây, ông Nam thường đối xử không bình đẳng giữa các con, nhất là đối với anh Tân – người con trai thứ hai. Ông Nam thường xỉ vả, chửi bới anh Tân. Đang trong thời gian nghỉ chờ việc mới, bị bố đối xử thường xuyên với mình như vậy, anh Tân sinh chán nản, hay uống rượu và lêu lổng quán xá. Mâu thuẫn giữa hai cha con ngày càng trầm trọng, có lúc anh Tân đã từng dọa đánh cha, may nhờ có gia đình và hàng xóm can ngăn, nên không xảy ra hậu quả đáng tiếc.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa ông Nam và anh Tân con trai ông là do ông Nam thường xuyên đối xử không bình đẳng giữa các con, nhất là đối với anh Tân, ông thường xỉ vả, chửi bới anh Tân, do đang trong thời gian chưa có việc làm nên anh Tân sinh chán nản, hay uống rượu, có lúc dọa đánh cha...

2. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1, Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ và quyền của cha mẹ : *“Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội”*

- Khoản 1, Khoản 2, Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của con quy định: *“Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.*

Có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình”.

- Khoản 1 Điều 5 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023) nghiêm cấm: “*Các hành vi bạo lực gia đình sau: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”.*

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên các cơ sở quy của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 nêu trên, hòa giải viên cần phân tích để ông Nam hiểu nghĩa vụ của người cha như ông là cần yêu thương con, không được phân biệt đối xử với con...; về phần anh Tân phải có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình...

- Thuyết phục, động viên anh Tân không uống rượu và lêu lổng quán xá, tập trung tìm công việc phù hợp và hai cha con không nên to tiếng, gây căng thẳng làm ảnh hưởng đến hàng xóm.

Tình huống 8: Vợ chồng anh Quang và chị Xuyên có hai người con tên là Hà Linh và Hà Phương (2 cháu dưới 15 tuổi). Trước khi mất, chị Xuyên có làm di chúc để lại cho mỗi chị em Hà Linh, Hà Phương 2 lượng vàng (số vàng này anh Quang giữ). Ba năm sau, anh Quang tái hôn với người khác. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh Quang muốn bán 4 lượng vàng để lấy tiền nuôi các con ăn học. Biết chuyện, ông bà ngoại hai cháu Hà Linh, Hà Phương đã không đồng ý cho anh Quang bán số vàng trên. Giữa anh Quang và bố mẹ vợ đã nảy sinh mâu thuẫn.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa anh Quang và bố mẹ vợ là do anh Quang muốn bán 4 lượng vàng mà chị Xuyên đã di chúc để lại cho 2 con gái để lấy tiền nuôi các con ăn học.

2. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1, Điều 77 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trường hợp cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý tài sản riêng của con dưới 15 tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con, nếu con từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định Khoản 1, Điều 77 Luật Hôn nhân và gia đình, hòa giải viên căn cứ vào độ tuổi của các con để phân tích cho các bên hiểu quyền của anh Quang và quyền của 2 con gái trong việc định đoạt tài sản đó.

- Đồng thời phân tích để ông bà ngoại hai cháu hiểu do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên anh Quang mới phải bán 4 lượng vàng để lấy tiền nuôi các con. Khuyến anh Quang có thể tìm cách khác để lấy tiền nuôi con vì 4 lượng vàng là tài sản mà người mẹ đã mất để lại, nó không những có giá trị vật chất mà còn có ý nghĩa về mặt tinh thần đối với các cháu.

Tình huống 9: Theo Quyết định của Tòa án, sau khi ly hôn, chị Bê là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bình - con gái của chị và anh Đê. Còn anh Đê có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức tiền 2.000.000đ/tháng. Trước năm 2016, trách nhiệm cấp dưỡng đã được anh Đê thực hiện đầy đủ. Nhưng từ tháng 01/2016 đến nay, anh Đê chỉ chu cấp 1.000.000đ/tháng với lý do mới tái hôn, phải lo toan cho gia đình mới. Chị Bê không đồng ý với mức cấp dưỡng này, nhiều lần chị đã yêu cầu anh Đê phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo đúng phán quyết của Tòa án, nếu không chị sẽ không cho anh Đê gặp con. Vì thế, giữa hai người đã nảy sinh mâu thuẫn. Vụ việc này sẽ hòa giải như thế nào?

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa anh Đê và chị Bê là do anh Đê không chuyển đủ mức tiền cấp nuôi dưỡng con hàng tháng sau ly hôn theo phán quyết của Tòa án, chị Bê đã nhiều lần yêu cầu anh Đê thực hiện đúng trách nhiệm của mình nếu không chị sẽ không cho anh Đê gặp con dẫn đến mâu thuẫn giữa hai người.

2. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 2, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*.

- Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định đối với con; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.*

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.”

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở các quy của Luật Hôn nhân và gia đình nêu trên, phân tích cho anh Đê hiểu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con anh phải thực hiện đúng theo quyết định của Tòa án; phân tích chị Bê hiểu chị có quyền yêu cầu anh Đê cấp dưỡng cho cháu Bình hàng tháng đúng mức tiền Tòa án quyết định nhưng chị không có quyền cản trở anh Đê trong việc thăm nom con.

- Thuyết phục hai bên vì lợi ích của con có thể thỏa thuận cùng nhau thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của mình với cháu Bình đảm bảo cho cháu có cuộc sống vật chất và tinh thần tốt nhất có thể.

Tình huống 10: Anh An và chị Hòa kết hôn đã được mười năm, họ đã có với nhau một con chung, gia đình sống hạnh phúc. Một lần, trong lúc dọn dẹp tủ sách của chồng, tình cờ chị thấy một tấm ảnh của anh An chụp với người yêu cũ và những bức thư tình với lời lẽ yêu thương thắm thiết. Không nén được cơn nóng giận, chị Hòa đã nặng lời với anh An, yêu cầu anh xé tấm ảnh đó trước mặt chị. Anh An không làm theo yêu cầu của chị Hòa, mâu thuẫn của hai vợ chồng phát sinh. Kể từ đó, anh An thường xuyên vắng nhà, chị Hòa cho rằng anh An không chung thủy, nên đã làm đơn xin ly hôn (mặc dù anh An không đồng ý). Vụ việc được đưa đến tổ hòa giải.

Giải quyết tình huống:

Sau khi tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn, hòa giải viên đã nắm được mấu chốt của vấn đề để tìm biện pháp tháo gỡ là: Chị Hòa ghen hờn với quá khứ của chồng, cho rằng chồng mình còn vương vấn chuyện cũ và không chung thủy, nên giận dỗi, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Về phía anh An, hiện tại anh rất thương yêu chị Hòa và không hề có ý “chia tay” với chị, việc anh đi sớm về khuya trong lúc này xuất phát từ sự “phản ứng” quá mức của chị Hòa và do công việc quá bận, anh phải tập trung thời gian giải quyết. Vì vậy, hòa giải viên đã tập trung giải thích, thuyết phục về phía chị Hòa để nhanh chóng đạt kết quả.

Hòa giải viên đã khuyên chị bình tĩnh khi quyết định một chuyện hệ trọng như thế và đã giải thích cho chị hiểu rằng: Việc anh An giữ tấm ảnh và những bức thư đó chẳng qua chỉ là do anh trân trọng quá khứ, muốn giữ gìn những kỷ niệm đẹp mà thôi. Hiện tại, anh đã không còn liên hệ gì với người yêu cũ và đang sống rất tốt với chị. Việc chị nặng lời với anh An và bắt anh phải xé tấm ảnh như thế là không đúng, là thiếu sự tôn trọng và tế nhị - thái độ đó đã khiến cho anh A mặc cảm, tự ái. Ông bà ta thường nói “ớt nào mà ớt chẳng cay” nhưng “cay” như trong trường hợp này thì là quá liều cho phép.

Riêng đối với anh An, hòa giải viên cũng giải thích và phân tích cho anh hiểu rằng: Sau khi xảy ra sự việc đó, anh thường xuyên vắng nhà là không đúng. Mặc dù thái độ của chị Hòa có làm cho anh tự ái, cảm thấy bị xúc phạm, nhưng với vai trò của người chồng, anh cần phải có sự cảm thông đối với vợ. Anh cần phải hiểu rằng, chính vì quá yêu anh nên chị Hòa mới ghen và không muốn chia sẻ tình cảm đó cho bất cứ một người con gái nào khác. Chính vì sợ mất anh, nên trong cơn nóng giận, chị muốn anh phải “đoạn tuyệt” với quá khứ, chị không muốn một hình bóng nào chen vào hạnh phúc của chị - dù đó chỉ là cái bóng mờ của quá khứ. Vì vậy, trong trường hợp này, anh cần phải hết sức bình tĩnh để giải thích cho vợ mình hiểu để được chị chia sẻ, cùng trân trọng quá khứ của nhau.

Trên cơ sở những lý lẽ thuyết phục, hòa giải viên đã lồng ghép giới thiệu những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để anh An và chị Hòa thấy rõ hơn nghĩa vụ của mình, từ đó có cách ứng xử tốt hơn trong cuộc sống như: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* (khoản 1 Điều 19); *“Vợ chồng tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”* (Điều 21)...

Sau khi được hòa giải viên phân tích đúng sai, vợ chồng anh đã nhận ra thiếu sót, khuyết điểm trong cách cư xử của mình và hứa sẽ tái phạm.

Tình huống 11: Từ khi kết hôn, anh Khánh cho rằng mọi việc trong gia đình phải do người chồng quyết định, nên không cho phép vợ là chị Lan tham gia ý kiến vào bất kỳ vấn đề gì liên quan đến việc định đoạt tài sản của vợ chồng, kể cả việc mua những vật dụng nhỏ trong gia đình. Vì anh Khánh cho rằng, toàn bộ tài sản của gia đình đều do anh làm ra, lương giáo viên mẫu giáo của chị Lan không đủ nuôi sống bản thân huống chi có đóng góp cho gia đình. Chị Lan thấy mình không có quyền gì trong gia đình, mà phải thực hiện nhiều nghĩa vụ, nên bất bình và sau nhiều lần tranh cãi, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị ngày càng nghiêm trọng.

Giải quyết tình huống

Qua quá trình tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn, hoà giải viên xác định hành vi của anh Khánh là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Cụ thể:

Khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 18 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định về bình đẳng giới trong gia đình như sau:

“... 2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.

3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

...

Tại Điều 41 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình gồm:

“1. Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

2. Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.

...

5. Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định”.

Theo khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, quy định:

“2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính;

...

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dùng vũ lực nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.”

Sau khi được hoà giải viên khéo léo góp ý và nêu ra những quy định của pháp luật để tuyên truyền, giải thích, vận động, anh Khánh hiểu được các hành vi của anh đối với vợ là không công bằng và vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Qua đó, anh Khánh hứa sẽ dần thay đổi, để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

Tình huống 12: Anh Phong và chị Kha kết hôn theo đúng quy định pháp luật, sau đó sinh được một bé gái tên là Hoa. Do bất đồng về quan niệm sống và đời sống gặp khó khăn (mặc dù anh Phong chí thú làm ăn bằng nghề chạy xe Honda ôm, nhưng thu nhập không đủ trang trải trong cuộc sống hàng ngày). Do đó, chị Kha đơn phương làm đơn xin ly hôn, Tổ hoà giải xã có mời đến hoà giải đoàn tụ nhưng không thành nên chuyển lên toà án huyện và cũng hoà giải không thành. Do đó, toà án huyện đưa vụ án ra xét xử và cho ly hôn. Bé Hoa mới được 32 tháng tuổi, nên Toà án huyện giao cho chị Kha nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn được 3 tháng, thì chị Kha đi lấy chồng Đài Loan, chị gửi con lại cho mẹ ruột là bà Cúc nuôi. Chị Kha lấy chồng được 3 năm mà chưa về thăm con. Khi cháu Hoa đi học, anh Phong thường đến trường thăm con, mua quà, bánh và mua đồ học tập cho con. Một hôm, vì quá thương con, anh Phong đã dẫn con về nhà nuôi, cháu Hoa không có phản ứng. Nhưng Bà Cúc không bằng lòng nên làm đơn gửi UBND xã. Vụ việc được chuyển về tổ hoà giải.

Giải quyết tình huống:

Xác định mâu thuẫn và nguyên nhân: Bà Cúc không đồng ý để anh Phong dẫn con về nhà nuôi vì cháu bé đã được chị Kha gửi cho bà chăm sóc.

Tổ hoà giải cử hoà giải viên gặp trực tiếp bà Cúc để khuyên răn và trấn an bà, đồng thời giải thích rõ quyền lợi và nghĩa vụ của cha mẹ trong Luật Hôn nhân và gia đình "1. *Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội...*" (Khoản 1, Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Hòa giải viên cũng giải thích cho bà Cúc rằng: Qua tìm hiểu thì được biết anh Phong rất thương con và thường xuyên thăm con trong lúc đến trường, cháu Hoa cũng rất yêu bố. Hiện nay, anh Phong đã chí thú làm ăn và chưa có vợ, giải thích điều này để bà Cúc thấy rằng anh Phong rất thương con và còn thương vợ, cho nên anh Phong chưa bước thêm bước nữa.

Riêng đối với anh Phong, hoà giải viên cũng đã phân tích về lý và tình, vì việc anh Phong tự ý đem con về nuôi là chưa đúng, lẽ ra anh phải tự mình hoặc nhờ người có uy tín thuyết phục bà Cúc để bà hiểu là anh rất thương con, muốn đem con về nuôi, lo cho con ăn học, dạy dỗ và hứa rằng khi nào chị Kha về sẽ thoả thuận việc nuôi con và xem ý nguyện cháu Hoa muốn sống cùng với ai.

Trao đổi với bà Cúc và anh Phong, hai bên thấy thấu tình đạt lý, tổ hoà giải sắp xếp mời hai bên lên hoà giải. Tại buổi hòa giải, bà Cúc và anh Phong trình bày xong, hoà giải viên mời hai người có uy tín phân tích động viên bà Cúc và anh Phong. Sau cùng hoà giải viên nêu rõ quy định của Luật hôn nhân và gia đình có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ đối với con, đại diện cho con "cha, mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên..." để hai bên thấu hiểu vì mục đích chung là lợi ích của con cháu.

Qua khuyên giải và phân tích, cuối cùng bà Cúc đồng ý để cháu Hoa cho anh Phong chăm sóc và anh Phong hứa sẽ thường xuyên cho cháu về thăm nom bà.

Tình huống 13: Anh Đức và chị Vi lấy nhau đã được gần 15 năm, hiện có 2 con đang tuổi đi học. Cuộc sống gia đình anh chị rất vất vả, hàng ngày, chị tần tảo buôn bán ở chợ để kiếm sống, còn anh chạy xe ba gác.

Thời gian gần đây, anh Đức bỗng nhiên bỏ bê công việc, lao vào đánh đê, cờ bạc, rượu chè bê tha. Chị Vi đã nhiều lần khuyên nhủ, thuyết phục chồng, nhưng không được. Hai vợ chồng thường xuyên to tiếng, xô xát, anh Đức đã nhiều lần ra tay đánh chị Vi, gây mất trật tự.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được thông tin, tổ hòa giải đã phân công hòa giải viên tìm hiểu sự việc và tiến hành hòa giải.

Qua tìm hiểu, tổ hòa giải nhận thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đức và chị Vi một phần là do kinh tế khó khăn, các con đang tuổi ăn học cần nhiều khoản đóng góp, trong nhà lại có mẹ già bệnh tật, ốm yếu cần chi phí để thuốc men chạy chữa. Thêm vào đó dạo gần đây, anh Đức đua đòi

chúng bạn đánh đề, cờ bạc muốn được giàu lên nhanh chóng để cải thiện cuộc sống, rượu chè bê tha không thiết tha gì việc chăm lo kinh tế gia đình. Chị Vi thường xuyên khuyên nhủ chồng nhưng không được, nhiều lần lời qua tiếng lại, dẫn đến việc anh Đức đã ra tay đánh chị Vi.

Từ nguyên nhân trên, tổ hòa giải đã phân tích đúng sai, thuyết phục hòa giải hai bên.

Đối với anh Đức, các hòa giải viên đã phân tích cho anh hiểu, việc anh say mê lô đề, cờ bạc, rượu chè bê tha là việc làm sai trái, không những gây thiệt hại cho kinh tế gia đình vốn đã rất khó khăn, mà còn là hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự trị an của xã hội, sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu có dấu hiệu tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hơn thế nữa, việc vợ khuyên nhủ không nghe mà đánh chửi vợ là không đúng, trái với các quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới, trái với đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân. Là trụ cột của gia đình, anh phải là tấm gương cho con cái học tập, noi theo, là động lực để mẹ anh vượt qua ốm đau bệnh tật, là chỗ dựa cho vợ con, khích lệ tinh thần để vợ con và gia đình vượt qua khó khăn. Nếu anh cứ tiếp tục tình trạng trên sẽ làm cho tình cảm vợ chồng, cha con bị tổn thương, không còn sự kính trọng của con cái, dẫn đến ly hôn, gia đình đổ vỡ.

Đối với chị Vi, các hòa giải viên cũng phân tích giúp chị hiểu thuyết phục chồng là đúng, nhưng cần phải gần gũi, phân tích nhẹ nhàng, kiên trì, biết kìm chế nóng giận, không nên chì chiết, mắng chửi chồng. Trong những lúc vợ chồng to tiếng, không nên có những lời nói xúc phạm nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Chị nên nhẹ nhàng khuyên bảo chồng hãy nhìn vào tương lai của con cái, chăm sóc mẹ già ốm đau, bệnh tật, để làm động lực giúp anh tránh xa các tệ nạn xã hội mà quay về chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, chị cần phải phối hợp với các con và người thân, họ hàng hai bên gia đình để có biện pháp giúp đỡ chồng.

Sau một thời gian gặp gỡ phân tích, thuyết phục, anh Đức và chị Vi đã thấu hiểu. Cả hai anh chị đã nhận ra những sai trái của mình, bản thân tự kiểm điểm và hứa sống hòa thuận, không để xảy ra mâu thuẫn.

Tình huống 14: Giữa bà Dung và con dâu là chị Hà thường xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ những việc vặt vãnh trong gia đình. Bà Dung thì khó tính, hay để ý, khắt khe với con dâu. Còn chị Hà thì nói năng thiếu lễ phép với mẹ chồng, không tôn trọng mẹ chồng. Ban đầu là những mâu thuẫn nhỏ, sau ngày càng gay gắt dẫn đến việc bà Dung đã đuổi chị Hà ra khỏi nhà.

Quá trình hòa giải

Nhận được thông tin vụ việc, tổ hòa giải ấp đã họp bàn cùng nhau giải quyết vụ việc.

Sau khi tìm hiểu, hòa giải viên đã xác định được mâu thuẫn giữa bà Dung và chị Hà có nguyên nhân sâu xa là vì kinh tế gia đình khó khăn, đất đai, nhà cửa chật hẹp và vợ chồng chị Hà lấy nhau đã nhiều năm lại chưa có con. Từ đó, hòa giải viên đã gặp gỡ từng bên phân tích, thuyết phục các bên hiểu rõ điều hay, lẽ phải. Rằng cuộc sống vốn khó khăn, mọi người cần phải yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau vun đắp, xây dựng cuộc sống gia đình. Khoản 1 Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định, các thành viên gia đình có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng nhau.

Đối với bà Dung, tổ hòa giải phân tích giúp bà hiểu, là mẹ chồng, bà nên coi con dâu như con đẻ, nên thông cảm và hiểu cho con dâu của mình còn “trẻ người non dạ”. Bà nên có lòng vị tha, độ lượng, không nên cay nghiệt, khắt khe với con dâu. Con dâu có điều gì không phải, bà nên tận tình dạy bảo, chỉ ra những điều hay, lẽ phải giúp con dâu nhận ra cái sai của mình để tự sửa chữa. Việc vợ chồng con trai và con dâu bà muợn có con là việc ngoài ý muốn. Hơn ai hết, chị Hà là người đầu tiên mong muốn mình được làm mẹ, cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng. Bên cạnh đó, với sự tiến bộ của y học ngày nay, cơ hội để vợ chồng chị Hà có con là rất lớn.

Về phía chị Hà, hòa giải viên cũng phân tích cho chị thấy, việc chị cư xử thiếu lễ phép với mẹ chồng là sai. Phận làm con, chị phải có biểu hiện yêu quý, kính trọng, hiếu thảo, lắng nghe những lời khuyên bảo đúng đắn của cha mẹ chồng cũng như cha mẹ đẻ, giữ gìn truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Chị phải hiểu rằng, nếu không có cha mẹ chồng thì làm sao có chồng của mình ngày hôm nay. Nếu trong lúc nóng giận, mẹ chồng có thái độ hoặc lời nói không đúng thì lựa lúc mẹ chồng vui vẻ, chị hãy giải thích để mẹ chồng hiểu và thông cảm. Đối với việc vợ chồng chị chậm có con, chị hãy cùng chồng phân tích để mẹ chồng chị hiểu đây là điều không ai mong muốn, anh chị cũng mong được làm cha, làm mẹ, cũng muốn bà có cháu để ẵm bồng, để xây dựng gia đình hạnh phúc và anh chị đang tìm cách chữa trị để sớm hoàn thành tâm nguyện của bản thân và gia đình.

Sau một thời gian gặp gỡ, phân tích, thuyết phục, hòa giải viên đã mời được hai mẹ con bà Dung và chị Hà ngồi lại với nhau để dàn hòa. Tại buổi hòa giải, bà Dung và chị Hà đều nhận ra lỗi của mình. Chị Hà đã chủ động xin lỗi mẹ chồng và bà Dung đã đón con dâu về nhà mình.

Tình huống 15: Năm 2012, vợ chồng anh Bình và chị Hương được Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H đồng ý cho ly hôn. Theo Quyết định của Tòa án, chị Hương có quyền nuôi con (một cháu sinh năm 2005 và một cháu sinh năm 2010), anh Bình có nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung mỗi tháng 3 triệu đồng và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong suốt 3 năm sau khi ly hôn, anh Bình không có một khoản phụ cấp nào cho chị Hương để nuôi hai cháu. Những lúc con bị ốm, chị Hương gọi điện cho anh Bình đến chăm sóc, đưa con đi viện, nhưng vì bận việc, không xin nghỉ

được nên anh Bình từ chối. Chị Hương quá tức giận vì anh Bình thiếu trách nhiệm trong việc thăm nom, cấp dưỡng, nên đến năm 2015, khi anh Bình có nhu cầu thăm con, muốn cấp dưỡng cho con, chị đã ngăn cấm, đồng thời nói xấu về anh Bình với các con, làm các cháu xa lánh bố. Những lúc anh muốn đón các cháu về nhà nội chơi nhưng các cháu cũng không chịu đi. Anh Bình rất bức xúc, thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị Hương và gia đình, nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, không bên nào nhường bên nào.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được thông tin, tổ trưởng tổ hòa giải đã phân công 2 hòa giải viên đến gia đình chị Hương tìm hiểu sự việc, đồng thời ông trực tiếp đến gặp anh Bình để nắm bắt nguyên nhân mâu thuẫn. Qua tổng hợp ý kiến của hòa giải viên, nắm bắt được nguyên nhân sự việc, tổ hòa giải đã tiến hành hòa giải tại gia đình nhà chị Hương. Tổ hòa giải đã phân tích cho hai bên về những việc làm đúng, sai của mình.

Về phía anh Bình: Anh Bình là cha của các con, anh phải thương yêu các con, có nhu cầu thăm con là chính đáng và chị Hương cùng gia đình chị Hương phải tôn trọng, tạo điều kiện để anh được thăm con. Tuy nhiên, việc anh không cấp dưỡng cho các con, không đến thăm con trong 3 năm và lại có những lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị Hương là sai, vì theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về phía chị Hương và gia đình chị Hương, bản thân chị không mong tình cảm cha con bị rạn nứt và chị cũng muốn có thêm một khoản tiền hàng tháng để cùng san sẻ, nuôi con, nhưng anh Bình trong 3 năm không thực hiện nghĩa vụ thăm nom, cấp dưỡng, nên chị bức xúc, tức giận là đúng. Tuy nhiên, khi anh Bình muốn cấp dưỡng và thăm nom con, chị Hương và gia đình lại ngăn cản, nói xấu bố với các con lại là sai, vì tại khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tổ hòa giải đề xuất, hai bên anh Bình và chị Hương cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi các cháu trưởng thành. Anh Bình tiếp tục được thăm nom và cấp dưỡng cho các con, hàng tháng được gặp gỡ, đưa các con về nhà ông, bà nội chơi 2 ngày và cấp dưỡng cho 2 con với số tiền là 3 triệu đồng một tháng theo quyết định của Tòa án. Chị Hương và gia đình chị Hương nhận tiền cấp dưỡng của anh Bình để chăm sóc các con và tạo điều kiện cho anh Bình được thăm nom các cháu.

Sau khi nghe phân tích, đề xuất của tổ hòa giải, anh Bình, chị Hương đã nhận ra những việc làm sai của mình, nhất trí thực hiện, cùng nhau chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành. Vụ việc hòa giải thành không chỉ hàn gắn tình cảm gia đình, cha con mà còn giúp cho áp, xóm được bình yên, an ninh trật tự được giữ vững.

Qua vụ việc này cho thấy, việc hòa giải thành là do có sự nhiệt tình, tâm huyết của các hòa giải viên đã trực tiếp tìm hiểu nguyên nhân, gặp gỡ, đối thoại với các bên.

Tình huống 16: Anh Vũ và chị Lan yêu nhau được 4 - 5 năm. Sau khi chị N có thai, hai người xin phép bố mẹ được kết hôn, nhưng ông Văn và bà Trân là bố mẹ của anh Vũ không đồng ý, vì theo họ, anh Vũ là “công chức đảng hoàng”, còn Lan lại “không công ăn việc làm”.

Lan ôm mối hận, về nhà bố mẹ đẻ để sinh con. Chị Lan đã sinh cháu gái và đặt tên là Linh. Khi lên hai tuổi, bé lẫm chẫm bi bô, giống anh Vũ như hai giọt nước. Vũ không thể làm ngơ, thường giấu bố mẹ lên thăm con. Bố mẹ Vũ xót lòng lắm, con bé xinh xắn đáng yêu, mặt mũi ấy rõ ràng là cháu mình. Nhân dịp tết, bố mẹ Vũ bảo Vũ đón cháu Linh về chơi ít ngày. Chị Lan cũng đồng ý và mừng vì con bé có được ông bà nội như bao đứa trẻ khác. Nhưng sau vài chục ngày, khi chị Lan đến đón con, thì bố mẹ Vũ (ông bà nội) ngăn lại, tuyên bố thẳng thừng: “Cô không xứng đáng làm mẹ nó, để chúng tôi nuôi”. Chị Lan khóc lóc, van xin, nhưng đều vô ích. Mâu thuẫn trở nên gay gắt.

Quá trình hòa giải

Tổ hòa giải tìm đến thăm hỏi ngọn ngành. Bố mẹ Lan thương con, thở dài ngao ngán: “Hòa giải chẳng ích gì đâu. Người ta cao sang, ai nói ai nghe! Tốt nhất là nhờ người bắt trộm cháu về”. Bà Thanh, tổ trưởng tổ hòa giải ôn tồn: “Ông bà và cháu yên tâm. Chúng tôi không nệ sang hèn, chỉ tôn trọng sự thật và lẽ phải. Quyền của mẹ nuôi dưỡng con đường đường chính chính, sao phải bắt cóc. Không thể lấy cái sai chống lại cái sai. Chúng tôi cần gia đình ta tin tưởng, hợp tác”.

Cuộc hòa giải được tổ chức. Ông bà Văn vẫn khăng khăng giữ cháu với lý do mẹ nó không có việc làm ổn định nên “không đủ tư cách”. Tổ hòa giải giải thích lý lẽ: Ông bà đã sai khi cản trở hôn nhân tự do, tiến bộ được quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và còn vi phạm Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Bộ luật Hình sự năm 2017 quy định về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật. Việc mẹ cháu Linh có đủ điều kiện nuôi dạy cháu hay không và có bị “hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên” theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hay không thì chỉ Tòa án nhân dân mới có thẩm quyền quyết định. Ông bà không đồng ý cho cô N làm con dâu, cháu Linh không được có cha đã là thiệt thòi cho hai mẹ con cháu, anh Vũ cũng không vui vẻ gì. Xét về lý và tình, ông bà đều sai.

Trước lý lẽ ngay thẳng, chắc chắn, ông bà Văn lúng túng, đành đồng ý trả cháu Linh về với mẹ, nhưng còn giao ước “gia đình tôi và con trai không chịu trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu. Nếu ở với chúng tôi thì gia đình tôi sẽ nuôi cháu đến trưởng thành”. Chị Lan nước mắt lưng tròng ký vào biên bản hòa giải thành.

Bài học kinh nghiệm: Tổ hòa giải thực sự sắc bén trong lý lẽ, nhưng xét toàn cục diện giải quyết vụ việc còn bỏ sót một số vấn đề cần quan tâm: *Thứ nhất*, trong hoàn cảnh cụ thể này, vì lý do tế nhị, chưa cần thiết chỉ rõ vị thế pháp lý của ông bà Văn đối với cháu Linh, nhưng điều giao ước lẽ ra cần lưu ý phân tích nhằm định hướng xử sự. *Thứ hai*, chị Lan có quyền yêu cầu xác định cha cho con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu. *Thứ ba*, hòa giải viên đưa cháu Linh về với mẹ là một thành công, bảo vệ được quyền, nghĩa vụ của chị Lan với con, nhưng mối quan hệ tình cảm giữa các bên chưa được cải thiện. Chuyện có thể tốt đẹp hơn nếu tổ hòa giải kịp thời đến ngay khi ông bà Văn ngăn cấm Vũ và Lan kết hôn, bắc một nhịp cầu cho họ. Giả sử tổ hòa giải nắm bắt được tâm tư, tình cảm của anh Vũ, chị Lan, lấy cháu Linh làm trung tâm để tác động thêm, có lẽ họ đã là một gia đình đầm ấm, trọn nghĩa vẹn tình.

Tình huống 17: Anh Quý bắt mẫn việc vợ là chị Minh chưa đẻ được con trai nối dõi, nên thường xuyên đi uống rượu say, rồi đánh đập chị Minh và các con. Do tình cảm vợ chồng còn thương nhau, nên chị Minh không tố cáo anh Quý, mà chỉ làm đơn xin đề nghị tổ hòa giải giúp đỡ, khuyên nhủ, răn đe để anh Quý tu chí làm ăn và yêu thương vợ con.

Quá trình hòa giải

Sau khi nhận được đơn đề nghị hòa giải của chị Minh, tổ trưởng tổ hòa giải ấp đã báo cáo trưởng ấp, chính quyền địa phương để có hướng giải quyết. Tổ trưởng tổ hòa giải cùng với trưởng ấp tiến hành tìm hiểu sự việc, xác định rõ nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Quý muốn có con trai nối dõi, nhưng chị Minh đã sinh được 3 con gái, mà lại không muốn tiếp tục sinh con nữa, vì hoàn cảnh gia đình nghèo khó, khiến anh bắt mẫn, hay uống rượu, không làm chủ được bản thân nên đánh đập vợ con.

Ngày 17/5/2014, tổ hòa giải ấp mời công chức tư pháp xã, đại diện công an xã cùng đến nhà anh chị Quý, Minh gặp gỡ và lắng nghe ý kiến của anh chị để có hướng phân tích, hòa giải.

Sau khi nghe ý kiến của anh Quý, chị Minh, đại diện tổ hòa giải ấp đã phân tích như sau:

Thứ nhất: Anh Quý đã vi phạm Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023). Theo khoản 1 Điều 3 của Luật này thì các hành vi bạo lực gia đình bao gồm: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng; Lãng mạ, chì chiết hoặc

hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình.

Thứ hai: Xét về tình cảm vợ chồng, anh Quý đã làm cho các thành viên trong gia đình (vợ, các con gái) bị tổn thương về thể xác, tinh thần. Việc anh Quý bắt vợ phải sinh con trai nối dõi, trong khi thực tế đã có ba con gái là không thực hiện đúng chính sách về dân số kế hoạch hóa gia đình. Hơn nữa, còn vi phạm Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức. Việc nuôi con ăn học ngày càng tốn kém, nếu đẻ nhiều con, quyền lợi của các con sẽ không được bảo đảm. Do vậy, để gia đình hạnh phúc, hàng xóm tôn trọng, giảm bớt khó khăn, các con đỡ bị thiệt thòi, đề nghị anh Quý bỏ rượu, không phân biệt con trai hay con gái, nêu phân biệt đối xử là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Nếu anh còn đánh đập vợ và các con, bỏ mặc gia đình, tổ hòa giải sẽ tố cáo anh với chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý. Các hành vi anh gây ra, tùy theo mức độ, nếu anh đối xử tàn bạo với vợ con, gây thương tích nặng, anh sẽ bị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau một thời gian phân tích, anh Quý hiểu ra việc anh gây bạo lực với vợ con là không đúng, xin lỗi vợ và hứa sẽ sửa sai, tu chí làm ăn để gia đình được hạnh phúc, đồng thời không làm ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh, ảnh hưởng đến an ninh trật tự ấp, xã.

TÌNH HUỐNG

TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG, MÔI TRƯỜNG VÀ LĨNH VỰC KHÁC

Tình huống 1: Hộ gia đình bà My nuôi rất nhiều heo nhưng hệ thống thoát nước thải, khí thải không đảm bảo, nước và khí thải được thải thẳng trực tiếp vào đường thoát nước của xóm làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và những hộ xung quanh. Dù đã được nhắc nhở nhiều lần nhưng hộ bà My vẫn không khắc phục, thậm chí tình trạng ô nhiễm ngày càng nặng hơn, gây bức xúc, ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng, nhất là vào những hôm trời nắng nóng hoặc mưa to, nước tràn lên đường.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn do gia đình bà My nuôi rất nhiều heo nhưng hệ thống tiêu thoát nước, khí thải không đảm bảo, nước và khí thải được thải thẳng trực tiếp vào đường thoát nước của xóm làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và những hộ xung quanh.

2. Căn cứ pháp lý:

Điều 251 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước thải: *“Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra nơi quy định, sao cho nước thải không chảy tràn sang bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề, ra đường công cộng hoặc nơi sinh hoạt công cộng.”*

Tổ chức hoạt động chăn nuôi tại hộ gia đình là một hình thức được gọi là chăn nuôi nông hộ (khoản 3 Điều 2 Luật Chăn nuôi năm 2018). Điều 56 Luật này quy định các điều kiện chăn nuôi nông hộ như sau:

1. Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người.
2. Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi.
3. Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Điều 31 Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi quy định phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp xử lý phân, nước thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và gây ảnh hưởng đến người xung quanh.

Bên cạnh đó, có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả

khắc phục trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trên.

3. Hướng giải quyết:

- Là hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định các điều kiện chăn nuôi nông hộ, trong đó có vấn đề xử lý nước thải.

- Hòa giải viên cần thuyết phục đề nghị gia đình bà Mỹ phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trong việc thoát nước thải, khí thải để không làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và những hộ xung quanh.

Tình huống 2: Nhà ông Quy và nhà ông Hải có ranh giới đất là hàng rào cây dâm bụt từ xưa. Nay ông Quy bàn với ông Hải phá bỏ cây dâm bụt đi để hai nhà xây chung bờ tường. Ông Hải nói với ông Quy: “Nếu ông có tiền, thì cứ xây bờ tường phía đất nhà ông, còn tôi chưa có tiền để xây, ông cứ để hàng rào dâm bụt lại đó cho tôi”. Hôm sau, ông Quy đã thuê thợ về chặt, phá bỏ hàng rào dâm bụt để xây tường. Ông Hải ra ngăn cản, hai bên giằng co nhau, dọa nạt và định đánh nhau. Bà con hàng xóm đến can ngăn và thông tin kịp thời cho tổ hòa giải sự việc trên. Tổ hòa giải đã có mặt, yêu cầu ông Quy dừng thi công và mời ông Hải, ông Quy vào nhà ông Hải để tiến hành hòa giải.

Giải quyết tình huống

Tổ hòa giải đã xác định rõ mâu thuẫn giữa hai ông là vì ông Quy đã tự ý ra phá bỏ hàng rào cây dâm bụt ngăn cách giữa hai hộ để xây tường rào, mà không được sự đồng ý của ông Hải. Sau khi nghe ý kiến trình bày của hai bên, ý kiến của các thành viên trong tổ hòa giải và một số người đại diện ở các hộ gần kề, bà Nga - tổ trưởng tổ hòa giải có ý kiến như sau:

Theo quy định của pháp luật, thì khi chưa được sự đồng ý của ông Hải, ông Quy chỉ được xây bờ tường vào bên đất nhà mình, mà không được phá bỏ rào cây dâm bụt làm mốc giới chung giữa hai nhà. Tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Chủ sở hữu bất động sản liền kề chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, xây tường ngăn cách trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình. Những người sử dụng đất liền kề có thể thỏa thuận với nhau về việc dựng cột mốc, hàng rào, xây tường ngăn, trồng cây trên ranh giới để làm mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản; những vật mốc giới này là sở hữu chung của những người đó*” và đến khi ông Quy xây tường rào, mà không được sự đồng ý của ông Hải, thì ông Quy cũng phải xây tường rào trên phần đất nhà mình. Do vậy, nếu như hai ông không thỏa thuận được, thì việc ông Quy chặt phá bỏ rào cây dâm bụt mốc giới chung giữa hai nhà là sai. Nhưng cũng như các thành viên đã có ý kiến, hai bên ở liền kề nhau, sống chung lâu dài, nên bàn bạc cụ thể để xây dựng tường rào chung, để sau này hai gia đình chỉ có một bờ rào ngăn cách,

vừa đẹp, vừa tiết kiệm được đất và hai nhà có trách nhiệm bảo vệ tường rào đó và sử dụng chung là ranh giới giữa hai nhà.

Sau khi nghe phân tích của tổ hòa giải, hai bên đã đi đến thống nhất là phá bờ rào cây dâm bụt để xây tường rào ngăn cách, mỗi bên trích ra một ít đất bằng nhau để xây tường rào chung. Chi phí vật liệu, ông Quy thống nhất với ông Hải là chia đôi, mỗi nhà chịu một nửa. Còn công xây, ông Quy chịu cả cho ông Hải, vì ông Hải còn khó khăn. Khi làm, ông Hải đóng góp công lao động trực tiếp, tiền vật liệu ông Quy cho ông Hải hẹn đến vụ thu hoạch tháng 4/2018 sẽ trả. Sau khi thống nhất, hòa giải viên lập biên bản hòa giải thành, hai bên cùng ký và tự giác thực hiện.

Tình huống 3: Để có thêm phòng để cho thuê, bà Khánh tự ý coi nói xây dựng thêm một căn phòng 12 m² khiến toàn bộ tường phía bên hông nhà ông Hùng (giáp ranh với nhà bà Khánh) bị rạn nứt. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi giữa ông Hùng và bà Khánh. Ông Khánh đến liên hệ Tổ Hòa giải yêu cầu tư vấn.

Giải quyết tình huống:

1. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Mâu thuẫn do bà Khánh tự ý coi nói xây dựng thêm một căn phòng 12 m² khiến toàn bộ tường phía bên hông nhà ông Hùng bị rạn nứt.

2. Căn cứ pháp lý:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật xây dựng năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020) thì công trình xây dựng sai quy hoạch xây dựng, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với công trình theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung quy định trong giấy phép xây dựng thì phải bị phá dỡ.

Đồng thời điểm d khoản 3 Điều 118 Luật xây dựng năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020) cũng quy định tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đang sử dụng công trình thuộc trường hợp phải phá dỡ phải chấp hành quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp không chấp hành thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ.

3. Hướng giải quyết:

Căn cứ Luật xây dựng năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020), Hòa giải viên cần giải thích việc bà Khánh tự ý coi nói căn hộ, xây thêm căn phòng là trái pháp luật. Đồng thời, thuyết phục bà Khánh phải phá dỡ công trình coi nói, nếu bà K không tự nguyện thực hiện thì có thể bị cưỡng chế phá bỏ căn phòng trên. Các chi phí có liên quan đến việc phá dỡ công trình bà K phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tình huống 4: Nhà anh Tú và anh Mạnh là hàng xóm. Do đi làm xa nên có khi 05 năm gia đình anh T mới về nhà một lần. Anh Mạnh thấy nhà

anh Tú để không nên đã tận dụng khoảng sân trước của nhà anh Tú để mở quán sửa xe mà không nói cho anh Tú biết. Khi anh Tú về thấy sân nhà mình đã bị anh Mạnh sử dụng thì rất bức xúc. Hỏi anh T có quyền đòi lại tài sản trên từ anh Mạnh không?

Giải quyết tình huống:

1. Căn cứ pháp lý:

Điều 166 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định như sau:

“Điều 166. Quyền đòi lại tài sản

1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

2. Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ sự chiếm hữu của chủ thể đang có quyền khác đối với tài sản đó.”

2. Hướng giải quyết:

Trong tình huống này, anh Tú là chủ sở hữu, chủ sử dụng hợp pháp của nhà đất của mình. Trong thời gian anh Tú đi làm xa, Anh Mạnh đã chiếm hữu, sử dụng, được lợi về tài sản (sử dụng khoảng sân của nhà anh Tú để làm quán sửa xe) mà không cho anh Tú biết, anh Tú cũng không ủy quyền cho anh Mạnh. Như vậy, hành vi của anh Mạnh là chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ Luật Dân sự 2015, anh Tú có quyền đòi lại tài sản từ anh Mạnh.

Tình huống 5. An và một số người dân gần nhà ở nông thôn, có thói quen đổ rác bừa bãi ra đường chứ không phải địa điểm tập trung, dẫn đến nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất cục bộ. Tuy nhiên rất khó xác định cá nhân hay tổ chức gây ô nhiễm, vì cộng đồng dân cư khu vực đó cho rằng hàng ngày vẫn có xe chở rác từ nơi khác đến đổ chứ không chỉ của cư dân. Trong trường hợp này, cơ quan nào chịu trách nhiệm xử lý ô nhiễm môi trường đất?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do mình gây ra.

Trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thì nhà nước có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất ở khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

Tình huống 6. Anh Xuân có một cơ sở kinh doanh thực phẩm sạch. Anh Xuân là người luôn chấp hành pháp luật cao nên a Xuân vừa muốn kinh doanh vừa muốn bảo vệ môi trường. Để bảo vệ môi trường, cơ sở kinh doanh của anh Xuân phải có những trách nhiệm gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm sau đây:

- Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở phải thực hiện việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung đó, trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đầu nối nước thải trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

- Cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa thực hiện theo quy định pháp luật;

- Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định của Luật này;

- Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt;

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận;

- Thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải theo quy định của Luật này.

Tình huống 7. Bình và Hùng ngồi nhậu với nhau, 2 người tranh luận, Bình cho rằng bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả mọi người, Hùng thì cho rằng bản thân không có trách nhiệm gì. Trong trường hợp này thì cá nhân có trách nhiệm gì trong việc bảo vệ môi trường không? Pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân như sau:

- Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định.

- Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư.

- Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh.

- Chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư.

- Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tình huống 8. Gia đình anh Đức có trang trại sản xuất nông nghiệp. Để phục vụ sản xuất, anh Đức dự tính nhập một lượng thuốc trừ sâu bảo vệ thực phẩm. Vậy anh Đức có phải đăng ký loại thuốc này hay không?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo đó, thuốc trừ sâu được sử dụng phục vụ sản xuất sẽ có tác động xấu đến môi trường và sức khỏe, do đó phải đăng ký theo quy định của pháp luật.

Tình huống 9. Nhà chị Nhung chuẩn bị phá dỡ để xây dựng. Trong trường hợp này, việc xử lý các chất thải được thực hiện như thế nào?

Khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

Tình huống 10. Xưởng gỗ gần nhà anh Khoa hoạt động liên tục và phát tán rất nhiều bụi. Để tránh gây ô nhiễm môi trường, việc quản lý và kiểm soát bụi phải thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Điều 88 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Tình huống 11. Xưởng gia công đá do Hải làm giám đốc không những phát tán bụi mà còn gây tiếng ồn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường rất cao. Hỏi, tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn phải thực hiện quản lý và kiểm soát như thế nào?

Trả lời:

Điều 89 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu như sau:

- Tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải kiểm soát, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường và bức xạ.

- Tổ chức, cá nhân trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

- Tổ chức, cá nhân quản lý tuyến đường có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải có biện pháp giảm thiểu, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ. Việc sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo hoa thực hiện theo quy định của Chính phủ./.

DANH MỤC TẬP QUÁN LẠC HẬU VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CẦN VẬN ĐỘNG XÓA BỎ HOẶC CẤM ÁP DỤNG

(theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ)

1. Tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ

(1). Kết hôn trước tuổi quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

(2). Việc đăng ký kết hôn không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

(3). Cường ép kết hôn do xem “lá số” và do mê tín dị đoan; cản trở hôn nhân do khác dân tộc, tôn giáo.

(4). Nếu nhà trai không có tiền cưới và đồ sính lễ thì sau khi kết hôn, người con rể buộc phải ở rể để trả công cho bố, mẹ vợ.

(5). Quan hệ gia đình theo chế độ phụ hệ hoặc mẫu hệ, không bảo đảm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa con trai và con gái.

(a) Chế độ phụ hệ:

Khi ly hôn, nếu do người vợ yêu cầu ly hôn thì nhà gái phải trả lại nhà trai toàn bộ đồ sính lễ và những phí tổn khác; nếu do người chồng yêu cầu ly hôn thì nhà gái vẫn phải trả lại nhà trai một nửa đồ sính lễ. Sau khi ly hôn, nếu người phụ nữ kết hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì. Sau khi cha, mẹ ly hôn, con phải theo cha.

Khi người chồng chết, người vợ góa không có quyền hưởng phần di sản của người chồng quá cố để lại. Nếu người vợ góa tái hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì.

Khi người cha chết, chỉ các con trai có quyền còn các con gái không có quyền hưởng phần di sản của người cha quá cố để lại.

(b) Chế độ mẫu hệ:

Người con bị bắt buộc phải mang họ của người mẹ.

Khi người vợ chết, người chồng góa không có quyền hưởng phần di sản của người vợ quá cố để lại và không được mang tài sản riêng của mình về nhà.

Khi người mẹ chết, chỉ các con gái có quyền còn các con trai không có quyền hưởng phần di sản của người mẹ quá cố để lại.

Sau khi ở rể, người con rể bị “từ hôn” hoặc sau khi ăn hỏi, nhận đồ sính lễ, người con trai bị “từ hôn” thì không được bù trả lại.

(6). Không kết hôn giữa người thuộc dân tộc này với người thuộc dân tộc khác và giữa những người khác tôn giáo.

2. Các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cấm áp dụng

(1). Chế độ hôn nhân đa thê.

(2). Kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ, giữa những người khác có họ trong phạm vi ba đời.

(3). Tục cướp vợ để cưỡng ép người phụ nữ làm vợ.

(4). Thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché... để dẫn cưới).

(5). Phong tục “nối dây”; Khi người chồng chết, người vợ góa bị ép buộc kết hôn với anh trai hoặc em trai của người chồng quá cố; khi người vợ chết, người chồng góa bị ép buộc kết hôn với chị gái hoặc em gái của người vợ quá cố.

(6). Bắt buộc người phụ nữ góa chồng hoặc người đàn ông góa vợ, nếu kết hôn với người khác thì phải trả lại tiền cưới cho nhà chồng cũ hoặc nhà vợ cũ.

(7). Đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn./.

MỤC LỤC

Lời nói đầu:	1
Phân lý thuyết: Một số vấn đề chung về hòa giải ở cơ sở	2
I. MỘT SỐ KIẾN THỨC CHUNG VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ	2
1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hòa giải ở cơ sở	2
2. Phạm vi hòa giải ở cơ sở	6
3. Nguyên tắc hòa giải ở cơ sở	10
3. Quy trình hòa giải ở cơ sở	15
5. Thủ tục đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.....	19
II. KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ	22
1. Kỹ năng tiếp cận thông tin về vụ, việc hòa giải và nhu cầu của các bên	22
2. Kỹ năng tìm mâu thuẫn, xung đột lợi ích cốt lõi, nguyên nhân chủ yếu	26
3. Kỹ năng tra cứu, tham khảo, vận dụng pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong hoạt động hòa giải ở cơ sở	28
4. Kỹ năng tổ chức, điều hành, kiểm soát buổi hòa giải	34
5. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp	39
6. Kỹ năng ghi chép biên bản, sổ theo dõi hoạt động hòa giải, lập văn bản hòa giải thành, văn bản hòa giải không thành	42
Phần tình huống:	46
- Lĩnh vực pháp luật dân sự:.....	46
- Lĩnh vực pháp luật về hôn nhân và gia đình:.....	84
- Lĩnh vực đất đai, xây dựng, môi trường và lĩnh vực khác:	103
PHỤ LỤC	110